

Nguyễn Quốc Hùng, M.A.

**HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT PHIÊN DỊCH**

**ANH - VIỆT
VIỆT - ANH**

*Interpreting Techniques
English - Vietnamese
Vietnamese - English*

TÁI BẢN CÓ SỬA CHỮA VÀ BỔ SUNG



Mục lục

(Contents)

Lời cảm ơn (Acknowledgement)	5
Đề dẫn (Introduction)	7
Chương 1: Các cấp độ và loại hình dịch	11
<i>(Levels+ and Types of Interpreting)</i>	
Chương 2: Tiêu chí, quy tắc, và đạo đức của người phiên dịch	26
<i>(The Criteria, Rules, and Codes of Ethics)</i>	
Chương 3: Nghe hiểu để dịch	47
<i>(Understanding the Message to Translate)</i>	
Chương 4: Trí nhớ	81
<i>(Memory)</i>	
Chương 5: Ghi chép để dịch	93
<i>(Take Notes to Interpret)</i>	
Chương 6: Từ đồng nghĩa và sự kết hợp từ	117
<i>(Synonyms and Collocations)</i>	
Chương 7: Diễn giải và tái diễn đạt	133
<i>(Paraphrase and Reformulation)</i>	
Chương 8: Đơn giản hoá	155
<i>(Simplification)</i>	
Chương 9: Giải thích và dịch tên riêng	167
<i>(Explanation and the Interpretation of Proper Names)</i>	
Chương 10: Kỹ năng trình bày	177
<i>(Presentation)</i>	
Text for Interpreting Practice	187

Acknowledgements

This book would not exist without the immense encouragement which I received along the way from my colleagues and students. In particular I owe a great debt to Phạm Ngọc Thạch and Đặng Xuân Thu who were inordinately supportive. For the production phase I acknowledge the excellent assistance from Hồ Chí Minh City General Publishers, especially the editors.

In the process of field testing the manuscript, I received much helpful feedback from my students. I sincerely wish to acknowledge Asian Institute of Technology Centre in Vietnam who enables me to test my ideas through its interpretation and translation courses.

Lời cảm ơn

Quyển sách này không thể ra đời nếu không có sự khích lệ lớn lao của các bạn đồng nghiệp và các học trò của tôi. Tôi đặc biệt cảm ơn thầy giáo Phạm Ngọc Thạch và thầy giáo Đặng Xuân Thu, những người đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Về khâu xuất bản sách, tôi xin thành thật cảm ơn Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, nhất là các anh chị biên tập.

Trong quá trình hoàn thành bản thảo, tôi đã nhận được nhiều hồi âm bổ ích của các sinh viên của tôi. Tôi chân thành cảm ơn Trung tâm Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AITCV) đã giúp tôi cơ hội thể nghiệm ý tưởng của mình thông qua các khoá đào tạo phiên, biên dịch của Trung tâm.

Nguyễn Quốc Hùng, M.A.

Đề dẫn

Dịch là một nghề nghiệp. Nghề dịch có hai ngành khác nhau rất cơ bản. Đó là **dịch viết hay biên dịch** (*translation*) và **dịch nói hay phiên dịch** (*interpreting*). Nếu chúng ta cho rằng dịch viết phải tầm chương trích cú thì dịch nói phải đủ ý và rõ ràng. Mỗi loại dịch lại có những tiêu chí riêng đối với người dịch. Chẳng hạn dịch viết đòi hỏi người biên dịch (*translator*) có khả năng khai thác tư liệu một cách phong phú và đa dạng thì dịch nói đòi hỏi người phiên dịch (*interpreter*) phải có trí nhớ tốt (*good memory*), đặc biệt là trí nhớ tạm thời (*short term memory*). Đồng thời mỗi loại dịch lại có một số kỹ thuật riêng để thực hiện nhiệm vụ dịch thuật.

Ngành phiên dịch có hai loại hình khá khác biệt: **dịch đuổi** (*consecutive interpreting*) và **dịch song song** (*simultaneous interpreting*).

Trong loại hình dịch đuổi, phiên dịch đợi cho diễn giả (*speaker*) nói hết một đoạn ngắn đủ nghĩa, dừng lại, rồi mới bắt đầu dịch. Cứ như vậy phiên dịch "đuổi" theo diễn giả cho đến hết cuộc nói chuyện.

Trong loại hình dịch song song, phiên dịch được trang bị tai nghe (*headphone*) để nghe diễn giả nói, nói đến đâu phiên dịch dịch đến đó. Đại biểu cũng thường dùng tai nghe (*headphone, earphone*) để nghe lời dịch, thông qua một hệ thống thiết bị dịch song song (*interpreting facilities*). Theo cách dịch song song phiên dịch có khi chỉ đi sau diễn giả một câu.

Hai loại hình dịch này không thể nói loại hình nào dễ hơn. Một phiên dịch dịch đuổi phải rèn luyện khả năng trình bày, diễn thuyết (*presentation*) trước đám đông, phải có trí nhớ tốt; còn phiên dịch dịch song song, mặc dù ngồi ẩn mình trong cabin nhỏ hẹp, không phải đối mặt với đám đông, nhưng lại phải rèn luyện phản xạ (*response, reaction*) thật nhanh, và lưu loát về ngôn ngữ.

Dù dịch theo hình thức nào đi chăng nữa, người phiên dịch đều phải thực hiện quy trình:

1. Nghe hiểu ngôn ngữ nguồn (SL)
2. Phân tích ngôn ngữ học và văn hoá
3. Diễn đạt lại bằng ngôn ngữ mục tiêu (TL).

Trong cả hai loại hình dịch người phiên dịch đều phải thực hiện quy trình này dưới một sức ép rất lớn, hoặc là do bối cảnh, hoặc là về thời gian.

Ngoài những yêu cầu trên, người phiên dịch còn phải rèn luyện phẩm chất cá nhân để có thể giữ được danh dự và uy tín, để có thể thực hiện công việc một cách chuyên nghiệp.

Bước vào nghề phiên dịch, người dịch phải thông thạo ít nhất hai ngôn ngữ, gọi là **ngôn ngữ làm việc** (*working languages*). Yêu cầu chung là phiên dịch qua lại với tiếng mẹ đẻ. Có một số phiên dịch thông thạo hai ba thứ tiếng như tiếng mẹ đẻ, và do vậy họ có được hai ba đầu vào (*ngôn ngữ nguồn: source language, SL*) và hai ba đầu ra (*ngôn ngữ mục tiêu: target language, TL*). Các phiên dịch của Liên minh Châu Âu (EU) phải thành thạo ít nhất là ba đến bốn thứ tiếng, một số phiên dịch tài năng có thể dịch được từ mười thứ tiếng khác nhau. Thường những người này chỉ dịch các thứ tiếng khác sang tiếng mẹ đẻ của họ.

Đó là về ngoại ngữ. Về tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt, nhiều phiên dịch của chúng ta còn non kém. Trước hết trong điều kiện làm việc với sức ép rất lớn về cường độ công việc cũng như về tâm lý, người phiên dịch thường gặp khó khăn về tiếng mẹ đẻ. Khi dịch, lời dịch nghe "tây" quá, và nhiều khi loang quanh, mơ hồ, khó hiểu, theo kiểu "bây giờ chúng tôi đến, chốc nữa chúng tôi lại đi", hoặc những câu mà lượng thông tin gần bằng không, như "nền giáo dục của chúng tôi là giáo dục lớp trẻ kiến thức", hoặc những câu tối nghĩa như "Chúng tôi cũng biết có những điều không nên làm được làm". Tất nhiên, nhiều trường hợp câu mơ hồ hay tối nghĩa xuất hiện vì người dịch không thực sự hiểu nội dung lời nói của diễn giả, hoặc cảm thấy ngỡ ngàng về hàm ý của câu nói mà mình chưa đoán ra được. Tuy nhiên trong hoàn cảnh nào người phiên dịch cũng phải nói rõ ràng, ngay cả khi dịch sai (tất nhiên nên tránh trường hợp này) thì câu dịch cũng phải rõ ràng. Đây là chưa nói đến những yêu cầu về văn phong tiếng mẹ đẻ. Do vậy ngay trong sinh hoạt hàng ngày, người phiên dịch cũng phải có ý thức sử dụng ngôn ngữ một cách nghiêm chỉnh, câu cú mạch lạc. Phiên dịch là phản xạ. Đã nói đến phản xạ, thông thường không có thời gian nghĩ, đắn đo về ngôn từ, có thể nào thì "bật ra" thế ấy. Một người hàng ngày quen dùng những loại câu cụt lủn, những ngôn từ "cẩu thả" thì khi vào dịch khó tránh khỏi những ảnh hưởng xấu, gây ấn tượng thiếu nghiêm chỉnh đối với người nghe, vì một lẽ đương nhiên, nghề dịch là nghề luôn luôn làm việc trong bối cảnh nghi thức (*formal situations*). Một câu nói đùa cũng mang tính nghi thức. Ví dụ: chúng ta đến phỏng vấn một chuyên gia phụ trách sản xuất của một công ty: *Thưa ông, ông có thể cho chúng tôi biết công việc của ông là gì*. Ông ta có thể bắt đầu câu trả lời bằng câu: *Would you like to stay the whole day with me?* (*Thế các anh định ở đây với tôi suốt ngày chẳng?*), thì đây là câu nói đùa, nhưng vẫn rất nghiêm túc. Có lẽ rất ít có phiên dịch phải đối đầu với lối nói đùa "thô bạo", hay "bậy bạ".

Nghề dịch cũng đòi hỏi cả chất giọng của người dịch. Vấn đề chất giọng ở đây không giống với tiêu chí dành cho một phát thanh viên truyền hình hoặc phát thanh, hoặc chất giọng của một diễn viên. Người phiên dịch không cần đổi giọng để thể hiện được nhiều vai diễn, không cần trầm trầm bổng bổng như đọc thơ. Chúng ta hãy xem sự đòi hỏi chất giọng rơi vào bình diện nào. Có một số người hàng ngày hay có "tật" nói to,

thậm chí trong buồng tắm cũng nói to như khi đang ở trên đồng cỏ. Vậy trước hết phải rèn khả năng nói nhỏ nhưng vẫn rõ ràng, dễ nghe. Trên bàn làm việc hàng ngày nên có dòng chữ in màu đỏ, nét đậm: Nói nhỏ! Ngược lại có một số người hay nói "lí nhí", nhất là phiên dịch nữ. Từ "lí nhí" bản thân nó đã bao hàm nghĩa "không rõ, không rành mạch, không đủ âm lượng". Vậy trước hết hàng ngày hãy tập nói trước gương để "nhìn thấy" lời nói của mình, hãy tập đứng vào một góc nhà, nói cho cả nhà nghe một thông tin nào đó, hay tập đứng ở góc lớp nói chuyện với các bạn đứng giữa lớp. Yêu cầu chung về chất giọng phiên dịch là "nói có tình cảm". Điều đó có nghĩa là giọng nói lúc to lúc nhỏ có chủ định.

Đi sâu hơn nữa về nghề phiên dịch, chúng ta thấy trong dịch đuổi cũng có ba loại hình thông dụng:

1. Dịch toàn bộ bài phát biểu (*whole speech interpreting*)
2. Dịch hội thoại (*dialogue interpreting, community interpreting*)
3. Dịch theo đoàn (*escort interpreting, cultural interpreting*)

Còn một loại dịch nữa xuất hiện trong cả hai loại hình dịch đuổi và dịch song song, đó là **dịch thẳng từ văn bản SL** (*sight interpreting*)

Cả ba loại hình dịch nói ở trên đều có liên quan đến hai bên (*parties*) và người phiên dịch đứng giữa (*immediate*). Sự cần thiết của người phiên dịch là ở chỗ hai bên đều không tự vượt qua được "những hàng rào (*barriers*)" thuộc nhiều bình diện khác nhau. Những người ở các nước khác nhau đến giao tiếp (thông qua phiên dịch) giữa họ không phải chỉ có hàng rào ngôn ngữ (*linguistic barrier*), tức là họ nói các thứ tiếng khác nhau, mà còn nhiều rào cản khác nữa, như khối lượng kiến thức (*bodies of knowledge*) khác nhau, sự đào tạo (*education*) khác nhau, và nhất là xuất thân từ nhiều nền văn hoá (*culture*) khác nhau. Tất cả những điều đó dẫn đến phương thức tư duy (*intellectual approach*) khác nhau. (Chi tiết xem: Conference Interpreter Explained, 2002: 3). Đây mới chính là loại hàng rào mà người phiên dịch nếu không có sự chuẩn bị sẽ không vượt qua nổi. Chúng ta hãy thử tưởng tượng trong tình huống đoàn Việt Nam trong khi tiếp đoàn Anh nói rằng: "Nếu thống nhất được điều này thì đêm nay chúng ta có thể kê cao gối được rồi". Nếu người phiên dịch dịch nguyên văn như vậy sang tiếng Anh thì đoàn Anh sẽ ngỡ ngàng không hiểu mình ám chỉ gì, vì đối với người Anh, muốn ngủ ngon phải có chiếc gối mềm (*soft pillow*), tức là lún đầu vào gối chứ không phải dùng gối cứng kê cao đầu lên.

Nhìn chung, nghề dịch chịu một thách thức rất lớn chính là ở điểm này, tức là khó khăn về giao tiếp (*communication difficulties*), trong đó có khó khăn về văn hoá như vừa nói ở trên. Khó khăn văn hoá có thể là những yếu tố bộc lộ (*explicit*), khi người nói, ví dụ người Việt (SL), nói đến những khái niệm chính trị (phong trào ba sẵn sàng, ba đảm đang), kinh tế (nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa), xã hội (nhà tình

thương, quý tình nghĩa, người có công với cách mạng), những thiết chế (cục, vụ, viện), chức vụ (thứ trưởng, trưởng ban), những khái niệm không có tương đương trực tiếp (direct equivalent) trong cộng đồng TL.

Khó khăn văn hoá cũng có thể là tiềm ẩn (*implicit*), đó là cách tư duy, cách tiếp cận (*intellectual approach*) trước một vấn đề cụ thể. Ví dụ khi thảo luận biện pháp đào tạo của một dự án, phía Việt Nam yêu cầu phải trả tiền cho người đi học, một khái niệm phía Anh không hiểu được và không chấp nhận. Cũng xuất phát từ cách tư duy của một nền văn hoá người nói thường dùng cách diễn đạt khác với đối tác khác nền văn hoá với mình. Những lối nói understatement (I don't think you're right), hoặc hyperbole (I've invited millions of friends to my birthday party), hoặc irony (He stole a million dollars and died a month later) của người Anh ít khi dễ hiểu đối với người Việt.

Nói tóm lại, nghề phiên dịch không phải thuần tuý là quy trình chuyển mã (*the transcoding process*), mà thực sự là một sự kiện giao lưu văn hoá (*a cross-cultural event*) (Chi tiết xem: Translation Studies - An Integrated Approach, by Mary Snell-Hornby. John Benjamins Publishing Company. Amsterdam/Philadelphia. 1985/1995).

Người dịch trước khi bước vào nghề dịch cần được trang bị một cách đầy đủ về ngôn ngữ học, kiến thức chung, văn hoá nền, kỹ thuật dịch, sức khoẻ và nhất là đạo đức người phiên dịch. Thời hiện đại đã cho chúng ta một bài học: không nên bước vào một nghề mà không qua đào tạo. Bản thân từ "nghề" đã bao hàm ý "phải đào tạo mới làm được".

Chương 1

CÁC CẤP ĐỘ VÀ LOẠI HÌNH DỊCH

Levels and types of interpreting



Tranning course interpreting

Khi chúng ta nói phiên dịch là một nghề (*a craft*) thì lẽ tất nhiên nó có tiêu chí của một nghề và người làm nghề ấy cũng phải đạt được những tiêu chí nhất định.

A. Các cấp độ phiên dịch (*Levels at which interpreters are accredited*)

Để hiểu rõ hơn những đòi hỏi đối với người làm nghề phiên dịch, chúng ta hãy cùng nghiên cứu các trình độ kiểm định của tổ chức phiên dịch quốc tế NAATI.

** Mục tiêu chính của NAATI là thiết lập những chuẩn mực cho biên dịch và phiên dịch, phát triển phương tiện kiểm định biên phiên dịch ở các cấp khác nhau, phát triển và thực hiện một hệ thống quốc gia về đăng ký và cấp giấy phép cho họ".*

** The major objectives of NAATI are to establish professional standards for interpreters and translators, to develop the means by which interpreters and translators can be accredited at various levels, and to develop and implement a national system of registration and licensing.*

(NAATI Test Information: 1)

Theo tài liệu này, hệ thống kiểm định phiên biên dịch chia làm năm cấp độ:

Cấp độ 1: ở cấp độ này người được kiểm định chưa được coi là phiên dịch mà chỉ là "**người hỗ trợ về ngôn ngữ**" (*language aide*). Đạt trình độ này là những người có khả năng sử dụng ngôn ngữ đủ để đáp ứng những mục đích giao tiếp bình thường.

Cấp độ 2: dành cho những người có năng lực sử dụng ngôn ngữ thứ hai cho nhiệm vụ chủ yếu của người phiên dịch. Người đạt cấp độ này được gọi tên là **para-professional interpreter** (*phiên dịch bán chuyên nghiệp*)

Cấp độ 3: là trình độ nghiệp vụ đầu tiên đáp ứng nhu cầu phiên dịch. Có thể chuyên sâu hơn về một (số) lĩnh vực nào đó. Người đạt cấp độ này được gọi tên là **interpreter** (*phiên dịch*)

Cấp độ 4: là trình độ nghiệp vụ mang tính chuyên nghiệp cao. Những phiên dịch đạt trình độ bốn là những người có khả năng dịch cả hai loại hình, dịch đuổi và dịch song song cho các cuộc họp, hội thảo, hội nghị về kinh tế, khoa học và chính trị quốc tế. Phiên dịch cấp độ 4 phải có khả năng hoạt động với một độ nhuần nhuyễn, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Người đạt cấp độ này được gọi tên là **conference interpreter** (*phiên dịch hội nghị; ở Việt Nam thường gọi là phiên dịch ca-bin*).

Cấp độ 5: là những phiên dịch ở trình độ cao của hệ thống kiểm định NAATI. Những phiên dịch ở loại này phải thể hiện được tính nghiệp vụ chuyên nghiệp cao, có kinh nghiệm đa dạng và thể hiện năng lực dẫn đầu trong lĩnh vực của mình, phải có khả năng giám sát và tổ chức thực hiện công việc dịch thuật cho một đội phiên dịch. Người đạt cấp độ này được gọi tên là *senior conference interpreter* (chuyên viên phiên dịch hội nghị).

Nói tóm lại, người đạt cấp độ 1 mới chỉ là người có khả năng sử dụng ngôn ngữ để hỗ trợ người khác trong giao tiếp, còn từ cấp độ 2 trở lên mới được coi là cấp độ mang tính nghề nghiệp. Sự khác nhau cơ bản giữa cấp độ 1, 2 và cấp độ 3, 4, 5 là sự khác nhau về kỹ năng dịch. Cấp độ 1, 2 chưa mang tính chuyên nghiệp về dịch thuật, mà chủ yếu vẫn chỉ là những người có khả năng sử dụng thành thạo hai ngôn ngữ trở lên, đôi khi sử dụng vào những công việc dịch thông thường.

Một người phiên dịch trước khi ra làm việc cần được đào tạo và dự thi theo từng cấp độ để được công nhận trình độ bằng một chứng chỉ nghiệp vụ. Đây là loại chứng chỉ cấp cho những phiên dịch đạt yêu cầu kiểm định, gọi là *certificate of accreditation*. Trước năm 1984 Chứng chỉ được cấp chỉ có giá trị trong 5 năm. Ngày nay chứng chỉ được cấp có giá trị dài hạn. Tuy nhiên chứng chỉ này không cấp cho những người mới đạt cấp độ 1, tức là những người hỗ trợ ngôn ngữ (*language aide*). Một loại chứng nhận *Language Aide* được cấp thay cho chứng chỉ nghiệp vụ.

Để biết rõ hơn về tiêu chí mà người phiên dịch phải đạt được ở từng cấp độ, chúng ta cùng nghiên cứu hệ thống thi cấp chứng chỉ của NAATI, một hệ thống có chuẩn quốc tế và được quốc tế công nhận.

B. Chứng chỉ

1. Chứng chỉ cấp độ 2:

(Bài thi khoảng 40 phút, kể cả 10 phút khoảng thời gian trống trong khi thi)

Phần 1: *Bình diện văn hoá, xã hội (5 phút)*

Section 1: *Cultural and Social Aspects (5 minutes)*

Ban Giám Khảo (BGK) đặt cho thí sinh một số câu hỏi về văn hoá xã hội có liên quan đến công tác phiên dịch. Một số câu hỏi bằng tiếng Anh, một số bằng (các) thứ tiếng khác. Thí sinh trả lời miệng.

Điểm cho phần này: 5 điểm

Phần 2: Đạo đức nghề nghiệp (5 phút)
Section 2: Ethics of the Profession (5 minutes)

BGK đặt cho thí sinh một số câu hỏi dựa trên những tài liệu đã xuất bản về các quy tắc đạo đức của nghề phiên dịch (*code of ethics of the profession*). Một số câu hỏi bằng tiếng Anh, một số bằng (các) thứ tiếng khác. Câu hỏi thiết kế nhằm kiểm tra kiến thức của thí sinh về lĩnh vực này. Thí sinh trả lời miệng.

Điểm cho phần này: 5 điểm

Phần 3: Dịch đối thoại (20 phút)
Section 3: Dialogue Interpreting (20 minutes)

Đề thi bao gồm hai cuộc đối thoại khoảng 250-300 từ, giữa một người là người Anh và một người nói thứ tiếng khác. Mỗi cuộc đối thoại đều được chia thành từng đoạn ngắn để dịch, mỗi đoạn không dưới 35 từ.

Điểm cho phần này: 45 + 45 = 90 điểm

Kết quả: Để được cấp chứng chỉ thí sinh phải đạt tổng điểm là 70%, và điểm của phần phiên dịch phải đạt ít nhất là 63/90.

2. Chứng chỉ cấp độ 3:

(Bài thi khoảng 40 phút, kể cả 10 phút khoảng thời gian trống trong khi thi)

Phần 1: Bình diện văn hoá, xã hội (5 phút)
Section 1: Cultural and Social Aspects (5 minutes)

BGK đặt cho thí sinh một số câu hỏi về văn hoá xã hội có liên quan đến công tác phiên dịch. Một số câu hỏi bằng tiếng Anh, một số bằng (các) thứ tiếng khác. Thí sinh trả lời miệng.

Điểm cho phần này: 5 điểm

Phần 2: Đạo đức nghề nghiệp (5 phút)
Section 2: Ethics of the Profession (5 minutes)

BGK đặt cho thí sinh một số câu hỏi dựa trên những tài liệu đã xuất bản về các quy tắc đạo đức của nghề phiên dịch (*code of ethics of the profession*). Một số câu hỏi

bằng tiếng Anh, một số bằng (các) thứ tiếng khác. Câu hỏi thiết kế nhằm kiểm tra kiến thức của thí sinh về lĩnh vực này. Thí sinh trả lời miệng.

Điểm cho phần này: 5 điểm

Phần 3: Dịch đối thoại (20 phút)

Section 3: Dialogue Interpreting (20 minutes)

Bài thi gồm hai bài đối thoại, mỗi bài dài khoảng 10 phút, về các chủ đề khác nhau, giữa một bên là người Anh và một bên là người nói một thứ tiếng khác. Hội thoại thứ nhất phản ánh tình huống phiên dịch về đời thực, hội thoại thứ hai phát triển một số khái niệm chuyên ngành. Mỗi đoạn hội thoại dài khoảng 400 từ, chia nhỏ thành từng đoạn để dịch, mỗi đoạn không dưới 60 từ. Thí sinh được phép ghi chép.

Điểm cho phần này: 30 + 30 = 60 điểm

Phần 4: Dịch chuỗi (30 phút)

Section 4: Consecutive Interpreting (30 minutes)

Bài thi bao gồm hai đoạn, mỗi đoạn khoảng 300-330 từ. Đoạn thứ nhất bằng tiếng Anh, đoạn thứ hai bằng một thứ tiếng khác. Sau khi nghe một đoạn, thí sinh phải ngay lập tức dịch sang một thứ tiếng khác với yêu cầu là dịch được đầy đủ cấu trúc và chính xác nội dung của văn bản. Mỗi đoạn chỉ được đọc một lần. Thí sinh được phép ghi chép.

Điểm cho phần này: 15 + 15 = 30 điểm

Kết quả: Để được cấp chứng chỉ thí sinh phải đạt tổng điểm tối thiểu là 70%, số điểm ít nhất về dịch hội thoại là 42/60, và về dịch chuỗi là 21/30.

3. Chứng chỉ cấp độ 4:

3.1. Quy định (Accreditation):

Bài thi cấp độ 4 luôn luôn là bài thi dịch một chiều (*one-way accreditation*), phản ánh năng lực về nghiệp vụ ở trình độ này. Thí sinh muốn có chứng chỉ dịch hai chiều (*two-way accreditation*) phải dự thi một cuộc thi tương tự theo chiều dịch ngược lại. Mỗi lần thêm một ngôn ngữ lại phải dự thi thêm một bài thi một hoặc hai chiều. Một thứ tiếng bắt buộc là tiếng Anh.

3.2. Điều kiện dự thi (*Pre-requisites*):

Thí sinh phải có một bằng đại học bất cứ về ngành gì, và phải đạt cấp độ 3 về dịch thuật. Thí sinh phải có chứng nhận của cơ quan, chứng nhận thí sinh đã làm phiên dịch ở cấp độ 3 trong thời gian ít nhất là 2 năm liên tục. Những người hành nghề tư nhân phải có tờ trình về hoạt động nghiệp vụ của mình.

3.3. Bài thi (*Interpreting Test*): Số lượng và độ dài (*Number and length of speeches*)

Thí sinh phải dịch ba bài nói chuyện: hai bài dịch song song (một bài có văn bản, một bài không có văn bản: *one seen, one unseen*) và một bài dịch đuổi. Mỗi bài khoảng 1.500 từ. Các bài thi đều là các cuộc dịch trực tiếp (*be conducted live*), nhưng có ghi âm để đánh giá.

Thí sinh sẽ được thông báo một tuần trước ngày thi về chủ đề của bài dịch không có văn bản, và được giao văn bản của bài dịch có văn bản 24 giờ trước khi thi. Tốc độ nói trong các bài thi là tốc độ bình thường (*normal speech*)

Thời gian thi phân phối như sau:

- Dịch song song có văn bản (*Seen speech*), chủ đề: khoa học, y tế (*scientific/medical*)
 - Thời gian dịch : 15 phút
 - Nghỉ : 30 phút
- Dịch song song không có văn bản (*Unseen speech*), chủ đề: chính trị/ngoại giao (*political/diplomatic*)
 - Thời gian nói : 15 phút
 - Thời gian dịch : 15 phút
 - Nghỉ : ít nhất 30 phút
- Dịch đuổi, chủ đề: thương mại/kinh tế/luật pháp (*trade/economic/legal*)
 - Thời gian dịch : 15 phút (chia nhỏ mỗi đoạn khoảng 5 phút x 3 đoạn)

Yêu cầu của 3 bài thi: Phiên dịch ở trình độ này phải có một chất lượng cao. Lời dịch phải thể hiện được đầy đủ nội dung, văn phong, giọng nói của văn bản ngôn ngữ nguồn. Lời dịch phải trôi chảy, lối diễn đạt phải gần với bản ngữ và không có lỗi ngữ pháp. Ở cấp độ 4, người phiên dịch không được mắc những lỗi can thiệp (từ tiếng mẹ đẻ hoặc từ tiếng này sang tiếng khác) làm ảnh hưởng đến quy trình giao tiếp.

4. Chứng chỉ cấp độ 5:

Cấp độ 5 là cấp độ cao nhất trong nghề dịch. Để có được chứng chỉ cấp độ 5 về phiên dịch, người phiên dịch phải:

- (a). đạt mọi yêu cầu của cấp độ 4
- (b). dự thi một cuộc thi phối hợp dịch các ngôn ngữ: một ngôn ngữ bắt buộc A, các ngôn ngữ khác có thể là A hoặc B hoặc C. Đối với C thì chỉ kiểm tra từ C sang A.
- (c). trình được chứng từ về một trong các tiêu chí sau đây:
 - i. Hành nghề năm năm liên tục trước khi đăng ký thi.
 - ii. Làm việc chính thức cho một đơn vị nào đó (*full-time employment*) ít nhất là năm năm với tư cách là phiên dịch chuyên nghiệp.
 - iii. Những người phiên dịch tự do ít nhất phải có 100 ngày làm việc trong một năm, liên tục trong 10 năm, và công việc phải sử dụng tới cấp độ 4.

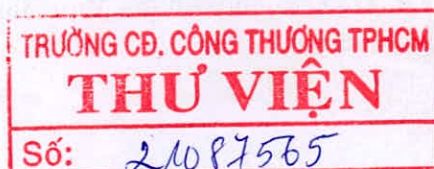
Như vậy hệ thống cấp chứng chỉ này đã cho chúng ta thấy rõ yêu cầu, tiêu chí của một người phiên dịch (tức là từ cấp độ 2 trở lên). Đó chính là hướng đi và là mục tiêu cho các khoá đào tạo phiên dịch phải đạt được.

C. Các loại hình phiên dịch (*Categories of Interpreting*)

Nghề dịch nói bao gồm hai loại hình chủ yếu: dịch đuổi và dịch song song. Trong dịch đuổi người ta chia ra làm nhiều loại hình nhỏ, thể hiện chức năng và bản chất công việc.

Loại hình thứ nhất gọi là **whole speech interpreting** (*dịch toàn bộ văn bản*). Trong loại hình này người nói nói hết bài của mình, sau đó phiên dịch bắt đầu làm việc. Loại hình này thường xảy ra trong những trường hợp như giới thiệu một chủ đề nhỏ nào đó. Ví dụ: trình bày kế hoạch triển khai mặt hàng mới của một công ty, có tính chất định hướng, hoặc giới thiệu ngắn gọn về nội dung một cuốn sách, hoặc một series sách (như bài phát biểu của Emma dưới đây). Điều thách thức nhất đối với loại hình dịch toàn bộ lời phát biểu là trí nhớ (*memory*) và năng lực ghi chép (*note-taking*).

Chúng ta hãy nghe sau đây lời phát biểu của cô Emma Campbell tại một cuộc triển lãm sách tổ chức tại Sài Gòn năm 1999. Trong cuộc triển lãm này có nhiều bài nói chuyện ngắn như thế này của các nhà xuất bản khác nhau. Emma phát biểu liên một mạch, giới thiệu hệ sách đọc thêm viết theo các trình độ từ thấp lên cao: The Graded Reader, và sau đó phiên dịch làm việc.





Book Show (Emma)

... a very valuable resource for your students. That is little books here which you may have seen... I'm not sure. But they are basically simplified versions of existing reading, existing novels.

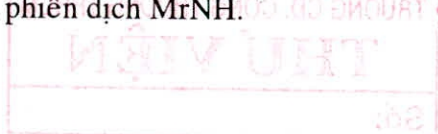
.....

But more importantly I want to give you today a few ideas about how you might perhaps be able to use these books, these readers with your students in the classroom... so.

Trong trường hợp này người phiên dịch rõ ràng phải kết hợp chặt chẽ giữa khả năng ghi nhớ và ghi chép.

Loại hình thứ hai, một loại hình thông dụng nhất trên thế giới, là **community interpreting (dịch cộng đồng)**. "Dịch cộng đồng là loại phiên dịch trong lĩnh vực dịch vụ công cộng nhằm tạo điều kiện giao tiếp giữa các quan chức và dân thường: tại đồn cảnh sát, ban nhập cư, trung tâm phúc lợi xã hội, đơn vị y tế và bảo vệ sức khỏe, trường học và những thiết chế tương tự." (*Encyclopedia*: 33). Đôi khi người ta gọi loại dịch này là **dialogue interpreting (dịch đàm thoại)** hoặc **public service interpreting (dịch phục vụ dịch vụ công cộng)**, sau này gồm cả loại hình **court interpreting (dịch về luật pháp)**. *Court interpreting* lại bao gồm hai loại, một là dịch cho các phiên tòa (*courtroom interpreting*) và hai là dịch về luật pháp nhưng ngoài phiên tòa, ví dụ: dịch cho các cuộc thẩm vấn của công an, dịch cho văn phòng luật sư, v.v. (*non-courtroom interpreting*). Trong loại hình *community interpreting* người phiên dịch thường phải dịch hai chiều, hoặc là dịch mặt đối mặt, hoặc là dịch qua điện thoại. Vai trò của người dịch cộng đồng là làm cho hai bên hiểu nhau để giải quyết công việc, vì thế chức năng của nó vừa là người trung gian về ngôn ngữ, vừa là người trung gian về xã hội (*linguistic and social immediate*). Trong quy trình dịch cộng đồng, người phiên dịch thường không được chuẩn bị trước, đôi khi vào việc rồi mới biết chủ đề. Điều đòi hỏi cao của người phiên dịch cộng đồng là không bao giờ được để tình cảm nghiêng về phía bên nào, đặc biệt là phiên dịch cho những phiên tòa. Nguyên tắc này gọi là **the principle of neutrality (nguyên tắc trung tính)**.

Ở Việt Nam, dịch đối thoại còn dùng để chỉ những buổi dịch cho các cuộc họp giữa người Việt và các chuyên gia nước ngoài đến làm việc, trao đổi và thảo luận nội dung công việc. Chúng ta hãy nghe một cuộc dịch đối thoại trong một buổi làm việc giữa một chuyên gia Mỹ, Mr. D.D. và chuyên gia Việt Nam, Ông Th... và chuyên viên nhà đất về luật đất đai, phiên dịch MrNH.





CD1 - Ch1 (Audio - 2)

Landlaw

TH: Thông thường nếu mà dùng cái nhà ở đây mà mang thế chấp thì người ta vẫn phải tính đến cái nhà đó đặt ở vị trí nào ...

D: So does it ever happen?

INT: Vâng, đã bao giờ xảy ra việc ấy chưa ạ?

TH: Ở Hà Nội thì tôi chưa biết nhưng ở Thái Bình thì có trường hợp như thế này ...

Loại hình thứ ba là **dịch bài giảng (lecture interpreting)**. Chúng ta có rất nhiều cuộc tập huấn ở hầu hết các ngành kinh tế, xã hội, chẳng hạn như tập huấn về phương pháp giảng dạy của giáo viên phổ thông, tập huấn về sức khỏe cộng đồng, tập huấn về đấu thầu quốc tế, v.v. Trong các cuộc tập huấn này hoạt động chủ yếu là nghe một chuyên gia nước ngoài giảng (*lecture delivery*). Học viên là những người chưa có khả năng nghe hiểu tiếng Anh, do đó bài giảng phải tiến hành qua phiên dịch. Loại hình dịch này thực sự là dịch chuỗi (*consecutive interpreting*) vì người giảng nói một đoạn rồi dừng lại để dịch. Do tính chất của hoạt động giảng bài là phải truyền kiến thức một cách thật chính xác nên người giảng thường nói chậm và ngắt đoạn ngắn, tạo điều kiện cho phiên dịch ghi nhớ và truyền đạt lại được đầy đủ và chính xác. Ngoài ra trong hoạt động này, khác với hoạt động dịch cho một cuộc mít tinh, là người dịch được khuyến khích hỏi lại người nói nếu mình chưa hiểu rõ.

Chúng ta hãy cùng nghe một đoạn bài giảng về *Games of Trade*. Chú ý phong cách: nói rõ ràng, chậm hơn tốc độ nói chuyện bình thường, tạo ra những điểm nhấn mạnh cần thiết.



CD1 - Ch1 (Audio - 3)

Games of Trade

... What have we learned? Well ... with the...one thing which ... you tell me ... I just try to remember what I saw going round the room...

They're still poor, but they are happier. Now this is the second very important theorem that we have learned this morning. And that theorem is called ... up on the board here ... is called the games from trade...

Loại hình thứ tư chúng ta thường gặp là **escort interpreting (dịch theo đoàn)**. Đây là những chuyến đi của phiên dịch theo đoàn nước ngoài sang tiến hành một cuộc khảo sát, một dự án, v.v. Đoàn công tác thường phải đi xuống địa phương tìm hiểu tình hình và thu thập cứ liệu. Trong những trường hợp này người phiên dịch không những phải giỏi ngôn ngữ mà còn phải nắm vững phong tục tập quán của cả hai bên: đoàn nước ngoài và địa phương họ đến. Đồng thời người phiên dịch phải có khả năng điều chỉnh ngôn ngữ sao cho thích hợp với người nghe. Ví dụ: trong những năm 1980 chúng ta có dự án CDD (chống ã chảy toàn quốc). Đây là dự án tiến sâu đến các vùng nông thôn, các vùng sâu, vùng xa, tiếp cận, giáo dục ý thức, thay đổi quan niệm, hướng dẫn các biện pháp chống ã chảy cho các bà mẹ. Trình độ văn hoá của các bà mẹ ở các vùng này rất thấp, thậm chí nhiều người mới vừa thoát nạn mù chữ, nhiều người còn "tái mù". Vậy khi tiếp xúc với người nước ngoài, họ ngỡ ngàng cả về tác phong, cách ăn nói, âm thanh tiếng nước ngoài, v.v. Nếu người phiên dịch không có kinh nghiệm và hiểu biết về văn hoá, xã hội, không có khả năng điều chỉnh ngôn ngữ từ ... thì sẽ không đạt những yêu cầu trên đối với đối tượng quan trọng của dự án là các bà mẹ. Cũng vì thế người phiên dịch theo đoàn còn có một cái tên khác nữa là : **cultural interpreter (phiên dịch văn hoá)**.

Loại hình thứ năm là **sight interpreting (nhìn văn bản dịch)**. Đây là trường hợp người phiên dịch cầm văn bản viết bằng SL, đọc đến đâu dịch đến đấy ra TL. Loại hình này thường gặp trong dịch song song.

Có một lần chúng tôi đi dịch Hội nghị Công đoàn Quốc tế tại Hà Nội. Năm cabin dịch từ tiếng Anh sang năm thứ tiếng khác (Anh - Việt, Anh - Nga, Anh - Ả Rập, Anh - Pháp, Anh - Tây Ban Nha). Không có cabin Anh - Lào. Đến khi đại biểu Lào lên phát biểu, Ban tổ chức gửi một anh người Lào đến cabin Anh - Việt. Anh này biết tiếng Việt và trong tay có văn bản bài phát biểu của diễn giả Lào đã được dịch sang tiếng Việt. Cách làm việc của chúng tôi là khi đại biểu nói, anh người Lào sẽ chỉ ngón tay vào văn bản tiếng Việt, chúng tôi nhìn đó mà dịch ra tiếng Anh, các cabin khác nghe tiếng Anh của chúng tôi mà dịch ra các thứ tiếng khác. Công việc suông sẻ hết một trang đầu. Khi chỉ sang đến giữa trang thứ hai thì anh ta bỗng giật mình: "Thôi chết! Ông ấy mới nói đến cuối trang một".

Có nhiều trường hợp, do thời gian hạn hẹp, diễn giả (*the speaker*) chỉ nói đoạn đầu, sau đó người phiên dịch cầm văn bản viết sẵn của diễn giả dịch tiếp, đến đoạn kết thúc thì dừng lại để diễn giả nói tiếp kết luận của vấn đề, rồi cảm ơn. Hoặc có trường hợp đang dịch đuổi, nhưng đến một đoạn diễn giả trích dẫn nguyên văn một đoạn của một tác giả nào đó, diễn giả muốn phiên dịch dịch chính xác lời trích dẫn này nên đưa văn bản cho phiên dịch nhìn vào đó mà dịch. Qua đoạn đó lại tiếp tục nghe - dịch.

Nhìn văn bản dịch có cái khó là người phiên dịch bị phụ thuộc nhiều vào cấu trúc câu của SL, nên khi chuyển sang TL, nếu không có khả năng đọc lướt nhanh hai ba câu

một lúc thì câu dịch sẽ trở nên mơ hồ hoặc lủng củng. Hơn nữa, do bị phụ thuộc, khả năng sử dụng từ/nhóm từ đồng nghĩa cũng khó khăn hơn. Kỹ thuật nhìn văn bản dịch đòi hỏi người phiên dịch phải rèn luyện năng lực đọc nhanh (*fast reading*). Về điểm này chúng ta hãy tham khảo yêu cầu đọc nhanh của bài Reading trong cuộc thi TOEFL* iBT: thí sinh phải đọc 3-5 đoạn, mỗi đoạn 700 từ rồi trả lời 12-14 câu hỏi sau mỗi đoạn. Tất cả những việc đó phải tiến hành gọn trong 60 phút. TOEFL* PBT cho phép thí sinh 55 phút để đọc 5 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng trên 400 từ và trả lời 50 câu hỏi. Theo Practical Faster Reading (Gerald Mosback: vi), tốc độ đọc của học viên phải đạt tới mức trong 3-4 phút hoàn thành một đoạn đọc dài 500 từ, hiểu được khoảng 70% nội dung và trả lời 10 câu hỏi. Người bản ngữ đọc một tài liệu với độ khó trung bình với tốc độ thấp nhất là 250 từ/phút.

Người phiên dịch phải luyện tập để vượt qua những khó khăn sau đây:

(i). Người đọc thường có thói quen phát âm thầm trong khi đọc, tiếng Anh gọi là hiện tượng *vocalising*, tức là trong khi đọc môi vẫn mấp máy hoặc các cơ trong cổ họng vẫn hoạt động như muốn phát âm. Để vượt qua chướng ngại này, người phiên dịch cần đẩy nhanh tốc độ đọc: người đọc với tốc độ bình thường đọc từng từ một, nhưng người đọc nhanh phải đọc hai ba từ một. Tốc độ đọc càng nhanh, các hoạt động cơ học càng giảm.

(ii). Trong đọc nhanh nhiều người cảm thấy khi đọc hết đoạn không nhớ được nội dung, hoặc nhớ được rất ít. Nếu hiện tượng này xảy ra với người phiên dịch thì thực sự là một mối đe dọa cho nghề nghiệp vì nghề dịch đòi hỏi phải ghi nhớ tốt. Khắc phục chướng ngại này, người phiên dịch cần luyện đọc thường xuyên, lúc đầu là những bài dễ, có chủ đề quen thuộc với mình, sau dần là những bài khó, chủ đề ít gặp. Hơn nữa cần phải tính đến độ dài. Ví dụ: khi mới luyện, đọc một đoạn khoảng 150 từ, rồi dừng lại, nhắm lại những nội dung chính. Càng ngày độ dài này càng tăng.

(iii). Tốc độ đọc bị hạn chế. Có thể chuẩn bị một số đoạn đọc cùng một độ dài, cùng một độ khó, cùng một chủ đề. Đọc đoạn thứ nhất. Ghi thời gian bắt đầu đọc và thời gian kết thúc đọc. Theo dõi tiến bộ trong một thời gian. Một tiêu chí để đánh giá sự tiến bộ là: thời gian đọc ngắn lại nhưng không ảnh hưởng tới mức độ nhớ nội dung.

(iv). Đạt tốc độ đọc nhanh như chớp (*lightening speed*). Một thủ thuật tập đọc nhanh như chớp là lấy một bài khoảng 4-5 trang, cỡ 19x24,5 cm, đọc lướt với tốc độ nhanh nhất mình có thể, nhưng không được bỏ dòng nào. Lướt nhanh tất cả các dòng dù hiểu hay không hiểu. Sau khi đọc xong, một là lấy số từ của bài đó chia cho số phút dùng để đọc xem tốc độ đọc của mình là bao nhiêu từ/phút (tốc độ lý tưởng là khoảng 600 từ/phút), hai là ngồi bình tĩnh nhớ lại nội dung vừa đọc. Theo dõi sự tiến bộ của mình.

(v). Nhằm tăng cường năng lực nhớ nội dung từng đoạn, người phiên dịch cần tận dụng thói quen tìm câu chủ đề trước khi đọc kỹ từng đoạn. Chúng ta đã biết câu chủ đề của một đoạn thường nằm ở phần đầu hoặc phần cuối của đoạn đó. Khi bắt đầu đọc, nhìn lướt một hai câu đầu, nếu cảm thấy đó không phải là chủ đề, lướt nhanh sang một vài câu cuối, sau đó mới tiếp tục đọc. Động tác này vẫn phải tính vào tốc độ tổng thể của toàn đoạn đọc.

Chương 1 đã giới thiệu với các bạn các cấp độ phiên dịch và những loại hình dịch. Đây chính là cơ sở để chúng ta tìm ra hướng đi cho quy trình đào tạo dịch. Mặt khác quy trình đào tạo phiên dịch phải xây dựng được hình ảnh người phiên dịch khi đã thành nghề sẽ như thế nào. Chủ đề này sẽ được bàn đến một cách chi tiết trong Chương 2.

REFERENCES

- Jones, Roderick (2002). Conference Interpreting Explained. St Jerome Publishing. Manchester, UK & Northampton, MA.
- Monabaker; Kirsten Malmkjaer (1998). Routledge Encyclopedia of Translation Studies. Routledge. London and New York.
- Mosback, Gerald & Vivienne Mosback (1993). Practical Faster Reading. CUP.
- NAATI (National Accreditation Authority for Translators and Interpreters). NAATI Test: Information. 1993

TAPESCRIPT - CD 1



CD1 - Ch1 (Audio - 1)

Book Show (Emma)

...a very valuable resource for your students. That is little books here which you may have seen... I'm not sure. But they are basically simplified versions of existing reading, existing novels. Because if I asked you today what books you're reading I'm sure I would get lots of different answers. May be some of you are reading novels. Some of you like to read magazines or newspapers, or history books, or science books.

There are lots of choices. And I think it's important to give students studying English the same kinds of choices that you have when you want to read. You can see may be from some of the books I held up, and I'll pass some of these around at the end for you to have a look. What a variety there is! We have in this handful Charles Dicken, Jane Austen, Defoe Raymond, Charlotte Bronte, another film... Break Heart, Treasure Island by Louis Stevenson. So there is a big variety for students to look at. But more importantly I want to give you today a few ideas about how you might perhaps be able to use these books, these readers with your students in the classroom... so.



CD1 - Ch1 (Audio - 2)

Landlaw

- TH: Thông thường nếu mà dùng cái nhà ở đây mà mang thế chấp thì người ta vẫn phải tính đến cái nhà đó đặt ở vị trí nào và cái giá trị ở thị trường hiện nay cái ngôi nhà đó nó có giá trị hơn các nơi khác là bao nhiêu để người ta căn cứ vào cái đó mà người ta cho thế chấp.
- INT: So here when we allowed to use the house for mortgage, so it is also caculated in the way that where the location of the house is, i.e. we also calculate the value of the locationof the land in the specific location.
- D: Are there mortgages against houses in Hanoi?
- INT: Ở đây có được dùng nhà để làm thế chấp không ạ?
- TH: Có
- INT: Yes
- D: How is the bank... would the bank would to take because you don't pay the money... the bank would take the property. How would it require properly if it could not also claim the land-use rights?
- INT: Bây giờ tôi xin hỏi là nếu chỉ thế chấp cái nhà đó không thôi thì ví dụ như là anh vay một số tiền của nhà băng, anh không trả được... bây giờ nhà băng họ thu cái nhà đó, vậy thì làm thế nào để thu được cái nhà đó mà lại không thu cái quyền sử dụng đất của cái nhà nằm trên cái đất ấy?
- TH: Trong trường hợp đó thì nhà và đất gắn liền với nhau... thu nhà là thu cả đất.

INT: So in that case housing and the land-use right are one. When they take back the house, it means they also take back the land-use right.

D: So does it ever happen?

INT: Vâng, đã bao giờ xảy ra việc ấy chưa ạ?

TH: Ở Hà Nội thì tôi chưa biết nhưng ở Thái Bình thì có trường hợp như thế này ...



CD1 - Ch1 (Audio - 3)

Games of Trade

... What have we learned? Well... with the... one thing which... you tell me... I just try to remember what I saw going round the room. First of all it seems to me,... with their adding it up and as we were adding it up for you tonight and give you the results tomorrow, but it seems to me that the people who were rich at the beginning are still rich at the end... the people who were poor at the beginning are still poor at the end.....

(Beep)

Now that... that... that... should... that is a very important lesson. We have just conducted a market, and there is... that doesn't seem to be... we'd check... it doesn't seem to be much change in the distribution of the income.

(Beep)

This is a very important theorem of economics. The market does not change the income distribution very much in a simple market like this.

(Beep)

When we are reforming our economy we take a market like the market of telephone services which is a state enterprise, if we then... privatise or sell the state enterprise to the private sector and we are allowing a number of companies to operate the market of telephone services should we expect to see an improvement in the distribution of the income? No...

(Beep)

The other thing that is very obvious in going around... a sp... as you look at the poor people... a number of poor people here... here... and about here... Most of the poor people now are happier than they were at the beginning of the game.

(Beep)

They're still poor, but they are happier. Now this is the second very important theorem that we have learned this morning. And that theorem is called... up on the board here ... is called the games from trade...

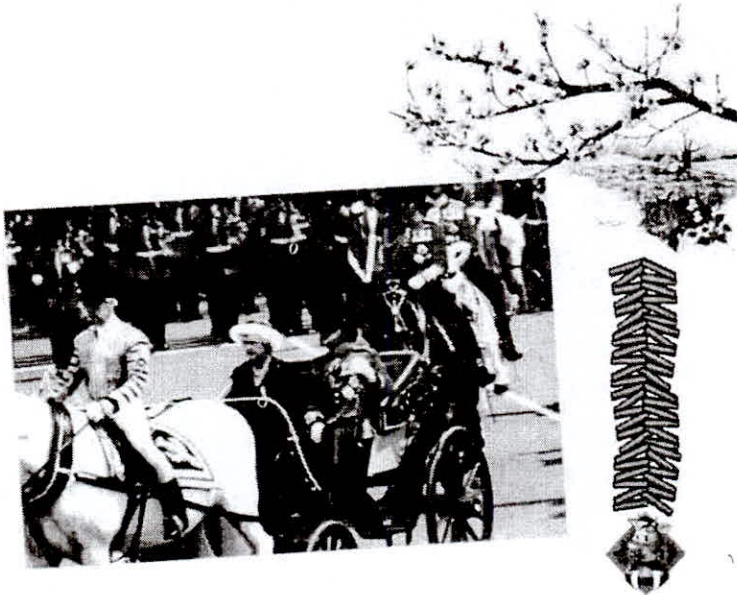
(Beep)

(Trich Games of Trade)

Chương 2

**TIÊU CHÍ, QUY TẮC VÀ ĐẠO ĐỨC
CỦA NGƯỜI PHIÊN DỊCH**

Criteria, Rules and Code of ethics



Culture

...we find translators and interpreters, but particularly interpreters, taking on an amazing range of responsibility which goes far beyond linguistic mediator.

(*Encyclopedia of Translation Studies*)

1. Tiêu chí của một phiên dịch tốt (Criteria for a Good Interpreter)

Người phiên dịch khi bước vào những hoạt động nghề nghiệp cần chuẩn bị cho mình một cách hết sức cẩn thận về năng lực nghiệp vụ (*professional competence*). Năng lực này thể hiện chủ yếu ở hai bình diện: kiến thức (*knowledge*) và kỹ năng (*skills*):

- (1) kiến thức ngôn ngữ học.
- (2) kiến thức nền dùng để phiên dịch.
- (3) kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, và kỹ năng phiên dịch.

1.1. Kiến thức ngôn ngữ học và văn hoá

Về kiến thức, người làm công tác dịch thuật phải có hai bình diện kiến thức sâu: một là kiến thức về ngôn ngữ nguồn (SL) và ngôn ngữ mục tiêu (TL); hai là kiến thức nền về những chủ đề phiên dịch.

Trước hết xét về kiến thức ngôn ngữ học, một người muốn được tuyển vào đào tạo thành phiên dịch chuyên nghiệp cần phải hiểu biết sâu, cũng như sử dụng thành thạo hai ngôn ngữ SL và TL.

Nói một cách cụ thể hơn, người phiên dịch cần có một kho từ vựng đồ sộ, càng đồ sộ càng tốt, đặc biệt là từ vựng tích cực (*active/productive vocabulary*), tức là loại từ vựng dùng để sản sinh phát ngôn. Một người sử dụng tốt tiếng Anh cần phải có ít nhất là 3500 từ để có thể giao tiếp một cách thoải mái về những chủ đề thông dụng (chưa đi sâu vào chuyên ngành). Với số lượng từ này người sử dụng có thể đọc những tác phẩm văn học dễ, ví dụ: *Level 6* của hệ *Oxford Bookworms Library*. Để có thể nghe, đọc hiểu được những bài nói chuyện về chính trị, kinh tế, xã hội, người sử dụng tiếng cần phải bổ sung cho kho từ vựng của mình những từ chuyên ngành thuộc các lĩnh vực đó. Số lượng từ này tuy hạn chế đối với từng ngành chuyên môn, nhưng số lượng ngành chuyên môn (*subject matter*) lại quá nhiều, do đó số lượng từ đối với người phiên dịch luôn luôn là một sự thách thức.

Người phiên dịch cần phải có năng lực đoán từ trong văn cảnh. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng làm được. Khả năng đoán từ trong văn cảnh chỉ có thể thực hiện được khi vốn từ vựng của mình bao quát được hầu hết những từ trong văn cảnh ấy, chỉ còn lại một hoặc nhiều lắm là hai từ mới mà thôi. Nếu trong câu sau đây, những từ in nghiêng là từ mới thì chúng ta làm thế nào có thể dịch được ý nghĩa của câu:

There are three kinds of animal *diets*: *carnivorous*, *herbivorous*, and *omnivorous*.

Kiến thức ngữ pháp, tuy có thể biến hoá đa dạng nhưng chốt lại, mẫu câu rất có hạn. Chẳng hạn mẫu câu cơ bản của tiếng Anh chỉ là 32 mẫu (theo *Oxford Advanced Learner's Encyclopedic Dictionary*, 1992). Hơn nữa quy tắc ngữ pháp cũng có hạn, và khi đưa vào sử dụng người phiên dịch có thể chủ động biến đổi để tạo ra những mẫu tương đương thể hiện cùng một ý tưởng. Tuy nhiên đòi hỏi đối với người phiên dịch không dừng ở chỗ nắm bắt được quy tắc mà ở chỗ ứng dụng quy tắc một cách nhuần nhuyễn với tốc độ nhanh.

Kiến thức văn hoá của cộng đồng SL và TL là một yêu cầu không thể thiếu được. Người phiên dịch bất cứ khi nào vào cuộc, bất cứ trong tình huống nào đều thường xuyên va chạm với yếu tố văn hoá của bên này hoặc bên kia hoặc cả hai.

Vào những năm 1980s và 1990s Việt Nam chưa tham gia Công ước Berns về bản quyền tác giả. Trong sinh hoạt hàng ngày người Việt không hề có ý thức, thậm chí không hiểu về bản quyền. Trong một dự án, Bên Anh đưa vào một mục của dự án là cung cấp 4.000 cuốn sách cho quy trình đào tạo cán bộ; còn phía Việt Nam đưa ra điều kiện là chỉ lấy một quyển rồi tự in hoặc photocopy phát cho người học, tiền dư của 3900 cuốn sách sẽ đưa vào sửa chữa nhà cửa.

Cái mà người Anh cho là không thể được thì người Việt cho là bình thường: hai cách tư duy (*intellectual approach*) khác nhau.

Kiến thức văn hoá bao gồm ba bình diện: hành vi (cử chỉ), phong tục tập quán, yếu tố văn hoá tiềm ẩn trong ngôn ngữ sử dụng. Có nhiều hành vi đối với dân tộc này mang hàm ý tốt nhưng đối với dân tộc khác lại mang hàm ý xấu.

Đi ăn mỳ cùng người Anh thì dù mỳ nóng đến mấy cũng không nên húp thành tiếng; nhưng đi cùng người Nhật thì hãy húp xùm xụp và xuyết xoa.

Khi bắt tay người Anh, hãy đứng thẳng người, giơ tay nắm lấy tay họ, hơi bóp nhẹ rồi thả ra ngay. Khi bắt tay người Nhật, hơi cúi khom người xuống một chút.

Nói đến sự hiểu biết về văn hoá của SL và TL người phiên dịch không chỉ cần biết mà cần nhạy cảm với nó để hoà mình vào trong giao tiếp, và để dịch cho có hiệu quả. Trong những bài nói chuyện của người Anh, có khi trong cả tình huống nghiêm túc, họ vẫn có những câu nói hàm chứa tính hài hước. Những tình huống này người phiên dịch thường lúng túng về cách diễn đạt (nếu hiểu được) hoặc tạo ra những câu không ăn nhập vào đâu (nếu không hiểu được).

Một quan chức người Anh sau bốn năm làm việc ở Việt Nam, trong buổi liên hoan tiễn đưa, anh nói: *Tôi đến Việt Nam khi chưa có đèn đỏ. Nay tôi ra về, Hà Nội đã có đèn đỏ, mặc dù nhiều người Hà Nội vẫn chưa biết là đã có đèn đỏ.*

Một yêu cầu về kiến thức nữa của người phiên dịch là sự hiểu biết về những nét xã hội (*social features*).

Sau vài buổi làm việc, khi đã quen nhau, người Anh ít khi xưng hô Mr/Mrs/Miss + tên, mà chỉ gọi tên, dù người đó lớn tuổi hơn mình. Ví dụ: *Minh, I have something to argue*. Nếu người phiên dịch dịch ra tiếng Việt là: *Minh, tôi có điều cần tranh luận* thì sẽ tạo ra một thái độ khác hẳn với ý đồ của người nói, vì trong xã hội Việt Nam, nhất là đối với người lớn tuổi, chúng ta không bao giờ gọi tên không mà phải đệm từ xưng hô.

Đối với người Anh, trong nhà con cái cũng gọi bố mẹ bằng tên riêng.

1.2. Kiến thức nền (*Background knowledge*)

Kiến thức nền đối với người phiên dịch không phải chỉ là những kiến thức phổ thông, sự hiểu biết chung chung về xã hội mà là những kiến thức (tương đối) sâu về những chủ đề dịch. Trong sinh hoạt hàng ngày, một người bình thường (không phải chuyên gia) khi bàn đến một chủ đề chuyên môn, người đó cũng đã có sự hiểu biết nhất định về lĩnh vực đó. Một người không phải là thợ điện nhưng không thể không biết điện áp, điện hai pha, điện ba pha, áp tô mát, bộ đổi nguồn, v.v. là gì. Người phiên dịch không thể dừng ở mức độ này được. Trong bất cứ một hội thảo, một đợt làm việc nào đó, chủ đề đều tương đối sâu vào một ngành, người phiên dịch phải đương đầu với những kiến thức chuyên ngành tương đối sâu. Hơn thế nữa, sự thách thức này rất đa dạng, vì không một người phiên dịch nào tuyên bố rằng tôi chỉ dịch về một vài ngành nào đó mà thôi. Chúng ta hãy đọc trích đoạn bài trình bày quan điểm về tư tưởng ngôn ngữ của James W. Tollefson trong Hội nghị Quốc tế Lần thứ tư về Ngôn ngữ và Phát triển, tổ chức tại Hà Nội vào 13-15 tháng 10 - 1999.

Chỉ qua đoạn giới thiệu này chúng ta thấy diễn giả đã trình bày công trình nghiên cứu của mình rất sâu vào khu vực giảng dạy ngoại ngữ dưới một cách nhìn mới; hay nói một cách khác, với những khái niệm mới. Rõ ràng cái khó của người phiên dịch sẽ là những khái niệm mới chứ không phải chỉ là từ. Những từ như ideology, standard language ideology, interpretations of reality, ... là những khái niệm, những quan điểm giáo dục học. Phần sau của bài nói chuyện, tác giả nêu những quan điểm này một cách cụ thể và những điểm tranh luận. Đọc bằng mắt để dịch đã khó, nghe để dịch lại càng thách thức. Người phiên dịch không có kiến thức về hệ thống tư tưởng của các phương pháp dạy ngôn ngữ sẽ gặp nhiều khó khăn, ngay cả trong cách diễn đạt.

Language Ideology and Language Education

In this paper I will examine how our beliefs about language and second language learning and teaching shape our professional experience. The major claim explored here is that our beliefs about language fundamentally determine our interpretations of the reality of language classroom, including students, teachers and what we teach, how we should teach, and virtually everything that matters in language education.

The search for underlying assumptions takes us into the study of ideology. Therefore I will briefly define what I mean by language ideology, and then I will examine some important ways that it shapes what we do in language education. I am especially interested in what I will call "standard language ideology" which refers to a cluster of beliefs about the value of linguistic homogeneity. I explore the impact of standard language ideology upon common language teaching practices and how those practices often are in the service of social and political agenda. Finally I will consider one pedagogical alternative to standard language ideology.

Trong nhiều trường hợp người phiên dịch cần phải nắm vững cả những kiến thức có tính chuyên biệt của một ngành (*expertise on the field of specialisation*) thì mới dịch được. Chẳng hạn khi chúng ta phải dịch những hội thảo về xây dựng luật. Đã nói đến xây dựng luật thì kiến thức phải rất sâu vì người làm việc đều là những chuyên gia về luật, và khi nói với nhau họ không nói theo kiểu giải thích nội hàm của các khái niệm, mà sử dụng chúng như những đơn vị đúc sẵn, những đơn vị được mặc nhiên công nhận. Hoặc khi chúng ta phải dịch một hội thảo về luật có liên quan đến những vấn đề xã hội, những khái niệm và quan điểm lại càng khó. Chúng ta hãy đọc một trích đoạn về chính sách đối với người bệnh tâm thần của Mỹ Asylum Policy under U.S. Law:

While the INA does not define persecution, U.S. courts have interpreted the term to involve "the infliction of suffering or harm upon those who differ ... in a way that is regarded as offensive." Although persecution "does not require bodily harm or a threat to life or liberty," it is a strong concept involving more than discrimination or harassment. The persecutor need not be the government as long as the government is unable or unwilling to control the persecuting individual or organisation.

Journal of Law and Policy. Brooklyn Law School. 2004. Volume XII. No.2. *Nothing to Declare but their childhood: Reforming U.S. Asylum Law to Protect the Rights off Children.* Rachel Bien.. P.805.

Đoạn trích trên cho ta thấy người phiên dịch không phải chỉ đối mặt với thuật ngữ chuyên ngành mà còn cả khái niệm chuyên ngành nữa.

Trong trường hợp dịch những chủ đề chung về xã hội như vấn đề hội nhập, bảo vệ rừng, tệ nạn xã hội, tăng trưởng kinh tế nói chung, v.v. thì vùng giao thoa giữa vốn kiến thức thể hiện trong bài nói của diễn giả với vốn kiến thức của người phiên dịch tương đối lớn. Tuy nhiên, khi vào một hội nghị quốc tế về chuyên ngành thì những bài phát biểu, gọi là technical papers, thường không phải là những bài viết cho những người ngoại đạo (*non-expert*). Khi chuẩn bị bài nói, diễn giả không có ý thức viết cho phiên dịch dịch, mà viết để trình bày những điều mình muốn nói, muốn tranh luận, muốn thuyết phục về quan điểm chuyên ngành. Do vậy nội hàm của vấn đề đôi khi không bộc lộ (*not explicitly stated by the speaker*). Những quan điểm chuyên môn đưa ra không giải thích mà tranh luận. Vì vậy người phiên dịch muốn thành công phải phát hiện được cả những ý tưởng bộc lộ và những hàm ý.

Một câu như "*They are insidious skin parasites, infesting the occupants of factories and offices. They cause itching, prickling and crawling sensations in the skin that are almost untreatable. These creatures may only exist in the mind, but their effects are real and infectious.*" (Peter May. 2004. *Scratching the Surface. IELTS Practice Tests, p.50*) đối với những nhà chuyên môn có lẽ họ chỉ gặp khó khăn về ngôn ngữ (không biết từ) vì họ đã có khái niệm chuyên ngành về vấn đề này (tức là kiến thức ngoài ngôn ngữ: *extra-linguistic knowledge*), vì thế khi biết từ là họ hiểu chính xác ngay. Nhưng đối với những người ngoài ngành thì ngôn ngữ chưa đủ để hiểu một cách chính xác. Nhiều từ chúng ta dùng hàng ngày nhưng nếu hỏi sâu vào khái niệm đằng sau những từ đó thì không phải ai cũng biết như *chứng khoán, kiểm toán, phát triển bền vững*, v.v.

Một phiên dịch đi dịch cho hội nghị về "*Renovating the teaching of health in multigrade primary schools* (Đổi mới giáo dục và dạy học sức khỏe ở các trường tiểu học dạy lớp ghép)" sẽ gặp rất nhiều khó khăn nếu không tìm hiểu những kiến thức

ngoài ngôn ngữ như "đổi mới giáo dục", "dạy học sức khỏe" và "lớp ghép". Người phiên dịch dù dịch chủ đề nào đều phải tìm kiếm ý nghĩa (*sense*) của bài nói chứ không phải chuyển ngang từ vựng từ ngôn ngữ nọ sang ngôn ngữ kia.

Như vậy dù cho chủ đề dịch là chủ đề chung hay chuyên ngành, mỗi hoạt động dịch đều dựa trên cùng một quy trình: đó là sự phối hợp giữa kiến thức ngôn ngữ học với những kiến thức ngoài ngôn ngữ học vì mỗi lời dịch phải là một dòng chảy thể hiện ý tưởng của diễn giả chứ không phải chỉ là một chuỗi từ ghép lại với nhau. Vậy cơ sở quan trọng nhất của quy trình này là "hiểu lời nói" (*understanding the speech*).

1.3. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, và kỹ năng phiên dịch

Đứng về mặt sử dụng ngôn ngữ, người phiên dịch phải nắm vững các kỹ năng giao tiếp như tóm tắt, đơn giản hoá khi cần thiết, tạo điều kiện hiểu biết lẫn nhau, để sau này phát triển thành những kỹ thuật dịch.

Trong nói năng, người phiên dịch phải nói lưu loát (*fluent*) về cả SL và TL. Nói lưu loát, trôi chảy không phải là nói nhanh, mà là thể hiện được những đặc thù của ngôn ngữ mình đang nói, ví dụ khi nói tiếng Anh phải đảm bảo bốn yếu tố cơ bản là **âm tốt** (*good pronunciation*), **trọng âm và nhịp điệu** (*stress & rhythm*), **ngữ điệu** (*intonation*) và **tốc độ tự nhiên** (*normal speed*). Năng lực nghe hiểu là yếu tố quan trọng nhất đối với người phiên dịch (xem Chương 3). Nói đến nghe hiểu, người phiên dịch không phải lúc nào cũng đi dịch cho người bản ngữ, nhất là tiếng Anh. Chẳng hạn khi dịch cho người Ấn Độ nói tiếng Anh, cách phát âm của tiếng Anh- Ấn quả thật là nổi tiếng về độ khó nhận biết. Mỗi người không bản ngữ có một sắc thái riêng về giọng điệu do sự can thiệp của tiếng mẹ đẻ. Đây là không kể những từ vựng quen dùng trong một cộng đồng phi bản ngữ, gọi là *localised forms*, không có trong tiếng Anh chuẩn, ví dụ *bed-tea* của Ấn Độ (cốc chè sữa nóng uống vào lúc vừa ngủ dậy buổi sáng), cách dùng *Mrs* thay cho *my wife*. *OK* la và cách dùng *can* thay cho động từ chính của tiếng Anh Singapore. Người Singapore còn gọi tiếng Anh của họ là *Senglish*.

Ngay cả đối với người bản ngữ Anh, mỗi vùng cũng có giọng địa phương của nó. Người vùng Sussex đọc các âm /au/ thành /eu/. Người Đông London (*East End of London*) có giọng nổi tiếng của mình gọi là *Cockney accent*, họ có cách nói riêng gọi là *rhyming slang*, cách nói bí mật chỉ có người *Cockneys* mới hiểu. Đó là cách dùng từ và nhóm từ hợp vần với từ mình muốn nói chứ không nói thẳng từ đó ra. Ví dụ: khi muốn nói *feet*, người *Cockneys* nói là *plates of meat*; hoặc *apples and pears* có nghĩa là *stairs*. Người Birmingham còn có cách phát âm khác hẳn với RP (*Received Pronunciation*: phát âm chuẩn), gọi là phương ngữ *Brummy*. Ví dụ: thay cho lời chào *How do you do?*, người Birmingham nói là "*Adoo*", *always* phát âm là /'aʊwɪz/, âm /ai/ phát âm thành

/di/ như từ life /lɪf/. Hãy tưởng tượng nếu người phiên dịch gặp diễn giả là người Birmingham nói câu sau đây thì sẽ hiểu ra sao: **Yow'd think boi now it woz time the rest ov the Wairld spowk roit loik us, wudden cha? (You'd think by now it was time the rest of the world spoke right like us, wouldn't you?)*.

Khả năng thích nghi nhanh với giọng địa phương của diễn giả là yếu tố quan trọng tạo khả năng dịch thành công, tức là đáp ứng tiêu chí dịch đúng (*correctly*) và chính xác (*accurately*).

1.4. Những tiêu chí về tính cách của người phiên dịch khi hành nghề

(i). **Tự tin**. Người phiên dịch không thể tự tin theo kiểu "trời sinh voi sinh cỏ", cứ vào cuộc rồi sẽ tìm ra cách, hoặc tự tin theo kiểu chờ vận may, nghĩa là biết rất lơ mơ về chủ đề mình gặp, nhưng cứ nhận dịch, chờ vận may là diễn giả sẽ hỗ trợ mình theo một cách nào đấy. Lòng tự tin của người phiên dịch chân chính chủ yếu xuất phát từ hai thái độ. Một là chuẩn bị kỹ càng trước khi vào cuộc: tìm hiểu chủ đề, đọc nghiêm túc những tài liệu có trong tay, chuẩn bị sức khỏe. Hai là đối với những chủ đề khó quá hoặc quá xa lạ với mình, cũng như trường hợp được mời dịch quá gấp (*short notice*) không có thời gian chuẩn bị thì nên từ chối.

(ii). **Xây dựng cho mình một tính cách, một kỹ năng giao tiếp đúng mực**. Người phiên dịch trong mọi trường hợp cần lịch sự (*polite*), nhạy cảm trong giao tiếp (*sensitive*), công bằng (*fair*), khiêm tốn (*honest*), bình tĩnh (*calm*) và có thái độ hỗ trợ, xây dựng (*supportive*). Chúng ta hãy cùng nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này trong phần sau đây.

2. Đạo đức người phiên dịch (*Code of Ethics*)

Người phiên dịch trong mọi trường hợp phải trung thành với văn bản, tức là với nội dung diễn giả trình bày. Những tiêu chí người phiên dịch phải đáp ứng để đảm bảo được sự trung thành rất đa dạng vì không hẳn chỉ là những yêu cầu trình độ chuyên môn cao mà còn là sự rèn luyện thói quen cũng như đạo đức, luân lý xử thế.

Một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đào tạo phiên dịch là triết học của nghề nghiệp (*the philosophy of the profession*), trong đó phải kể đến các quy tắc về đạo đức, những quy tắc dịch, và hàng loạt những thủ pháp có liên quan đến vai trò khác nhau của một người phiên dịch trong công việc hàng ngày.

Khi bước vào nghề phiên dịch, người phiên dịch luôn luôn phải được đào tạo và tự

rèn luyện một cách chu đáo. Có như vậy trong cuộc đời phiên dịch, người phiên dịch mới luôn luôn đảm bảo được ba bước khi nhận bất cứ nhiệm vụ dịch nào. Đó là:

- i. Trước khi bước vào cuộc dịch (*Before the assignment*)
- ii. Trong khi dịch (*During the assignment*)
- iii. Sau khi dịch (*After the assignment*)

Trước khi dịch

Chuẩn bị kỹ (Be well-prepared)

Khi nhận nhiệm vụ đi dịch cho một sự kiện nào đó, ví dụ như một hội nghị, hội thảo, một cuộc đàm phán, một khoá huấn luyện chuyên môn, v.v. người phiên dịch cần chuẩn bị kỹ. ở đây chúng ta nói đến chuẩn bị kiến thức về chủ đề dịch. Nó bao gồm rất nhiều bình diện như đọc có tính chất nghiên cứu về chủ đề dịch, thu thập và chọn lọc thông tin quan trọng về hội nghị tạo cho mình sự chủ động khi thực hiện nhiệm vụ, ví dụ có thể trong hội nghị sẽ có những quan điểm không thống nhất, dẫn đến những cuộc tranh luận gay gắt. Việc đọc những bài viết của diễn giả là không thể thiếu được. Nhiệm vụ của người phiên dịch sẽ tập trung vào những vấn đề đó.

Nói đến tài liệu, người phiên dịch cần biết rằng hầu hết các diễn giả trong hội nghị sẽ không đọc y nguyên văn bản viết của mình. Ngay cả khi họ gửi bản tóm tắt thì đó cũng không phải là văn bản để họ đọc nguyên văn. Cả hai loại tài liệu, toàn văn và tóm tắt, đều chỉ là những ý chính mà diễn giả sẽ trình bày mà thôi. Nhưng như vậy cũng đã là may mắn cho người dịch rồi. Người phiên dịch còn phải sẵn sàng "chiến đấu" với những diễn giả hùng biện nhưng không hề gửi trước bất cứ một tài liệu nào. Điều này thường hay xảy ra do khó khăn về giao dịch, hoặc do diễn giả quá bận rộn với công việc của mình nên chỉ gần sát ngày hội nghị mới ngồi viết ra bài nói chuyện của mình để mang theo.

Đối với những cuộc dịch đàm phán, người phiên dịch càng cần phải nghiên cứu kỹ tài liệu vì trong đàm phán hai bên hầu như không bên nào có thể chuẩn bị những bài diễn văn của mình. Họ chỉ chuẩn bị những ý chính, những điểm cần đàm phán, quan điểm của mình về những điểm ấy, và đặt ra mục tiêu họ cần đạt được qua đàm phán. Những cuộc dịch đàm phán hai bên thường xảy ra dưới hình thức nêu vấn đề, thảo luận, tranh luận, v.v. Và người phiên dịch thường phải dịch "vo", tức là dịch không có tài liệu, không được chuẩn bị. Trong những sự kiện này tài liệu người phiên dịch có thể có được thường là một dự thảo (*draft*), và tài liệu "sống" (nếu người phiên dịch may mắn được bên chủ nhà mời gặp trước để nói sơ qua tình hình, gọi là buổi *briefing*).

Khi đã có tài liệu trong tay người phiên dịch cần phải đọc kỹ tài liệu bằng cả hai thứ tiếng. Có hai việc lớn cần phải làm:

(1). Liệt kê những từ mới trong từng bài phát biểu (theo văn bản đưa trước của diễn giả). Mỗi bài viết có một liệt kê từ vựng riêng, không cần lập danh sách từ (*glossary*) xếp theo vần ABC cho tất cả các bài trong hội nghị,

(2). Phân loại theo yêu cầu của hội nghị và sắp xếp theo thói quen về trật tự của mình. Việc sắp xếp tài liệu quan trọng ở chỗ trong khi dịch người phiên dịch không thể có thời gian tìm tài liệu, mà phải nhìn ra ngay nó ở đâu. Một kinh nghiệm phân loại là xếp tài liệu thành từng cặp chủ đề (cả hai thứ tiếng SL & TL), rồi sau đó toàn bộ tài liệu sắp xếp theo thứ tự mà chương trình hội nghị, đàm phán đưa ra.

Ví dụ: *Diễn đàn Việt Nam Gia nhập WTO có chương trình như sau:*

DIỄN ĐÀN: VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

Thứ Hai

8: 30 - 9: 00

Đăng ký đại biểu

9: 00 - 9: 30

Phiên khai mạc

Phát biểu của PGS TS Lưu NH

Phát biểu khai mạc của GS. TS Wook Robinson

9: 30 - 10: 20

Phiên 1

"Các cơ hội và thách thức của Việt Nam sau khi gia nhập WTO"

Diễn giả 1

: PGS. TS. Nguyễn T.T.

Bình luận

: Dr. H.S. Kang

10: 20 - 10: 30

Nghỉ giải lao

10: 30 - 12: 00

Phiên 1 (tiếp tục)

Diễn giả 2

: Dr Moon S.K.

Bình luận 1

: PGS. TS. Trần T. D.

Bình luận 2

: TS. Đặng C.

Diễn giả 3

: TS. Phạm Đ.T.

Bình luận 1

: Dr. Jane W. B.

Bình luận 2

: Professor Jenkely C.

Bình luận 3

: Dr Ja Van Chong

Với một chương trình làm việc trong một buổi như trên, người phiên dịch phải sắp xếp tài liệu SL & TL theo chủ đề: bài viết của diễn giả và người bình luận được xếp vào một cặp tiếng Việt và tiếng Anh, cùng với liệt kê từ vựng đã chuẩn bị sẵn.

- Cấp thứ nhất: Diễn giả 1 & Bình luận (Bài viết và liệt kê từ vựng thuộc về hai bài này)
- Cấp thứ hai : Diễn giả 2 & Bình luận 1 + 2 (Bài viết và liệt kê từ vựng thuộc về ba bài này)
- Cấp thứ ba : Diễn giả 3 & Bình luận 1+2+3 (Bài viết và liệt kê từ vựng thuộc về bốn bài này)

Ở Việt Nam, cho đến thập kỷ đầu của thế kỷ 21 chưa có trường đào tạo phiên dịch chuyên nghiệp, các môn dạy dịch trong các trường đại học, các khoa ngoại ngữ chưa thể gọi là đào tạo dịch. Mãi đến năm 2003 mới có một số ít người được đi đào tạo dịch ở Belgium khoảng 3-6 tháng. Cho nên các phiên dịch thường là "tự phát", làm việc nhờ năng khiếu và kinh nghiệm cá nhân của mình. Cũng vì thế một người phiên dịch có trách nhiệm cần phải tăng cường hơn khâu chuẩn bị.

Chuẩn bị về năng lực ngôn ngữ (Linguistic Competence)

Tiêu chí đầu tiên của người phiên dịch là biết hai ngôn ngữ ở trình độ ngang nhau, ít ra là tiếng mẹ đẻ và một thứ tiếng nữa (ví dụ: tiếng Anh). Vậy việc chuẩn bị năng lực ngôn ngữ cho một hội nghị, một cuộc đàm phán, một diễn đàn cụ thể thường tập trung vào tìm hiểu những khái niệm mới (*notions, concepts*) được thể hiện bằng từ, đồng thời đọc đi đọc lại để có thể nhớ thuộc lòng được càng nhiều càng tốt và rèn luyện sự trôi chảy về chủ đề sắp dịch. Như trên đã nói, hiểu khái niệm quan trọng hơn biết từ rất nhiều vì nhiệm vụ dịch là chuyển tải ý nghĩa (*ideas*) chứ không phải là chuyển dịch từ (*words*). Ví dụ: khi dịch *chén đồng*, không thể dùng từ tương đương tiếng Anh là *drink a brass cup*, vì từ này có nghĩa là *chén rượu uống để thể thốt suốt đời một lòng một dạ với nhau*, hoặc *chén hoàng hoa* không phải là *drink a flower cup* vì nó có nghĩa là *chén rượu ly biệt*.

Trong quá trình tìm hiểu về chủ đề cần quan tâm đến những khái niệm đặc thù của một cộng đồng hoặc những khái niệm mang tính văn hoá đặc thù (*cultural awareness*) mà hội nghị đó hoặc bài viết của diễn giả nào đó đề cập đến. Đặc biệt những hội thảo về văn hoá như cảnh quan văn hoá (*cultural landscape*), bảo tồn bảo tàng (*conservation*), khảo cổ (*archeology*). Ngay cả những hội nghị về những vấn đề quốc tế như bảo vệ môi trường (*environment protection*) cũng đụng chạm nhiều về văn hoá, vì môi trường gắn với đời sống, tập tục, thói quen của từng cộng đồng khác nhau.

Trau dồi năng lực ngôn ngữ (Improve one's linguistic competence)

Người phiên dịch cần luôn luôn nắm bắt các cơ hội để lắng nghe: nào là các bài giảng, các buổi lễ, các cuộc tranh luận, v.v. trên radio và TV, ở trường đại học, ở các cuộc mít tinh công cộng, v.v. Trong những cơ hội này, người phiên dịch không những nghe giống như các người khác là lấy kiến thức, mà còn nghe để luyện tay nghề: vừa

nghe vừa ghi chép (*theo kiểu để dịch*), vừa nghe vừa dịch nhẩm theo. Ngày nào cũng dành một thời gian làm việc này, hình thức này hay hình thức kia, nó sẽ tạo thói quen và tạo ra một phản xạ, mà thuật ngữ chuyên ngành gọi là sự ám ảnh tích cực (*positive obsession*).

Một hình thức nữa cũng có tác dụng nâng cao năng lực ngôn ngữ cho dịch là chép chính tả (*dictations*). Hãy sử dụng các buổi phát thanh hoặc TV đọc chậm của Đài VOA. Tập chép lại các thông tin một cách đầy đủ, không phải ghi chép tóm tắt để dịch. Kỹ thuật chép chính tả này khác với bài tập chính tả thông thường là người đọc không dừng lại cho người nghe chép.

Một hình thức quan trọng và đa dạng giúp người phiên dịch tiếp cận với các góc độ khác nhau của ngôn ngữ, đó là hài kịch (*comedy*), chuyện hoạt hình, tiểu thuyết, phim ảnh. Trong những tác phẩm loại này, các nhân vật thường sử dụng những câu ngữ pháp tồi nhưng rất "bản ngữ", nói tiếng địa phương (*dialect*), hoặc phát âm chệch để tạo tiếng cười (*phonetic deviation*). Một ví dụ về cách nói không đúng ngữ pháp những rất bản ngữ:

Man : I don't like to cook, but I don't like to eat in the cafeteria every day either.
Woman : True. The food does get kind of ... same old same old.

(TOEFL* iBT. Pamela J. Sharpe. Model Test 1. Tapescript: 575)

Khi tự đào tạo để tăng cường năng lực ngôn ngữ, người phiên dịch cần chú ý ba bình diện sau đây:

- Nghe, hiểu và ghi nhớ được một câu trong khi nói một câu khác.
- Dịch đuổi theo một phát ngôn có tốc độ tự nhiên (*normal speed*).
- Lưu trữ một vốn từ tương đối phong phú về các chủ đề khác nhau.

Chuẩn bị về khả năng nói rõ ràng (Be a clear speaker)

Một hội nghị, một cuộc đàm phán thành công nhiều hay ít phụ thuộc khá nhiều vào phiên dịch. Hai bên hiểu nhau tới mức nào phụ thuộc khá nhiều vào tính rõ ràng của lời dịch. Tất nhiên người phiên dịch không được phép dịch sai, nhưng ngay cả khi nắm bắt đúng được ý tưởng của diễn giả SL, người phiên dịch còn nhiệm vụ quan trọng là xây dựng câu bằng TL. Thường trong việc này sự can thiệp của SL làm cho người phiên dịch dễ bộc lộ một văn phong "lai căng", làm cho lời dịch hoặc mơ hồ khó hiểu, hoặc ngô nghê. Chúng ta thấy rất rõ nhiệm vụ dịch là nhiệm vụ tái tạo thông điệp (*reformulation*) của diễn giả ngay lập tức. Đặc biệt khi SL và TL khác nhau xa về cấu

trúc ngôn ngữ, như tiếng Anh và tiếng Việt, quy trình *reformulation* lại càng phức tạp. Đây là lý do mà nhiều người rất giỏi ngoại ngữ nhưng không phiên dịch được. Người giỏi ngoại ngữ thường nghiêng về xây dựng câu (*building sentences*), còn người phiên dịch nghiêng về tái tạo câu (*reforming sentences*). Hơn nữa động thái dịch là động thái bị động: vừa phải chuyển dịch đầy đủ cả ý chính lẫn ý hỗ trợ, vừa phải liên tục nghe những ý tiếp theo của diễn giả.

Các cuộc giao tiếp hàng ngày chính là môi trường huấn luyện người phiên dịch: ở mọi nơi, trong mọi tình huống hãy tập nói với độ nghiêm chỉnh cao về ngôn ngữ. Ngay cả khi vui đùa cùng bạn bè, người thân, cũng nên bộc lộ cách nói rõ ràng (phát âm, thể hiện ý tưởng). Những người khiếm khuyết về khả năng nói rõ ràng như tật nói lắp, tật nói quá nhanh kèm theo phát âm "cẩu thả", tật nói chậm (không có khả năng phản xạ nhanh), v.v. không nên theo nghề phiên dịch. Những người có những tật có thể sửa được, nhưng phải rất kiên trì và công phu, như tật nói "ngọng" l-n (trong tiếng Việt), "ngọng" các âm đặc thù của tiếng Anh / θ, ð, ʃ, s, .../, tật nói nhát gừng (*staccato*), tật âm ừ để nghĩ (*time consuming*), v.v. cần phải rèn luyện cho đến khi khắc phục được những tật đó mới nên nhập cuộc.

Rèn luyện trí nhớ (Memory training)

Trí nhớ của người phiên dịch là yếu tố không thể ở mức yếu kém. Trí nhớ cần phải được rèn luyện thường xuyên. Điều này sẽ được nói rõ trong Chương 4 của quyển sách này.

Rèn luyện đạo đức (Integrity & dignity)

Xây dựng tính cách là điều cần thiết đối với mọi người. Riêng với người phiên dịch thì lại càng đòi hỏi khắt khe hơn vì luôn luôn phải đối đầu với những hiện tượng tiêu cực.

Trước hết người phiên dịch không được tận dụng những thông tin mình nắm được qua một đợt dịch nào đó để kiếm lợi nhuận cho riêng mình. Đây bị coi là một hành động vi phạm bản quyền trí tuệ, vi phạm pháp luật, vì những thông tin mình có được không phải của mình.

Thor, the thunder god, went to a dude ranch. After riding all day, he cried, "I'm Thor!"

His riding instructor answered, "You forgot the thaddle, thilly!"

Chú thích: Hãy thay âm /s/ vào những âm / θ / và / ð / trong những từ *Thor*, *thaddle*, *thilly*.

Người phiên dịch không nên nhận quà của bất cứ bên nào, nhất là nhận tiền hoặc một lời hứa hẹn nào đó về quyền lợi. Một hiện tượng tuy không xảy ra thường xuyên, nhưng một khi đã có thì lại rất nghiêm trọng. Đó là một bên tham gia đàm phán có ý "mua" phiên dịch để dịch có lợi cho mình, hoặc để cung cấp những bí mật của bên kia trong quá trình dịch, thông qua "nghe lỏm" hoặc phát hiện tài liệu mật, v.v. Tất nhiên cũng có nhiều trường hợp rất vô tư, diễn giả muốn thưởng cho phiên dịch nhằm động viên khích lệ người dịch. Dù trong trường hợp nào, quà cáp luôn luôn làm nghiêng cán cân tình cảm. Trừ những trường hợp món quà nhỏ là một thỏi sôcôla hoặc bánh trái, hoặc một hộp nước uống, hoặc một vật kỷ niệm như "pin" cài áo, v.v., còn khẩu hiệu của người phiên dịch là "nói không với quà cáp" (*Say no to gifts*).

Trong quá trình đi dịch, nếu một bên nào đó mời đi ăn uống, người phiên dịch chỉ nên chấp nhận khi nó thuộc về phong tục tập quán văn hoá của họ: không nhận lời sẽ làm người mời phật ý.

Trong khi dịch (*During the assignment*)

Sau khi chuẩn bị kỹ càng, người phiên dịch có thể "ung dung" bước vào hội nghị với lòng tự tin. Vậy thì khi thi hành nhiệm vụ người phiên dịch cần phải làm những gì, thể hiện điều gì, và tuân thủ những quy tắc gì, chúng ta cùng xem xét.

Đúng giờ (*Be strictly punctual*)

Tính đúng giờ trong đời sống sinh hoạt đã quan trọng, trong khi thi hành nhiệm vụ dịch lại càng quan trọng. Hãy thử tưởng tượng hai bên đàm phán đã có mặt đầy đủ, ngồi vào bàn sẵn sàng và ... chờ phiên dịch đến.

Đúng giờ đối với người phiên dịch không phải đúng giờ bắt đầu làm việc (ví dụ hội nghị bắt đầu 8:30, phiên dịch có mặt 8:30). Đúng giờ nghĩa là phải đến sớm ít nhất 10 phút, nếu không cần chuẩn bị về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên trong hầu hết các hội nghị, các cuộc đàm phán đông người, người phiên dịch phải tự mình thử máy móc sẽ dùng đến, ví dụ: điều chỉnh âm lượng micro, chỉnh vị trí máy chiếu, ... tự sắp đặt lên bàn: tài liệu,

đồ dùng để ghi chép, v.v., tự điều chỉnh chỗ ngồi của mình để có thể nhìn rõ màn hình máy chiếu mà diễn giả dùng đến, đôi khi còn phải gấp gờ diễn giả (trong trường hợp cần phải làm rõ một vài điều tối quan trọng).... Trong những trường hợp này người phiên dịch nên có mặt trước giờ khai mạc 15-30 phút.

Người phiên dịch không thể viện bất cứ lý do gì để đến muộn giờ. Nếu nhà xa hãy tính giờ cần thiết để vượt qua quãng đường đó cộng thêm 15-30 phút. Nếu phải đi qua một nút giao thông hay ách tắc, hãy đi trước giờ ách tắc, nếu đi bằng phương tiện công cộng như xe buýt, hãy đi trước 1-2 chuyến. Mọi sự tính toán đều cần thiết để không muộn giờ. Đến muộn không phải chỉ là tác phong, mà còn là sự thể hiện về tư cách: thiếu tôn trọng người khác, coi thường công việc, bất lịch sự, và là hành vi thiếu văn hoá.

Tự giới thiệu mình (Introduce Yourself)

Trước khi bắt đầu dịch, hãy xin phép hội nghị hoặc hai bên đàm phán một phút để tự giới thiệu mình bằng một hai câu ngắn: *My name's... I'm your interpreter today*. Chỉ một hai câu như vậy. Không giới thiệu dài dòng về bản thân, nhất là không nên nói bất cứ một câu nào có tính khoe khoang khả năng dịch của mình. Xin đừng nghĩ rằng nói như vậy hội nghị sẽ tin tưởng vào mình. Lời khoe khoang bao giờ cũng có hiệu quả ngược lại với sự mong muốn của người nói. Lòng tin nằm trong chất lượng công việc.

Vô tư trong công việc (Be Impartial)

Khi nhận làm việc cho bất cứ ai, người phiên dịch cần luôn luôn tôn trọng đạo đức nghề nghiệp (*professional demeanour*), dù cho rất quen thuộc với người đó, hay có quan hệ đặc biệt trong đời thường.

Khi bắt đầu công việc, người phiên dịch phải luôn luôn tôn trọng ý kiến của mọi người phát biểu, coi đó là nhiệm vụ của mình phải thể hiện đúng, không bao giờ bộc lộ thái độ chán chường (*boredom*), nghi ngờ (*scepticism*), chống đối (*opposition*), hoặc châm biếm (*irony*).

Thái độ chán chường thể hiện ở chỗ khi dịch người phiên dịch dùng một thứ giọng uể oải, đôi khi còn đệm theo những cái ngáp vô vị. Nó sẽ kéo theo chất lượng dịch kém. Tất nhiên không phải ai cũng nói hay, nói hấp dẫn làm cho người phiên dịch vui thích, hâm mộ. Nhưng việc nói hay hoặc nói chán không liên quan gì đến phiên dịch.

Thái độ nghi ngờ thể hiện khi người phiên dịch cảm thấy hình như diễn giả đang nêu một vấn đề thiếu lô-gíc hoặc sai (theo kiến thức của người dịch). Điều đầu tiên là

người phiên dịch phải khiêm tốn. Mình nghĩ họ nói sai, nhưng trên thực tế khi đã đưa vấn đề ra hội nghị thì diễn giả thường đã phải suy tính kỹ, và hơn nữa họ là người trong ngành, còn phiên dịch là người ngoài ngành, không thể biết hết được nội tình của họ. Hơn nữa, nếu diễn giả có trình bày điều gì đó sai hoặc mơ hồ thì các bên tham gia hội nghị sẽ đánh giá, tranh luận. Đó không phải là nhiệm vụ của người phiên dịch.

Thái độ chống đối lại càng sai trái nếu phiên dịch cho rằng diễn giả nói sai và trong lời dịch mình chữa lại theo ý của mình. Người phiên dịch cần phải nhận thức rằng mình không được phép tham gia vào nội dung trình bày của diễn giả. Thái độ chống đối bằng cách thêm thắt những câu châm biếm vào lời dịch sẽ làm cho toàn hội nghị phẫn nộ, và làm như vậy người phiên dịch đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp, đồng thời làm hại đến chính uy tín của mình.

Khi chuyển tải một thông điệp từ ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác, thông điệp đó phải được bảo vệ thông qua sự trung thành của người dịch, cho nên bất cứ một thái độ nào như đã nói ở trên xảy ra đều là sự vi phạm vào nội dung thông điệp. Dù cho những thái độ trên chỉ tồn tại trong ý tưởng của người phiên dịch trong khi đang làm nhiệm vụ, chưa thể hiện bằng những hiện tượng cụ thể, thì cũng đã nên tránh. Nó sẽ bóp méo thông điệp ở dạng này hay dạng kia, làm hại đến uy tín của diễn giả.

Có một lần chúng tôi đi dịch cho một hội nghị về bảo tồn bảo tàng. Mỗi lần một diễn giả nói xong, chủ tọa (*chairman*) hội nghị đều cảm ơn và tóm tắt ý kiến của diễn giả đó. Tuy nhiên, do bệnh dài dòng, lời tóm tắt dài gần bằng phần trình bày của diễn giả. Qua vài lần, đội phiên dịch cảm thấy tức tối, chán chường lắm, bảo nhau cứ khi ông này nói thì cất đi, chỉ dịch băng quơ cho xong chuyện.

Người phiên dịch bao giờ cũng phải tỏ thái độ (qua giọng nói) luôn luôn nhiệt tình với chủ đề đang thảo luận. Không có được điều này nó sẽ dẫn đến những thái độ sai trái ở trên, làm cho mình mất sự sáng suốt trong khi dịch, mà trong nghề dịch gọi là hiện tượng thiên lệch (*lopsided development*), một xu hướng sai lầm trong nghiệp vụ (*faulty vocational guidance*).

Phong cách dịch (*Speaking style*)

Một điều tối kỵ trong khi dịch là người phiên dịch sử dụng lối nói kẻ cả (*speak with authority*), tỏ ra hiểu biết, dù cho người đó có hiểu biết sâu về chủ đề đang dịch hay không. Giọng nói ngạo mạn này sẽ làm hội nghị, các bên đàm phán phẫn nộ. Ngược lại người phiên dịch cũng không nên quá rụt rè, quá khiêm tốn, thông qua cách dịch không chắc chắn, hay hỏi lại, dịch rồi lại chữa, hay đệm thêm nhóm từ như hình như ..., có thể là...theo tôi nghe được thì có thể là, v.v. làm cho người nghe cảm thấy không tin tưởng vào lời dịch.

Cần tìm ra con đường đứng giữa hai tuyến cực đoan này. Một trong những biện pháp thông thường nhất là hãy dịch một cách rõ ràng bằng lời lẽ của diễn giả, chứ không phải lời lẽ của mình. Ví dụ: diễn giả không dẫn giọng thì người phiên dịch không dẫn giọng, diễn giả không dùng mẫu câu nhấn mạnh thì người dịch cũng không dùng câu nhấn mạnh, diễn giả không cười nói thì đừng đem những động tác cười vào lời nói, v.v. Hãy trung thành với thái độ của diễn giả. Mặt khác, khi gặp khó khăn, người dịch có thể dừng lại để hỏi lại diễn giả (tất nhiên chỉ có thể làm được ở những cuộc đàm phán, diễn đàn, bài giảng) một cách nghiêm túc và tự nhiên, tránh dịch bừa rồi khi thấy không ăn nhập giữa hai bên (ví dụ giữa câu hỏi và câu trả lời) thì xin lỗi, rồi hỏi lại, dịch lại.

Khi nhận việc người phiên dịch cần xác định thái độ của mình trước khi vào cuộc. Mỗi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đàm phán đều có cái không khí riêng, đặc thù của nó. Hội nghị (*conference*) thì trang nghiêm, nghi thức (*formal*), diễn đàn (*forum*) thì tự do và thân mật (*informal*), đàm phán (*negotiation*) thì thận trọng, khéo léo (*careful*), hội thảo (*workshop*) thì đầy những sự tán đồng và phản đối (*agreement and disagreement*), v.v. ở những hội nghị ngoại giao (*diplomatic level*) cần chú ý đến sự tinh tế trong cách dùng từ (*the nuances of words*); còn những cuộc gặp gỡ giữa các nhà khoa học thì điều quan trọng lại là độ chính xác về thuật ngữ và khái niệm (*technical accuracy*), những cuộc gặp gỡ chính trị (*political assembly*) thì cách diễn đạt phải cứng rắn, chắc chắn (*forcefulness of expression*). Những cuộc tụ họp nói chuyện văn chương, nghệ thuật thì lời nói phải hào hoa phong nhã (*elegance of speech*). Người phiên dịch cần phải thích ứng với không khí này.

Ghi chép để hỗ trợ quy trình dịch (Take notes to support one's interpretation)

Ghi chép là một kỹ thuật quan trọng. Trong quá trình nghe, chuẩn bị dịch, người phiên dịch cần phải thành thạo trong việc ghi chép. Chúng ta sẽ nghiên cứu chi tiết kỹ thuật này trong Chương 5.

Nghe tích cực, tập trung tư tưởng (Listen actively & concentration)

Nghe tích cực là thói quen nghe chọn lọc và ghi nhớ. Người phiên dịch muốn tổ chức tốt lời dịch của mình cần phải có khả năng chọn lọc ý chính, sắp xếp các ý phụ trợ cho từng ý chính và ghi nhớ. Tất cả những động tác này xảy ra đồng thời với quá trình nghe hiểu. Khi diễn giả SL dừng lại, trong đầu người phiên dịch đã phải có đầy đủ thông điệp bằng TL một cách chính xác. Nhằm đạt được hiệu quả này người phiên dịch phải có năng lực tập trung cao độ trong khi nghe để có thể thực hiện được một loạt quy trình nghe-hiểu bằng SL-chọn lọc- sắp xếp-chuyển mã-diễn đạt lại bằng TL.

Điều quan trọng nhất để có thể tập trung được là tránh những tác động của ngoại cảnh, ví dụ như trước khi đi làm có điều gì bức bối, bức tức với ai đó, hoặc có việc gì

gây cản trở trong mấy ngày trước đó giải quyết vẫn chưa xong; hay nói một cách chung nhất là đang nằm trong tình trạng đứng ngồi không yên. Để tránh điều này phải dùng đến ý chí của mình, tạo cho mình một quan niệm: việc gì đã xong rồi thì thôi, không nên bức tức dai dẳng, việc gì không giải quyết được ngay thì hãy tạm gác lại, tập trung vào việc trước mắt. Đồng thời hãy tận dụng không khí sôi động của một cuộc hội nghị, hội thảo, không khí nghiêm túc, căng thẳng của một cuộc đàm phán để xoá đi những ấn tượng gây mất tập trung.

Có một lần chúng tôi đi dịch cho hội nghị về "Phủ xanh đồi trống". Một diễn giả đứng lên nói "I'd like to say for a minute about ...". Anh phiên dịch nói "Tôi xin nói một phút về ...". Mọi người cười ồ lên. Anh phiên dịch ngơ ngác không biết tại sao mọi người lại cười.

Trong khi đang dịch rất cần sự tập trung cao độ (*maximum concentration*), tránh bị tác động của ngoại cảnh, ví dụ bị thu hút bởi bóng dáng một người đẹp, bị lãng đi vì trông thấy người bạn lâu năm không gặp đang ngồi bên dưới (cố nhớ ra tên người ấy). Chỉ một vài giây lãng đi người phiên dịch đã bị mất một lượng thông tin đáng kể.

Người phiên dịch cần tập trung cao độ để nghe-hiểu được diễn giả nói gì, đồng thời kiểm soát được những điều mình nói. Đừng bao giờ rơi vào tình trạng như đang nói trong mơ. Người phiên dịch lành nghề bao giờ cũng dùng hai tai vào hai việc tuy khác nhau nhưng đồng nhất, đó là dành một tai nghe người khác nói và một tai nghe mình nói, để tự kiểm soát chất lượng âm thanh và nội dung dịch.

Thể hiện năng lực ngôn ngữ (Linguistic performance)

Người phiên dịch không được sáng tạo. Mọi lời dịch phải chính xác (*accuracy*) và trung thành (*faithfulness*) với nội dung diễn giả trình bày hoặc phát ngôn của hai bên đàm phán.

Sự chính xác (*accuracy*) của lời dịch bao gồm ba không (*three no's*). Đó là không thêm (*no addition*), không bớt (*no omission*) và không thay đổi (*no alteration*).

Quy tắc không thêm thường rất rõ ràng, nhưng đôi khi do nghe không hiểu được đầy đủ nên người phiên dịch hay thêm để lấp chỗ trống. Chúng ta cần biết khi người phiên dịch chèn thêm những câu vô hại, người nghe cũng rất tinh tế phát hiện ra vì họ là người trong cuộc. Một vài lần phát hiện ra những phát ngôn thêm theo kiểu này, và nguy hại hơn nếu trong những phát ngôn thêm ấy có những ý sai với chuyên môn của họ, người nghe sẽ nghi ngờ khả năng dịch và do đó sẽ dẫn đến chỗ mất lòng tin vào người dịch.

Quy tắc dịch đầy đủ, tức là không bớt, là đòi hỏi rất cơ bản của một buổi làm việc. Dịch không đầy đủ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của buổi trao đổi, nhất là trong các cuộc đàm phán. Dịch không đầy đủ sẽ làm giảm bớt khả năng tranh luận, khả năng thuyết phục của hai bên. Tuy đây là quy tắc "sạch nước cần", nhưng nhiều phiên dịch mắc phải do năng lực ghi nhớ còn thấp và kỹ năng ghi chép chưa nhuần nhuyễn.

Quy tắc không thay đổi thường nói đến những trường hợp người phiên dịch làm người nghe hiểu khác đi so với nguyên bản. Ví dụ phát ngôn *I'm only too happy to do it* có nghĩa khẳng định; nhưng nếu người phiên dịch suy từ cấu trúc bình thường của *too + adjective = negative meaning* thì người nghe sẽ hiểu đó là loại câu chối từ làm một việc gì đó. Hoặc trong trường hợp *a few* mang nghĩa rất ít, nhưng *quite a few* lại mang nghĩa rất nhiều chứ không phải quá ít. Hiện tượng thay đổi nghĩa chỉ xảy ra khi kiến thức về thành ngữ của người phiên dịch còn nghèo. Nhưng hiện tượng đổi nghĩa trong khi dịch hay xảy ra nhất là khi diễn giả dùng phương tiện ngữ âm để thay đổi nghĩa của phát ngôn, ví dụ cùng một nội dung từ vựng, xuống giọng (*falling tune*) là khẳng định và lên giọng (*high rising*) là nghi ngờ.

Nói tóm lại cả ba hiện tượng chệch hướng trên đều xuất phát từ trình độ nghe hiểu. Hãy liên tục tăng cường khả năng nghe hiểu. (Chi tiết xem Chương 3).

Từ chối (Decline work)

Ở các nước tiên tiến, người phiên dịch từ chối không nhận dịch những ngôn ngữ mà họ không được đào tạo, không được kiểm định (*accredited*) và cấp bằng. Ở nước ta do chưa có chuyên ngành đào tạo phiên dịch như một nghề nghiệp nên đòi hỏi này chưa thể thực hiện được. Tuy nhiên, để giữ thể diện cho mình, bảo toàn tín nhiệm và thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, người phiên dịch nên từ chối không nhận việc trong trường hợp chủ đề mới dịch vượt quá tầm hiểu biết của mình. Về ngôn ngữ sử dụng dịch, ít ra phải là đạt trình độ của những người tốt nghiệp xuất sắc thực sự của các khoá chính quy của các trường lớn chuyên đào tạo ngoại ngữ ở ba miền Bắc, Trung, Nam, v.v. Những người chỉ học tại chức hoặc những khoá ngoại ngữ ngắn hạn không nên đi vào nghề phiên dịch.

Trong nghề phiên dịch chúng ta đôi khi thấy có những trường hợp khó xử.

Một là, khi người phiên dịch nhận lời dịch cho một cuộc hội đàm, v.v., sau đó phát hiện ra mục đích hoặc nội dung của nó người phiên dịch từ trước đến nay vẫn phản đối, hoặc thành viên của cuộc hội đàm đó là những người mà người phiên dịch cảm thấy khó chịu khi phải tiếp xúc thì có nên tiếp tục hợp đồng không?

Có lần tôi đi dịch cho một hội nghị y tế chuyên về ung thư. Thật đáng tiếc, sau năm phút tôi biết mình không kham nổi. Ban tổ chức phải lập tức điều một bác sĩ chuyên ngành ung thư, biết tiếng Anh, đến ngồi cạnh tôi. Tất nhiên bác sĩ đó không thể dịch được, nhưng khi diễn giả nói đến từ chuyên môn nào, bác sĩ giúp tôi từ tương đương bằng tiếng Việt, hoặc ngược lại bằng tiếng Anh. Sau đó chẳng bao giờ tôi còn dám phiêu lưu như vậy nữa.

Hai là, trong khi đang dịch cho một hội nghị nào đó gặp phải những lời tuyên bố mà người phiên dịch biết chắc rằng không đúng sự thật, không trung thực hoặc phương hại đến người khác thì người phiên dịch có dịch không?

Câu trả lời của chúng ta là Có. Trong mọi trường hợp người phiên dịch không có quyền hủy bỏ hợp đồng mình đã ký kết. Trong những trường hợp trên nghề phiên dịch quy định rằng người phiên dịch không chịu trách nhiệm về bất cứ nội dung phát biểu nào, miễn rằng họ dịch trung thành với diễn giả.

Sự hợp tác (Cooperation)

Trong mọi trường hợp người phiên dịch phải làm việc với một tinh thần thực sự hợp tác. Trong thuật ngữ của nghề dịch có một từ gọi là *team work* (nghĩa đen: làm việc cùng đồng đội). ý nghĩa của nó hơi khác với nghĩa thông thường. *Team work* không phải là sự hợp tác giữa các phiên dịch với nhau, cũng không phải là một nhóm người làm việc đồng thời với nhau như trường hợp hai ba giáo viên cùng lên lớp để lúc thì giảng chung, lúc thì chia nhóm luyện, gọi là *team teach*. Khái niệm của từ này là người phiên dịch phải có tinh thần hỗ trợ người chủ trì (*authority*), ví dụ chủ tọa một cuộc họp, một hội nghị (*chairman*), một người phỏng vấn (*interviewer*). Có những trường hợp tuy không thường xuyên xảy ra, nhưng không phải là hiếm có. Đó là trường hợp diễn giả phát hiện ra rằng mình đã nói điều đáng ra không nên nói làm cho người nghe phản ứng không tốt, và có thể ông ta vớ lấy "cái cộc" là "đổ tội" cho người phiên dịch dịch nhầm (*mis-interpreted*). Trong tình huống này người phiên dịch phải sẵn sàng "làm bia đỡ đạn" (*serve as a scapegoat*).

Bảo vệ bí mật (Professional secrecy)

Người phiên dịch cần nhận thức rằng tất cả những ý tưởng, những sự kiện, hay nói cách khác là toàn bộ nội dung một cuộc hội đàm hoàn toàn không phải là kiến thức của mình. Bản quyền trí tuệ này thuộc về những người có liên quan trong hội nghị, hội đàm. Như vậy mình không được phép công bố ra nơi khác, không được sử dụng với bất cứ mục đích nào nếu không được phép của (các) đương sự, kể cả dùng nó như câu chuyện "làm quà" ở bất cứ nơi nào.

Trong quá trình dịch nếu phát hiện, nghe được những thông tin đặc biệt nào đó ví dụ bí mật của ngành, bí mật quốc gia, kể cả bí mật của cá nhân, hoặc những chi tiết về đời riêng của người khác, v.v. người phiên dịch phải có trách nhiệm không được làm lộ những điều đó ra ở bất cứ nơi đâu, bất cứ hình thức nào.

Sau khi dịch (*After the assignment*)

Sau mỗi đợt đi dịch, người phiên dịch nên dành thời gian cho chính mình, ngẫm nghĩ về đợt làm việc vừa qua. Hãy tự thưởng cho mình bằng một nụ cười trước những thành công, kể cả những thành công nho nhỏ như dịch được một thành ngữ hay, học thêm được một cách diễn đạt từ một diễn giả người Anh v.v. Đồng thời hãy nghĩ lại những giây phút lúng túng, hoặc những câu dịch sai (mà không ai biết), hoặc cách xử lý khi không nhớ hết ý của diễn giả, v.v. Có biết bao điều đáng nghĩ lại.

Đó chính là quy trình tự phê (*self-criticism*) và tự đánh giá (*self-evaluation*). Những giây phút tự phê và tự đánh giá này sẽ giúp người phiên dịch định hướng tiếp theo cho công việc của mình: cần phải làm gì thường xuyên hàng ngày để nâng cao nghiệp vụ và năng lực ngôn ngữ, cần phải làm gì khi chuẩn bị cho một đợt phiên dịch mới.

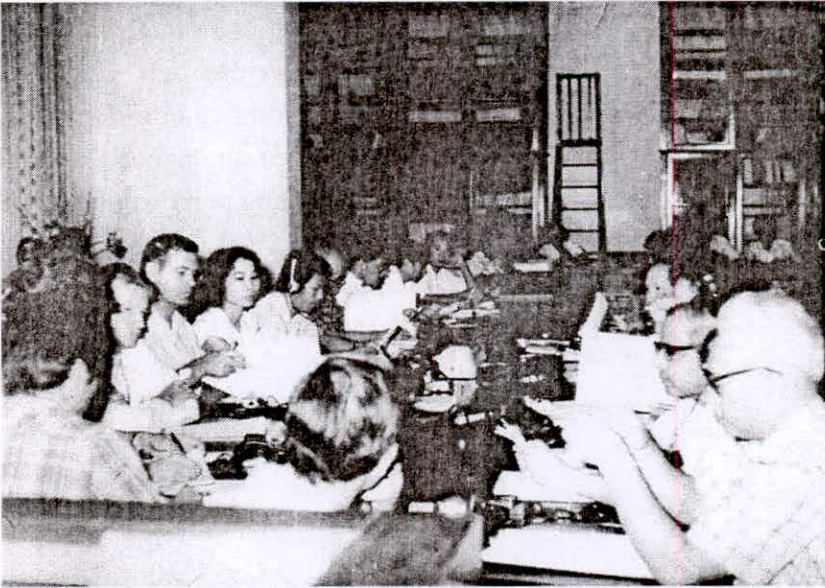
REFERENCES

- AUSIT (Australian Institute for Interpreters and Translators). *Code of Ethics*
- AIIC (International Association of Conference Interpreters). *Code of Ethics*
- QATI (Queensland Association of Translator and Interpreters). *Code of Ethics Fenton, Sabine. Lectures on Interpreting and Translating*. Hanoi University of Foreign Languages. 1995.
- NSW Ethic Affairs Commision. CIIS (Community Interpreter and Information Service). *Code of Ethics*.
- University of NSW Institute of Language: Ethics of the Profession and General Rules of Interpreting
- Victoria College: Professional Ethics and Procedures for Interpreters.
- WAITI (The Western Australian Institute of Translators and Interpreters). *Code of Ethics*

Chương 3

NGHE HIỂU ĐỂ DỊCH

Understanding the message to interpret

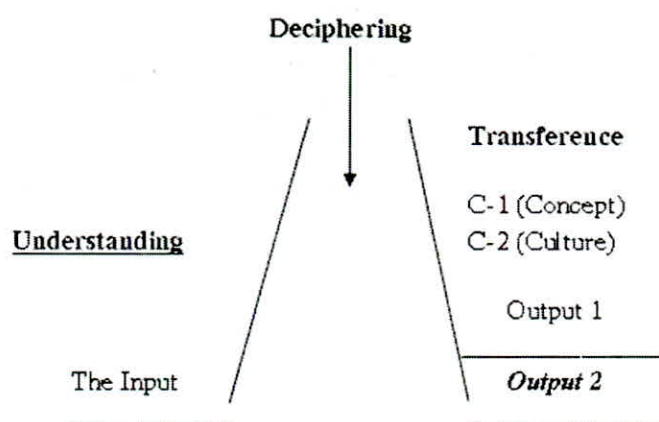


Listening to interpret

Năng lực nghe hiểu nằm trong năng lực ngôn ngữ của người phiên dịch. Đây là một kỹ năng rất khó, đặc biệt đối với người Việt, xuất phát từ sự khác biệt rất xa giữa cấu trúc của hai ngôn ngữ: tiếng Việt là ngôn ngữ thanh điệu (*tonal language*), và tiếng Anh là ngôn ngữ ngữ điệu (*intonational language*). Kinh nghiệm của các phiên dịch Việt Nam là phần lớn những thất bại, những lời dịch chất lượng kém xuất phát từ năng lực nghe hiểu còn non yếu. Chương 3 bàn đến những yêu cầu của nghe hiểu và những kỹ thuật tăng cường khả năng hiểu qua nghe của người phiên dịch.

Để diễn đạt một ý tưởng một cách rõ ràng và có hiệu quả, người phiên dịch phải bắt được thông điệp một cách rõ ràng trong đầu của mình. Sau đó, để diễn đạt lại (*re-express*) thông qua quy trình tái tạo (*reformulation*, xem Chương 2) mà không phải nhắc lại nguyên văn từng từ của diễn giả, người phiên dịch phải có khả năng phân tích rõ ràng về cấu trúc của những ý tưởng ấy. Khả năng phân tích (*analysis*) một ý tưởng phụ thuộc vào khả năng hiểu qua nghe từng ý tưởng riêng biệt, sử dụng nó như những viên gạch để kết nối thành một dòng chảy về ý tưởng của diễn giả. Nói như vậy có nghĩa là người phiên dịch phải trải qua ba bước: hiểu qua nghe (*understanding*), chọn lọc (*deciphering*) và diễn đạt lại (*re-expressing*). Chúng ta hãy nghiên cứu sơ đồ về quy trình dịch sau đây.

THE PROCESS OF INTERPRETING



Nhìn vào sơ đồ trên chúng ta thấy khâu quan trọng nhất là understanding. Có vượt qua được khâu này người phiên dịch mới có thể chọn lọc để giảm bớt gánh nặng của thông điệp (*deciphering*), rồi sau đó chuyển tải sang ngôn ngữ mục tiêu (*transference*). Để có được Output 2 tức là thông điệp hoàn thiện bằng TL người phiên dịch phải vận

dụng kiến thức của mình về khái niệm (C-1) và văn hoá (C-2) của cả hai cộng đồng ngôn ngữ SL và TL để tái tạo (*reformulate*) thông điệp. Output 1 là sản phẩm TL đầu tiên, chưa được biên tập. Output 2 mới là sản phẩm để phát ra, tức là sản phẩm đã được điều chỉnh cho thích hợp với văn phong TL.

Khái niệm "hiểu" chúng ta dùng ở đây là hiểu theo kiểu của người phiên dịch, hiểu ý (*ideas*) chứ không phải là hiểu từng từ, tất nhiên muốn hiểu được ý người phiên dịch phải biết nghĩa những từ/nhóm từ và mẫu câu diễn giả dùng để diễn đạt. Nhiều người thường đặt ra câu hỏi là "Nếu không biết hết từ thì làm sao hiểu được ý nghĩa của phát ngôn?" Trong giáo học pháp dạy-học ngoại ngữ, người ta thường đề cập đến vấn đề sử dụng văn cảnh để đoán từ (xem Chương 6), đồng thời kỹ thuật nghe hiểu cho phép chúng ta nghe những từ chủ chốt (*key words*) trong một câu tiếng Anh và đoán nghĩa của toàn câu. Trong nhiều trường hợp người phiên dịch có thể không biết một (hai) từ rất quan trọng trong câu, nhưng do được dịch toàn bộ diễn văn, tức là đã biết được tình huống lớn (*macro situation*) nên vẫn có khả năng phán đoán được ý nghĩa của toàn thông điệp trong một tình huống nhỏ (*micro situation*). Ví dụ:

Never ask for whom the bell tolls, it tolls for thee (Jone Donne. Trích "For whom the bell tolls của E. Hemingway")

Có thể người phiên dịch không biết từ *tolls*, từ quan trọng nhất, nhưng điều đó không ngăn cản khả năng hiểu cả thông điệp: "*Đừng bao giờ hỏi chuông nguyện hồn ai, chuông nguyện hồn anh đấy*". Có thể người phiên dịch không dịch được là *chuông nguyện* nhưng ít ra cũng phán đoán được là *chuông rung, chuông ngân lên*.

Bây giờ chúng ta hãy điểm qua những kỹ thuật nghe hiểu mà một người phiên dịch ở cấp độ 1 (*accredited level 1*), tức là cấp độ đào tạo ra người hỗ trợ ngôn ngữ (*language aide*) cần phải được huấn luyện.

Nói về kỹ thuật nghe người ta thường đề cập đến mục đích nghe. Chúng ta có thể có những mục đích sau đây:

1. Nghe trọng âm đoán nghĩa (*Listen to sentence stresses to guess the meaning*)
2. Nghe để lấy thông tin chính, tức là cốt lõi của một thông điệp. (*Listen for gist*)
3. Nghe để lấy các thông tin chi tiết (*Listen for supporting details*)
4. Nghe để lấy thông tin mình cần đến (*Listen for wanted information*)
5. Kỹ thuật nhìn thấy điều nghe được (*Visualisation*)
6. Nghe ghi (*Listening and notetaking*)
7. Nghe chép chính tả (*Dictations*)
8. Nghe để lấy tất cả các thông tin của thông điệp (*Listen for everything*)

Nói như vậy là chúng ta đã tách nghe ra thành nhiều thành tố khác nhau để rèn luyện từng bước của quy trình nghe hiểu. Người phiên dịch cuối cùng phải xây dựng được năng lực nghe và nắm bắt được tất cả các thông tin (*listen for everything*) vì nhiệm vụ của họ là tái tạo đầy đủ thông điệp.

1. Luyện nghe nắm bắt trọng âm câu (*Listen to sentence stresses*)

Một câu tiếng Anh có những từ quan trọng và những từ không quan trọng. Người Anh thông thường nhấn vào những từ quan trọng, nhấn vào (đặt trọng âm) tức là nói to hơn, rõ hơn và cao hơn các từ khác trong câu.

Ví dụ, khi muốn nói *ngày mai chúng ta sẽ ký hợp đồng*, câu đầy đủ là *We will sign the contract tomorrow*. Trong câu này có ba yếu tố quan trọng là *sign ... contract... tomorrow ...*. Nếu nghe được ba yếu tố đó chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của toàn câu. Trong văn cảnh đang thảo luận về ngày ký, chúng ta lại chỉ cần nghe một từ quan trọng đó là *tomorrow*.

Exercise 1: Chúng ta cùng phân tích theo cách này khi nghe một số câu trong một cuộc hội thoại giữa hai người bạn. Chủ đề: Mời bạn đến nhà ăn cơm.



CD1 - Ch 3 (*Audio - 1*)

INVITATION TO DINNER

Woman : *When can we expect you for dinner? Can you come tonight?*

.....

Man : *I'm ready. I think I'll fast all day Friday!*

Trong câu chuyện trên chúng ta nghe những từ quan trọng trong câu. Những từ này được người nói nhấn mạnh: nói to hơn và cao hơn các từ khác.

1. *When can we expect you for dinner? Can you come tonight?*

Trong câu này những từ có trọng âm là: *when ... dinner ... tonight ...*

Nghĩa là: Khi nào anh đến ăn cơm được? Tối nay?

2. *Not tonight. I promised to go to a concert with my sister.*

Trong hai câu này những từ có trọng âm là: *not... concert ... sister ...*

Nghĩa là: Tối hôm nay không được. Tôi đi xem ca nhạc với cô em gái.

3. *Well ... How about Friday then?*

Trong câu này từ có trọng âm là: *Friday* ...
Nghĩa là: Vào thứ Sáu nhé?

4. *That sounds fine.*

Trong câu này từ có trọng âm là: *fine* ...
Nghĩa là: Đồng ý.

5. *Good. Shall we say seven o'clock?*

Trong câu này từ có trọng âm là: *seven* ...
Nghĩa là: 7 giờ được không?

6. *I'll be there! You're still a fabulous cook, aren't you?*

Trong hai câu này những từ có trọng âm là: *be ... still ... fabulous cook* ...
Nghĩa là: Vâng. Vẫn là đầu bếp tuyệt vời đấy chứ?

7. *That'll be for you to decide.*

I've got a new dish that I want to try out on you.

Trong hai câu này những từ có trọng âm là: *you ... decide ... new ... dish ... out* ...
Nghĩa là: Cái đó do anh thôi. Có món mới thử mời anh.

8. *I'm ready. I think I'll fast all day Friday!*

Trong câu này những từ quan trọng là: *fast ... all ... Friday* ...
Nghĩa là: Ừ. Tôi sẽ nhịn cả ngày thứ Sáu.

Exercise 2: Chúng ta hãy nghe một bài ngắn: *Back to the Dump*, ghi lại những trọng âm nghe được trong từng câu, rồi ghép lại để phán đoán nghĩa của toàn câu, rồi toàn đoạn.



CD1 - Ch 3 (Audio - 2)

BACK TO THE DUMP

When I was a boy, everybody urged me to get plenty of sunshine, so I got plenty of sunshine for a long time.

.....

Life seemed to be an educator's practical joke in which you spent the first half learning and the second half learning that everything you learned in the first half was wrong.

Ví dụ: Câu đầu tiên chúng ta bắt được những trọng âm như sau:

*... I ... boy ... urged ... plenty ... sunshine ...
... plenty ... long ... time*

Nghĩa của toàn câu là: Khi tôi còn nhỏ mọi người thúc tôi là cần phải hấp thụ nhiều ánh nắng, và trong một thời gian dài tôi hứng nhiều ánh nắng.

Theo cách này các bạn nghe tiếp.

2. Kỹ thuật nghe lấy thông tin chính (*Listen for gist*)

Khi chúng ta nghe bất cứ điều gì bao giờ chúng ta cũng có ý thức lọc ra xem người nói muốn gì. Đó là ý chính. Khi nghe tiếng Anh, ý chính của câu thể hiện bằng những từ quan trọng có trọng âm trong câu. Đây là ở cấp độ câu. Câu nào cũng có nghĩa của nó. Nhưng khi ghép các câu vào trong một đoạn thì không phải câu nào cũng là ý chính. Chỉ có những câu quan trọng mới mang nghĩa chính.

Có nhiều đoạn nói hoặc viết chúng ta phải tổng hợp thông tin trong toàn đoạn mới suy ra ý chính được.

Chúng ta cùng kiểm nghiệm những điều trên qua một vài bài tập.

Exercise 3: Hãy đọc bốn câu sau đây, cảm giác của bạn thấy ý chính của toàn đoạn là gì?

I was afraid at first. I had never been around a baby before. "Here," said my wife. "take him while I fix his bottle." The little body felt warm in my arms.

Đáp án của chúng ta là: *I'm a father*. Rõ ràng trong bốn câu trên không câu nào nói rõ người đàn ông này là ai, nhưng toàn văn cảnh cho ta đáp án: một người bố.

Exercise 4: Chúng ta hãy nghe hai người nói chuyện. Chủ đề của câu chuyện là gì? Và ý chính là gì?



CD1 - Ch 3 (Audio - 3)

GETTING LOST

Woman1: *Where on earth are we?*

.....

W 1: *Yeah, yeah, yeah, I think I see one up there in the next block.*

Với đoạn hội thoại trên: hai người phụ nữ đi ô tô, hỏi nhau xem có phải là bị lạc đường không và họ tìm cách trở lại đường cao tốc. Vậy chủ đề là: Lạc đường. ý chính là: Rẽ nhầm. Hỏi cảnh sát đường quay trở lại.

Exercise 5: Chúng ta hãy nghe bài nói chuyện về ý nghĩa của màu sắc (The Meaning of Colours) sau đây. Liệt kê các ý chính.



CD1 - Ch 3 (Audio - 4)

THE MEANING OF COLOURS

Colours mean different things to different cultures.

.....

Were they any of these colours? If so, read the description and see if it describes your personality. You may be surprised.

Các ý chính trong bài nói chuyện là:

1. Màu sắc có ý nghĩa khác nhau trong các nền văn hoá khác nhau.
2. Màu của đàn ông là xanh, màu của phụ nữ là hồng.
3. ...
4. ...
5. ...

3. Kỹ thuật nghe lấy thông tin chi tiết (*Listen for details*)

Quy trình nghe của chúng ta bao giờ cũng bắt đầu từ nghe lấy ý chính sau đó mới đến những ý chi tiết. Chúng ta cùng tham khảo một loại hình luyện nghe mức độ quan trọng của các ý hỗ trợ.

Which details are important?

Đối với một ý chính sẽ có nhiều ý hỗ trợ, tức là thông tin chi tiết về ý chính đó. Nhưng cũng có chi tiết quan trọng hơn các chi tiết khác. Loại hình này giúp chúng ta tìm ra những thông tin chi tiết quan trọng trong một câu.

Exercise 6: Chúng ta cùng đọc đoạn sau đây. Chi tiết nào quan trọng nhất?

When Susie opened the door she didn't hear her bird singing. She ran to the cage. "Oh, dear," she thought, "my lovely birdy is dead." Suddenly the bird went "cheep, cheep".

Trong câu chuyện trên chúng ta thấy ý chính là: Susie rất quý con chim nhỏ. Chi tiết quan trọng là: con chim kêu "chíp chíp"

Người phiên dịch cần nắm bắt được kỹ thuật này vì nó giúp ta sắp xếp ngữ liệu trong đầu khi chuẩn bị tái tạo ra sản phẩm C1.

Exercise 7: Chúng ta nghe một bài nói về Tháp London. Hãy ghi lại thông tin chính (*main ideas*)



CD1 - Ch 3 (*Audio - 5*)

THE TOWER OF LONDON

The Tower of London is actually many buildings

.....

It's not surprising that there are many legends and tales about the Tower, including stories about a resident ghost.

Ý chính:

1. Tháp London do William the Conqueror xây năm 1066.
2. Du khách đến tham quan châu báu của Hoàng gia trong nhà trưng bày.

3. Thăm Tháp London gợi cho chúng ta nhiều sự tưởng tượng.
4. Có nhiều truyền thuyết về Tháp London.

Hãy nghe lại một lần nữa, ghi lại những thông tin chi tiết (details) bổ sung cho thông tin chính.

Ý chính và ý phụ trợ:

Thông tin chính 1: Tháp London do William the Conqueror xây năm 1066.

Thông tin bổ sung cho thông tin chính 1: Tháp London có nhiều lâu đài hợp lại.

Thông tin chính 2: Du khách đến tham quan châu báu của Hoàng gia trong nhà trưng bày.

Thông tin bổ sung cho thông tin chính 2: King Charles bị kết tội, châu báu của hoàng gia bị hủy, châu báu trưng bày là những châu báu còn giữ lại được từ thời đó, vật trưng bày có cả giáo mác của Thánh George, áo giáp của Vua Henry III, và Thanh kiếm Công lý.

Thông tin chính 3: Thăm Tháp London gợi cho chúng ta nhiều sự tưởng tượng.

Thông tin bổ sung cho thông tin chính 3: các cây tháp, cầu cất, hào, vườn cây, phòng tranh, những nhân vật nổi tiếng bị giam ở đây.

Thông tin chính 4: Có nhiều truyền thuyết về Tháp London.

Thông tin bổ sung cho thông tin chính 4: những câu chuyện ma.

4. Nghe lấy thông tin cần đến (Listen for wanted Information)

Trong hoạt động xã hội, khi nghe thông thường ít người nghe mọi chi tiết. Mỗi người khi bước vào nghe phải có định hướng cho mình, và như vậy trong khi nghe người đó sẽ bỏ qua những chi tiết không cần đến. Chẳng hạn khi đi dự hội nghị về "Phát triển nuôi cá ba sa", mỗi người có thể có mục đích riêng khác nhau. Có người đang nuôi cá, đến hội nghị chờ nghe những kinh nghiệm của các người khác, có người chuẩn bị nuôi, đến hội nghị để tiếp thu các kỹ thuật hiện đại, nhưng cũng có người đến hội nghị chỉ để thu thập tin tức (tình hình nuôi cá hiện nay có gì khó khăn, thuận lợi, tình hình xuất cảng cá ra sao, v.v.). Ngay cả trong một thông tin người nghe cũng chỉ tập trung nghe điều mình cần đến mà thôi. Trong những người đến nghe để thu thập tình hình xuất khẩu cá, có người quan tâm đến tuyến xuất sang Mỹ, có người chỉ muốn nghe tin xuất sang EU, v.v. Cách nghe này gọi là nghe lấy thông tin cần đến.

Exercise 8: Chúng ta cùng phân tích cách nghe này một cách chi tiết hơn thông qua câu chuyện sau đây.



CD1 - Ch 3 (Audio - 6)

KEEPING CLEAN IN SPACE

Astronauts have important work to do in space. They must stay healthy to do a good job.

.....

What do astronauts miss most about earth? A hot shower!

Khi nghe bài nói chuyện với chủ đề Giữ vệ sinh trên vũ trụ, mỗi người có thể có những điểm tò mò khác nhau.

Ai muốn nghe xem họ tắm như thế nào thì hãy bắt đầu chăm chú nghe khi gặp từ đánh dấu (*signposts*) như: *Now astronauts take towel baths.*

Người quan tâm đến cách gội đầu của các nhà du hành vũ trụ hãy bắt đầu nghe khi nghe thấy: *And how do they wash their hair?*

Còn *And how do astronauts brush their teeth?* dành cho người muốn biết các nhà du hành vũ trụ đánh răng như thế nào.

Exercise 9: Chúng ta nghe thông báo trong buổi họp cuối cùng của Hội nghị về Quy hoạch Đô thị (*Urban Planning*). Hãy ghi lại thông tin sau đây :

1. Sự thay đổi phòng họp
2. Giờ nộp báo cáo thảo luận
3. Giờ chạy của các chuyến xe buýt ra sân bay.



CD1 - Ch3 (Audio - 7)

LADIES AND GENTLEMEN

Ladies and Gentlemen,

If I can have your attention for a moment please. I have the final notices for this final session of the conference.

.....

Thank you all for coming.

Các thông tin chúng ta cần nắm bắt là:

1. Phòng họp về ô nhiễm đô thị chuyển sang phòng 201.
Phòng họp về nhà ở chuyển sang phòng 304.
2. Giờ nộp báo cáo thảo luận: 5 giờ.
3. Xe buýt: 3: 30 chiều và 5: 15 (chiều).

5. Kỹ thuật nhìn thấy điều nghe được (Visualisation)

Trong quá trình huấn luyện năng lực nghe của người phiên dịch, điều quan trọng trong khi nghe là phải tưởng tượng ra được hình ảnh mà người nói đề cập đến. Hay nói một cách khác, chúng ta phải "nhìn thấy được những điều ta nghe" (*See what you hear*). Kỹ thuật nghe và tưởng tượng ra hình ảnh gọi là *visualising* hoặc *visualisation*.

Các bước tiến hành của kỹ thuật này như sau:

- Nhắm mắt lại để nghe.
Close your eyes to listen.
- Hít thở sâu và toàn thân buông lỏng.
Take a few deep breaths and relax.
- Tập trung tư tưởng khi nghe.
Concentrate as you listen.
- Nhìn và nghe những điều một người nào đó đang nói.
See and hear the things someone talks about.
- Tưởng tượng như người thấy những điều người nói nói đến.
Smell the things he/she mentions.
- Hãy tưởng tượng mình đang ở đó, tức là ở nơi xảy ra sự kiện.
Pretend you are there.

(Trích Kỹ thuật học nghe hiểu)

Exercise 10: Bây giờ chúng ta nghe một bài nói chuyện. Hãy áp dụng kỹ thuật *visualisation*. Đây là bài nói chuyện về bờ biển nước Anh. Bài miêu tả bắt đầu bằng cảnh hoàng hôn trên biển Hebrides.

Nghe (những) lần đầu (*sound on, vision off*): Nhắm mắt lại tưởng tượng ra bờ biển nước Anh và những hoạt động của nó theo lời miêu tả.

Nghe (những) lần sau (*sound on, vision on*): Mở mắt, nghe tiếng và xem hình. Tự kiểm tra xem những hình ảnh mình tưởng tượng trong những lần nghe đầu chính xác tới mức nào.



VCD - (Video - 1)

BRITISH COASTS

Evening on the Sea of the Hebrides.

.....

And so too in the Western Isles, where concern is growing over outside impacts.

6. Kỹ thuật nghe và ghi chép (Listen and take notes)

Đây là kỹ thuật rất quan trọng đối với người phiên dịch. Có nhiều loại ghi chép:

- Ghi chép để tái tạo lại diễn văn cho mục đích in ấn (ghi chính xác từng từ). Trường hợp này thường dùng đến tốc ký (*shorthand typing*).
- Ghi chép để tiếp tục nghiên cứu. Loại hình này thường được dùng trong giới học sinh, sinh viên để ghi bài giảng của thầy.
- Ghi chép lấy tư liệu để viết bài. Phóng viên thường hay dùng loại này.
- Ghi chép sơ lược để dịch (sử dụng trong dịch đuổi).

Exercise 11: Giả sử bạn là một phóng viên đến dự hội thảo về Cơ hội tuyển dụng (*Seminar on Job Opportunities*). Susie hôm nay nói chuyện về việc tuyển người cho công ty *Good Communications*. Nghe và ghi chép theo kiểu ghi lấy thông tin để viết bài báo.



CD1 - Ch 3 (Audio - 8)

JOB OPPORTUNITIES

Brian Green : *First of all I'd like you to thank Ms Lee who is going to talk about public relations. Ms Lee.*

Suzy Lee : *Thank you Mr Green, it is always an honour to be chosen to speak at events such as these*

.....

... I think I should stop there as I've run out of time. I think I have covered all the main points relevant to working in the PR industry but I would be happy to answer any additional queries at the end of the seminar. Thank you for your kind attention.

Các kỹ thuật ghi chép dùng cho người phiên dịch được trình bày chi tiết trong Chương 5.

7. Kỹ thuật nghe chép chính tả (*Listen and dictate*)

Trong quá trình dịch, người phiên dịch không có thời gian chép chính tả lời phát biểu của diễn giả, và diễn giả cũng không đọc chậm hoặc dừng lại để người phiên dịch chép chính tả. Thời gian ngừng giữa hai đoạn chỉ đủ để dịch (trong dịch đuổi).

Kỹ thuật nghe chép chính tả là kỹ thuật giúp cho người phiên dịch tự rèn luyện khả năng nghe-ghi và nghe-nhớ, rồi dựng lại nguyên văn thông điệp. Kỹ thuật này tiến hành theo ba bước:

- Bước 1:** Nghe đọc một lượt từ đầu đến cuối một bài viết.
- Bước 2:** Nghe đọc một (vài) câu (không phải từng từ), một lượt, với tốc độ bình thường (*normal speed*), dừng băng để chép chính tả.
- Bước 3:** Nghe đọc lại một lượt từ đầu đến cuối để kiểm tra lại bài chép.

Với các bước tiến hành như vậy người nghe cần nắm bắt từ và cấu trúc của toàn câu (có thể, hai, ba câu). Sau khi người nói dừng lại, trong đầu người nghe đã phải tái hiện từ và cấu trúc câu vừa nghe được một cách chính xác (từng từ một, mẫu câu gốc). Ở đây người nghe không được thay từ, hoặc giải thuyết (*paraphrase*) hay tóm tắt (*summarise*).

Các bài luyện thường theo độ khó tăng dần: Thời gian đầu sử dụng những bài đọc với tốc độ chậm (*slow speed*) như bản tin đọc chậm của đài VOA. Nghe chép từng câu. Sau đó tăng dần độ dài: nghe chép hai, ba, bốn câu một lần.

Tiếp theo, sử dụng bài đọc với tốc độ tự nhiên (*normal speed*). Nghe chép từng câu. Sau đó tăng dần độ dài: nghe chép hai, ba, bốn câu một lần.

Exercise 12: Nghe- chép chính tả. Bài đọc với tốc độ chậm. Nghe và chép theo người đọc, không có chỗ dừng để chép.



VCD - (Video - 2)

VOA: STOCK MARKET CRASH

Seventy-five years ago, an event shook the world: the great American stock market crash of 1949.

The crash caused a lot of people to lose their jobs, their farms and their homes. Many banks and businesses failed. The crash led to a worldwide depression.

Exercise 13: Nghe-chép bức thư sau đây của Amy gửi bạn. Bài đọc với tốc độ bình thường (*normal speed*). Sau mỗi đoạn có chỗ dừng để chép.



CD1 - Ch 3 (*Audio - 9*)

*Dear Betty,
Hello! How are you? Well, I hope...*

.....

Well, that's all for now. I will send you a postcard from Japan.

*Love
Amy*

8. Kỹ thuật nghe-dựng câu (*Dictogloss*)

Kỹ thuật *Dictogloss* ban đầu được sử dụng như một phương pháp dạy nghe trong quy trình dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên trong quy trình đào tạo phiên dịch người ta cũng có thể ứng dụng kỹ thuật này. *Dictogloss* không giống kỹ thuật chép chính tả ở cả các bước tiến hành lẫn mục tiêu. Mục tiêu của *Dictogloss* là huấn luyện cho người phiên dịch năng lực hiểu qua nghe, với một bản ghi tối thiểu, sau đó dựng lên được thông điệp bằng TL, tức là bắt đầu từ bước *understanding* đến bước *re-expression*. Quy trình tiến hành *Dictogloss* như sau:

(i). Thông báo chủ đề (ví dụ động đất: *earthquake*). Phát huy vốn từ vựng của người học về chủ đề (*elicit the students' vocabulary on the topic*. Ví dụ: *destroy, rescue, v.v.*) Phát huy vốn kiến thức của người học về chủ đề (*elicit the students' knowledge on disasters*. Ví dụ: những gì thường xảy ra khi có động đất).

(ii). Nghe đọc hai lần một thông điệp với tốc độ nói bình thường (*normal spoken speed*) như khi diễn giả nói trong hội nghị. Nghe lần thứ nhất: không ghi chép. Nghe lần thứ hai: ghi nhanh một số từ, mỗi câu chỉ ghi một, hai từ từ vựng (*jot down content words*), còn những từ chức năng (*functional words*) thì sau này người phiên dịch tự đưa vào khi dựng câu. Ví dụ nếu thông điệp là:

*In 1989 there was an earthquake in San Francisco.
Many hundred people died in the disaster.
People searched the city for missing relatives and friends.
Rescuers worked without rest for many days.
There was a great deal of suffering and enormous destruction.*

thì bản ghi của người phiên dịch như sau:

S1: ... earthquake ... San Francisco ... 1989

S2: people ... die ... disaster

S3: searched ... relatives ... friends

S4: rescuer ... without rest ... days

S5: suffering ... destruction

Sau khi nghe, tái tạo lại nội dung thông điệp. Đây là bước tái thể hiện (*re-expression*) bằng TL, không phải là cố nhớ lại nguyên văn từng câu từng chữ (*not replicating the original text*). Bước thứ hai này tiến hành theo nhóm để hỗ trợ lẫn nhau.

Trong quá trình tái tạo nội dung thông điệp, những người trong nhóm giúp nhau phân tích những chỗ vướng mắc.

Exercise 14: Hãy dùng một đoạn video nói về hiện tượng động đất sau đây để làm bài tập Dictogloss.



VCD - (Video - 3)

EARTHQUAKES

Earthquake was the most sudden, unexpected and destructive force of nature.

.....

They live with the risk that their homes and lives may be destroyed any moment. It's a risk that becomes part of life.

Exercise 15: Nghe và làm bài tập Dictogloss theo hướng dẫn ở trên



CD1 - Ch 3 (Audio - 10)

GODDESS OF THE NILE: CLEOPATRA

Three centuries later, shortly before the birth of Christ, Egypt was still ruled by a living goddess, Cleopatra, a Greek descended from one of Alexander's generals ...

.....
It's ironic that today everybody knows her for her beauty, but it was her intelligence that was the most important asset she had.

9. Kỹ thuật xử lý khi nghe không hiểu hết thông điệp

Người phiên dịch khi làm nhiệm vụ bắt buộc phải dịch trung thành với diễn giả, đầy đủ thông tin và chính xác. Như vậy, có nhiều trường hợp người dịch nghe không hiểu (hết) được thông điệp của diễn giả thì phải xử lý ra sao?

Trường hợp thứ nhất, khi không biết một từ/nhóm từ quan trọng trong câu và do đó không thể suy diễn nghĩa của toàn thông điệp thì người phiên dịch không được che dấu khiếm khuyết này của mình, phải hỏi lại để diễn giả giải thích cho mình trước khi dịch. Điều này có thể làm được khi dịch cho những cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa hai bên. Nếu không nghe rõ một từ/nhóm từ nào đấy, hoặc nghe mang máng mà không hiểu, người phiên dịch dùng câu *Could you please say again the technical word you've just used?* để hỏi. Diễn giả sẽ rất nhạy bén, không những nói lại từ/nhóm từ ấy mà sẽ còn giải thích bằng cách *paraphrasing* hoặc thay từ tương đương thông dụng hơn. Trường hợp không hiểu rõ lắm một ý nào đó vì nó hàm chứa khái niệm chuyên ngành sâu, người phiên dịch dùng câu sau đây để hỏi: *Could you please say it in plain English?* Không dùng *simple* hoặc *easy English* thay cho *plain English*.

Nếu trường hợp này xảy ra trong hội nghị, người phiên dịch có thể "nợ" một câu dịch ở đoạn này, và khi dịch sang các đoạn sau có thể nhờ văn cảnh rộng lớn hơn mà phát hiện ra ý nghĩa của thông tin mình còn nợ và khéo léo đưa vào câu đang dịch. Như thế tổng thể người phiên dịch vẫn đảm bảo được nguyên tắc dịch đủ ý. Trong mọi trường hợp người phiên dịch không được phép bỏ qua, cũng không được phép dịch "bừa" để che dấu khiếm khuyết của mình.

Trường hợp thứ hai, khi người phiên dịch không suy diễn nổi ý nghĩa của thông điệp do không hiểu một từ/nhóm từ nào đó trong thông điệp ấy, thì kiến thức nền về chủ đề có thể giúp người phiên dịch phán đoán được nghĩa một cách đúng đắn. Điều này đòi hỏi người phiên dịch phải có kiến thức tương đối sâu về chủ đề đang dịch.

Exercise 16: Chúng ta nghe một đoạn sau đây. Bạn không hiểu từ gì? Hãy dùng băng ở những chỗ không hiểu và dùng hai câu hỏi trên để hỏi.



CD1 - Ch 3 (Audio - 11)

SPRING

Springs are always the same.

.....

And April slips into our arms.

10. Kỹ thuật nghe lấy đầy đủ các thông tin (Listen for everything)

Nghe lấy đầy đủ các thông tin là yêu cầu nghe của người phiên dịch. Đây không phải là một kỹ thuật mà là tổng hợp các kỹ thuật nghe đã luyện ở trên. Những bài luyện kỹ thuật nghe riêng lẻ giúp cho người phiên dịch có được những thói quen nghe cần thiết.

Kỹ thuật nghe lấy đầy đủ các thông tin đòi hỏi người phiên dịch phải có khả năng ghi nhớ tốt và tổ chức thông tin trong đầu theo trật tự bài nói của diễn giả. Hay nói một cách khác trong đầu người phiên dịch có ngay được một sơ đồ ý chính và thông tin chi tiết ngay sau khi diễn giả ngừng nói.

Sau đây là bài luyện năng lực này.

Exercise 17: Bài luyện dịch đuổi (*consecutive interpreting*). Đây là bài nói chuyện về Thuốc cho người nghèo (*Drugs for the poor*). Nghe và dùng băng từng đoạn để dịch.



VCS - (Video - 4)

DRUGS FOR THE POOR

Good afternoon ladies and gentlemen,

It is a great pleasure for me to be here to address this meeting of OECD delegates, and I'd like to thank you for having invited the representative of my organisation to dress you on very important issue of compulsory licensing of drugs in the developing world.

.....

And as those drugs are being produced under compulsory licence in the developing world, they can be produced at developing world prices and they can be sold at developing world prices to the people who need those drugs so desperately in the developing world.

Exercise 18: Bài luyện dịch chuỗi (*consecutive interpreting*). Nghe và dừng băng từng đoạn để dịch.



VCD - (Video - 5)

A NEW DISCOVERY

Prof. Fanshaw: It's a pleasure and a great honour to be here at New College...

.....

Anyfinally, I would like to thank you all for coming here this affternoon.

REFERENCES

- Boning, Richard A. (1995) *Multiple Reading Skills*. H. Unit 46. McGraw-Hill, Inc.
- Carry, dean (1994). *Talking English*. The English Language Programs Division. United States Information Agency. Washington, D.C. 20547
- Crazy English 2003.3
- Fenton, Sabine. *Lectures on Interpreting and Translating*. Hanoi University of Foreign Foreign and Commonwealth Office. *Inside Britain: Conserving the Coasts*. Charles Dunstan. London.1995
- Gran, B.J., Philip Leetch & Joseph Li (1995). *All-in-one Practice. Form 6. Paper 2. Interpretation*. European Community. Luxembourg

- Jones, Roderick (2002). *Conference Interpreting Explained*. St Jerome Publishing. Languages. 1995
- Robinson, Carole & Helen Parker (1986). *Themes for Listening and Speaking*. OUP P.27-28. Macmillan Publishers (China) Ltd.
- Sampson, Nicholas A. (1994). *English 2000*. Book 1A. Macmillan Hong Kong.
- Seleskovitch, Danica; Marianne Lederer (1995). *A Systematic Approach to Teaching*.

TAPESCRIPT



CD1 - Ch 3 (Audio - 1)

INVITATION TO DINNER

- Woman : When can we expect you for dinner? Can you come tonight?
- Man : Not tonight. I promised to go to a concert with my sister.
- Woman : Well... How about Friday then?
- Man : That sounds fine.
- Woman : Good. Shall we say seven o'clock?
- Man : I'll be there! You're still a fabulous cook, aren't you?
- Woman : That'll be for you to decide.
I've got a new dish that I want to try on you.
- Man : I'm ready. I think I'll fast all day Friday!

(Talking English: Conversation 4)



BACK TO THE DUMP

W. Baker

When I was a boy, everybody urged me to get plenty of sunshine, so I got plenty of sunshine for a long time. One day while I was absorbing July sunshine as fast as I could, a doctor asked what I thought I was doing.

"Getting plenty of sunshine," I said.

"Are you mad?" he replied.

No, I was not mad, just slow to catch up with my life's revisions. Getting plenty of sunshine had been declared dangerous while I was out to lunch. I revise my store of knowledge. Now I get only small droppers of sunshine extracted from the half hour just before sunset.

When I was old enough to notice that girls were pleasantly different from boys, my mother told me the fact of life. "You must always treat a woman like a lady," she said. So for a long time I went through life treating women like ladies.

One day while I was helping a woman into her coat, another woman asked me what I was doing.

"Treating a woman like a lady," I said

"Are you mad?" she replied.

No, I was not mad, but my interrogator was furious. I had been out to lunch during one of life's revisions and missed the announcement that it was swinish to treat a woman like a lady. I discarded another piece of my childhood education. Now I treat women like ticking bombs.

.....

Perhaps it was not age that defeated me, though. Maybe it was fatigue caused by the constant trips to the dump to discard everything I'd learned in the first half of my life. Life seemed to be an educator's practical joke in which you spent the first half learning and the second half learning that everything you learned in the first half was wrong.

(Crazy English)



CD1 - Ch 3 (Audio - 3)

GETTING LOST

Woman 1 : Where on earth are we?

Woman 2 : Judging by all the traffic, I'd say we are near the heart of the downtown area.

Woman 1 : What did I do wrong? Did I take the wrong turn?

Woman 2 : I'm not sure, but I think that you turned left when you should have turned right.

Woman 1 : Well, now the problem is how to get back onto the main highway.

Woman 2 : Well, if I may offer a suggestion ... Why don't you stop and ask a policeman?

Woman 1 : Yeah, yeah, yeah, I think I see one up there in the next block.

(Talking English. Conversation 2)



CD1 - Ch 3 (Audio - 4)

THE MEANING OF COLOURS

Colours mean different things to different cultures. In China people wear white at funerals and brides wear red to get married. In the West, brides were white and the colour for funerals is black.

In some countries red means danger. It is the colour used for stop signs and traffic lights. Red is the colour of blood and fire. It can be the colour of love. People often send red roses to the person they love. However if people 'see red'. It means they are angry.

In many parts of the world, baby boys are often dressed in blue clothes and baby girls in pink. Because of this blue has become a male colour and pink a female colour. Although many women wear blue, not many men wear pink.

Some people believe that the colours you wear are important. They believe that colour can tell us what sort of person you are. For instance, if someone wears dark blue, they are calm and like to live in a quiet environment.

Here are some more colours and a description of type of person who often wears them.

Blue-green is for people who are stubborn and have strong ideas. When they decide to do something they don't change their minds.

Yellow is for happy, friendly people. They have lots of energy and enjoy different activities.

Purple is for sensitive people. These people enjoy art and music. They like to live in a 'dream world' where everything is perfect.

Red is for people who enjoy life and made good leaders. They are active people and like playing sports.

People often wear different colours at the same time. However there is usually one main colour. Think of the clothes you wore yesterday. Were they any of these colours? If so, read the description and see if it describes your personality. You may be surprised.

(English 2000. Book 1A. Unit 2. Normal speed)



CD1 - Ch 3 (*Audio - 5*)

THE TOWER OF LONDON

The Tower of London is actually many buildings and towers surrounded by a moat. It was built in 1066 by William the Conqueror, who wanted to remain conqueror.

The Tower has a long, rich history. It has served as everything from a fortress to the Royal Mint. Today most visitors come to view the vast collection of Crown Jewels in the Jewel House. When King Charles I was executed in 1649 almost all the royal jewels were destroyed. Most of the jewels now on display date from that time on. Other displays include the gold spurs of Saint George, Henry III's armor, and the three Swords of Justice.

Viewing the Tower of London with its lovely, picturesque towers, drawbridge, moat, gardens, and galleries can stir the imagination. Such well-known historical figures as Sir Thomas More, Sir Walter Raleigh, and Mary, Queen of Scots, were imprisoned there. It's not surprising that there are many legends and tales about the Tower, including stories about a resident ghost.

(Richard A. Boning. Multiple Reading Skills. H. Unit 46. McGraw-Hill, Inc. 1995)



CD1 - Ch 3 (Audio - 6)

KEEPING CLEAN IN SPACE

Astronauts have important work to do in space. They must stay healthy to do a good job. Part of staying healthy is keeping clean. Astronauts must take care of their personal hygiene.

But how do astronauts wash themselves in space? Can they take a bath or a shower? No, they can't. On early space flight astronauts tried to take showers, but it didn't work. The water floated all around because water is weightless in space. Now astronauts take towel baths. They get two washclothes a day. They put soap on one and use it to wash. Then they put water on the other and use it to rinse off the soap.

And how do they wash their hair? Astronauts use a wet, rinseless shampoo. They gently rub the shampoo into their hair. They try not to make soap bubbles because bubbles are difficult to get out of the air. Then they dry their hair with a towel.

And how do astronauts brush their teeth? They brush their teeth just like they do on earth. Each astronaut has a personal hygiene kit with a toothbrush, toothpaste, and dental floss. The kit also has a comb, a brush, deodorant, and body lotion. There are nail clippers too. But nails grow very slowly in space, so astronauts cut their nails only once a month.

What do astronauts miss most about earth? A hot shower!

(Read All about it. Book 1. P.38)



CD1 - Ch 3 (Audio - 7)

LADIES AND GENTLEMEN

Ladies and Gentlemen,

If I can have your attention for a moment please. I have the final notices for this final session of the conference.

Now first of all, I'd like to mention that the urban pollution session has been very popular so will be moving the final discussion to room 201, that's room 201, which

means that the domestic shelter session will be changed from room 201 to room 304, that's the domestic shelter session in room 304. I hope everybody's got that.

Now I have a notice here that you must return your keys to the Porter's Lodge before you leave, so anybody who has forgotten to bring them with you, please get them and return them before you leave. Thank you.

Turning now to your discussion records, I would like to see you return them to the session chairpeople by 5 o'clock this afternoon, that's 17: 00 (seventeen hundred hours). Thank you.

Regarding coaches for the airport... they will be gathering outside the Kenedy Building at 3:30, that's fifteen thirty hours, and there will be another one a bit later than that at 15 hour, that's 17:15, that's 5:15. I'd like to ask you all to be there ready for the buses at least five minutes before the departure time. So we can all leave promptly and everybody will get home on time. Thank you.

I have particular messages for Doctor Sad... Schapsinger and Dr Garbeldy and Dr Surinander... I'd like to ask you three. Are you here Dr Schapsinger, Dr Garbeldy ... yes ... and Dr Surinander? I'd like to ask you to collect your reprints from the conference desk before you leave. Thank you.

Finally I have a reminder from Dr Goldman from the Chicago Institute that the sixth annual Convention of P.E.S. will be held in Hawaii in October 1986. I think you'll all be interested in marking that date in your calendar, that's the sixth annual Convention of P.E.S., October 86. And I'd like anybody that's interested in that conference to leave your name at the conference desk. Thank you very much.

Ladies and Gentlemen,

I know it's been a happy event for me of this conference, and I hope you too have found it a happy and productive time. Thank you all for coming.

(Themes for Listening and Speaking: 1)



VCD - (Video - 1)

BRITISH COASTS

Evening on the Sea of the Hebrides.

Three and a half hours out from the nearest point of the Scottish mainland, the ferry is arriving in the Western Isles.

Night or day, these ferries provide a lifeline to the outside world.

The Western Isles, or Outer Hebrides as they are also known - a chain of islands stretching along the edge of Britain, and the frontier of Europe.

In all, Britain has some 19,000 kilometres of coastline - a high proportion in relation to its landmass - and much of the country's history and economy has been shaped by its relationship with the sea.

And nowhere more so than here, in the Western Isles.

But - even in this remote place - conservation challenges are now coming to the fore.

These are Atlantic islands, washed by the comparatively warm waters of the Gulf Stream - and rich in diverse ecosystem of international significance.

Here a traditional way of life survives, and 'crofting', a distinctive ancient Scottish form of land use, is still important.

This is a lifestyle in close harmony with the sea.

Interview with Donald MacDonald

"Living in the place like the Western Isles one's never far from the sea. The sea is all around us, and so its very much a part of you and a part of life."

Interview with Stewart Angus

"I think its fair to say that the coast and the sea have a special place in the heart of islanders."

The land is fairly poor, and they really have to live on the land with the help of the sea, and there's been a certain understanding of relationships in the natural heritage which has encouraged a sustainable use of the local resources."

The majority of the islanders still speak the old Gaelic language, and the sea is enshrined in traditional Gaelic culture.

Gaelic Music Band

Coastal and maritime matters have become increasingly high-profile in recent times - with national and international debate on the way to treat our coastal environment and safeguard its sustainability.

And so too in the Western Isles, where concern is growing over outside impacts.

(Inside Bristain) - London Television Service



CD1 - Ch 3 (Audio - 8)

JOB OPPORTUNITIES

Brian Green: First of all I'd like you to thank Ms Lee who is going to talk about public relations. Ms Lee.

Suzy Lee: Thank you Mr Green, it is always an honour to be chosen to speak at events such as these and have the opportunity to talk to the potential future leaders of your profession. I hope that my talk today will inspire some of you to enter the field of public relations. I have been working for Good Communications for over ten years and in that time have helped shape a company which is now recognised as being the leader in its field in Hong Kong and the fifth largest in the world. What, you may ask, has made us so successful? Maybe it's the wining and dining of influential journalists, a cliché so often believed by the general public? No - a good company first and foremost relies on good people. PR is a people industry and although you can enter the firm straight from school as a secretary and work your way up, we also have a very successful graduate recruitment scheme. PR companies must also have excellent relations with the local media as well as with the local people. Lastly, our company's success can also be attributed to its business integrity or business honesty which is well-known and widely respected throughout the business community. Many PR companies will promote anything for the money but we only take on clients whose business aims or products we agree with. This means that we might have turned down a few potential clients in the past but the policy has worked well in the long run as we have earned a great deal of respect.

I love my job, the variety of the work, the personal responsibility which allows you to take control and, of course, Good Communications pay a very competitive salary. And if you work hard the company has a policy of promotion by merit rather than by seniority which is a great incentive. I can't pretend that it doesn't have any faults, however. I must warn you that the hours can be very long, especially if you have to put

together a sponsorship deal for an art or sporting event. You end up working both in the evenings and all weekend as your presence is usually needed to make sure everything is running smoothly. It can also be quite stressful as you have the constant pressure of deadlines. If your copy is not at the newspaper on time it will obviously go to print without you ! Finally you always have to retain your good cheer and composure even when dealing with difficult clients or rude member of the public. But I tend to think that the rewards are worth it.

People often ask me what qualities are needed to make a successful career in public relations. Above everything else I think that fluency is essential. People must be able to express themselves well both in the spoken and written word - that after all is what communication is all about. The ability to think logically and clearly is important, as are very good organisational skills. As I mentioned earlier you sometimes have to deal with awkward or ill-mannered people so it is important that you are always diplomatic or tactful; you wouldn't last long in the job if you were always losing your temper.

Well, that tells you what we are looking for and what you can do for us. Now I'll tell you what we can do for you. When you join our company either from school or university your education doesn't stop there! We run a number of courses for our staff and if you need special training we will pay for you to attend courses at other institutions. For example, most account managers are sent on a marketing course run by the Institute of Marketing here in Hong Kong as well as a journalistic writing course run by the New Territory University. In this age of computers we also feel that it's important for our staff to keep up to date and we run regular computer training courses at the company. Finally as so much writing is involved in the job, all staff have their own PC, so if they really can't type at all we send them on a basic typing course. We find this much more effective than employing an army of secretarial staff.

I think I should stop there as I've run out of time. I think I have covered all the main points relevant to working in the PR industry but I would be happy to answer any additional queries at the end of the seminar. Thank you for your kind attention.

(A Seminar on Career Opportunities. Paper 2. P. 27-28)



VCD - (Video - 2)

VOA: STOCK MARKET CRASH

Seventy-five years ago, an event shook the world: the great American stock market crash of 1949.

It began October 24th, 1949. Fear seized the New York Stock Exchange. Investors wanted to sell their shares before the stocks lost value. Over the next five days, millions of shares flooded market. Many investors lost all their money.

During the nineteen twenties, many American had invested in the stock market. Many got rich. In 1948, Herbert Hoover was elected president. He said the future was bright with hope.

People were being advised to buy stock before prices climbed even higher. Stock market rules let investors buy shares even if they did not have enough money to pay for them. That is true today.

During the summer of 1949, some economists warned that there was no real value behind the high stock prices. President Hoover urged stock market officials to make trading safer and more honest. But he did not think the government should interfere in the market.

When the drop in stock prices finally came, it was slow at first. It picked up speed as investors sold more and more shares. Several bankers bought stocks in an effort to prevent a crash.

But the intense activity continued. October 29th is remembered as Black Tuesday. That day alone, stocks lost a tenth of their value.

The crash caused a lot of people to lose their jobs, their farms and their homes.

(VOV Special English. Week 152. Episode 960. SN-2)



CD1 - Ch 3 (Audio - 9)

A HOLIDAY IN JAPAN

This winter Amy and her family are going to visit Japan for their holiday. Amy's parrents are going to take her skiing. She's very excited about the trip because she has never skied before. One evening, Amy decided to write to her cousin who live in America and tell her about her plan for the winter.

Flat 16 A
Wing Luk Building
Hen Fa Chuen
Chai Wan
Hong Kong

31st October 1994

Dear Betty,
Hello! How are you? Well, I hope.

(Beep)

I'm fine. I'm writing because I want to tell you my plans for the Christmas holiday. The big news is that we're planning to go to Japan for two weeks this winter.

(Beep)

We're going to spend a few days in Tokyo first. Then we're going skiing in Hokkaido, which is an island in the north of Japan.

(Beep)

I'm very excited about the trip. I've never been skiing before, and this is the first time for me to see snow. A friend of mine went skiing last year. Unfortunately, she broke her leg. I hope that doesn't happen to me! Just to be safe, I'm going to ski very slowly - at least, to begin with!

(Beep)

We're going to leave Hong Kong on December 20. Hong Kong will be cool by then, and my father says that the weather in Tokyo will be colder. But we're only going to stay in Tokyo for a few days before flying on to Hokkaido. And, of course, it will be even colder there because of all the snow!

(Beep)

It's funny to think that before we leave Hong Kong we will all be wearing normal winter clothes. Then a few days later we will all be wearing thick jackets and gloves so that we don't get cold!

(Beep)

I saw a television programme about Tokyo recently. I'm looking forward to visiting it because it seems like a very interesting city. In fact, I thought that it looked a little bit like Hong Kong, but without as many tall buildings. It seemed to be just as busy and crowded, though!

(Beep)

Well, that's all for now. I will send you a postcard from Japan.

Love
Amy

(Beep)



VCD - (Video - 3)

EARTHQUAKES

Earthquakes were the most sudden, unexpected and destructive force of nature. They strike without warning. The grounds start to shake and there is simply no way of knowing when it will stop. It might be a small drama or a huge once-in-a-life-time quake. In a way you cannot escape. You can only hope you survive.

In this century alone earthquakes have killed more than two million people, yet in total. The earth shook violently for less than one hour. Earthquakes are very common. Around the world they're up to a million a year, but most of them are too weak to be felt. In an average year there may be a few hundred quakes which cause minor damage, and between one and twenty major earthquakes.

This is central Italy October 1997. An earthquake struck a wide region in the middle of the night. It caused damage to many buildings and six deaths. Ten hours later the first of several after-shocks hit. It was much stronger than the first tremor. Hundreds of houses collapsed. In one village the whole population was made homeless.

Interview... captions in English.

The after-shocks brought tragedy to seven hundred year old facilia... of St. Francis of assisi. After the original quake a group of monks in... were examining the beautiful frescos on the walls and ceiling for sights of damage. While they were working the after-shocks struck. One of the ceilings collapsed on them killing four people.

Without people earthquakes propose no threat. In an uninhabited regions, even a major tremment may leave no sight of whatever happen.

But this is a crowded planet. Many regions prone to earthquake are also full of people. Urban areas are becoming larger and more complex. Cities are growing all the time.

A large earthquake in a crowded urban area will kill more people in a few seconds than any other form of natural disasters.

Today an estimated six hundred million people are living in areas where damaging earthquakes occur. They live with the risk that their homes and lives may be destroyed any moment. It's a risk that becomes just part of life.



CD1 - Ch3 (Audio - 10)

GODDESS OF THE NILE: CLEOPATRA

Three centuries later, shortly before the birth of Christ, Egypt was still ruled by a living goddess, Cleopatra, a Greek descended from one of Alexander's generals. She looked back to the Golden Age of Alexander's world empire and was determined to do even better herself.

Alexander died at the age of 32. By the time Cleopatra was 23, she had gone even further than Alexander making her entrance into Rome as Queen off Egypt and consort of Julius Caesar, the most powerful man in the world.

There were complex times. To keep your throne you had to be adaptable, ruthless, intelligent and a great politician. Cleopatra had all these traits which is why history has provided us with lots of interpretations of Cleopatra. Renaissance poets saw her as a heroine dying for love. And painters alluded to her eroticism in their bare breasted portrayals of the dying queen. Hollywood reinforced the image of Cleopatra as a vamp starting with Theda Bara's seductive portrayal in 1917.

But who was the real Cleopatra? What did she really look like?

We're in Berlin because this is the best portrait of Cleopatra in the world. There was very few ancient sculptures that are existing. So this is probably as close as we're going to get to how she really looked. She's rather plain looking, isn't she? Look at her hair. It's tied up in a simple bun. It's a classical Greek hairstyle. It's practical but not exactly designed to captivate a Roman general.

We have from ancient sources that her hair was a reddish colour, wavy. But look at her nose. It's a little bit too long and hooked at the end. And her mouth, is not exactly sensual. She's not wearing any jewelry. There are no earrings, no necklace. This is not a portrait of a femme fatale.

The ancient sources tell us she was intelligent, witty, charming, a linguist and along with this, she had a tremendous determination. It was this amazing combination of abilities that made Cleopatra the most famous woman in history. It wasn't her beauty.

Women in Egypt had always been powerful Queen Hatshepsut, Nefertiti and now Cleopatra. But during the era of the Ptolemy's the role of Greek women had changed. They gain an identity apart from that of their husbands or families. Women participated in the arts and civic life and marriage became a union of two people, not just two houses. The portraits of women in this period show strong individuals looking back at you with confidence. They're almost haunting. Women would not have this power again until the 20th century. Cleopatra was well educated, strong minded with ideas of her own and a female.

As an intellectual, Cleopatra would have been heartbroken: when during fighting between Egyptians and Caesar's Roman troops, there occurred one of the greatest tragedies of the ancient world - the burning of the library of Alexandria. It's sad to think about what was lost in the fire at Alexandria. There are the missing manuscripts of Aristotle and Plato. They were probably there. There was an entire room with editors of Homer. Maybe even there were early manuscripts of the Old Testament, which would probably help settle Biblical questions today.

Cleopatra was eventually able to replace 200,000 of the manuscripts. Books were very important to her. It's ironic that today everybody knows her for her beauty, but it was her intelligence that was the most important asset she had.

(Crazy English)



CD1 - Ch3 (Audio - 11)

SPRING

Springs are always the same. In some years April burst upon Virginia hills in one prodigious leap - and all the stage is filled at once, whole choruses of tulips, arabesques of forsythia, cadenzas of flowering plum. The trees grow leaves overnight.

In other years, spring tiptoes in. It pauses, overcome by shyness, like my grandchild at the door; peeping in, ducking out of sight, giggling in the hallway. "I know you're out there," I cry, "Come in!" And April slips into our arms.

(From Spring. by James J. Kilpatrick. Crazy English)



VCD - (Video - 4)

DRUGS FOR THE POOR

Good afternoon ladies and gentlemen,

It is a great pleasure for me to be here to address this meeting of OECD delegates, and I'd like to thank you for having invited the representative of my organisation to dress you on very important issue of compulsory licensing of drugs in the developing world.

You've asked me to come in and address you on this question at a moment when the OECD countries are in the process of working out the position that they will be presenting at the forthcoming ministerial meeting in Singapore, which will be the first meeting after the launch of the negotiation in Doha just 18 months ago. And in order to prepare that position, you have asked a number of NGOs, like my own, to say what we feel about the issues that should be discussed in Singapore.

The Doha Decoration, ladies and gentlemen, represented an important breakthrough for many developing nations. It was the first time that the voice of the developing nations was heard in multi-lateral trading negotiations. In the negotiations that had taken place up to Doha, the developing nations had simply had to accept the agenda that was imposed on them by the rich nations represented here the OECD. Doha marked a change because for the first time the developing world had their say in what the agenda, the negotiations was going to be, and one of the important points on the agenda was the issue of compulsory licensing.

Now, you are familiar with the situation as I am on the issue of compulsory licensing. The developing countries in which most of pharmaceutical companies work, have always opposed compulsory licensing on the basis of the absolutely intangible protection of intellectual property rights. A pharmaceutical company which comes up with the new drug, patent drug, is protected under an exclusive patent for up to 20 years, and obviously wants to recoup the considerable cost of the research and development, which was going into that drug, by imposing a very high price when it sells those drugs all over the world.

Now you know as I do, but perhaps we know better than you do because we work in a lot of developing countries, that the real killer diseases in the world today: malaria, and AIDS, among others, are mostly to be found in developing countries. And it is to me and to my organization, morally unacceptable that developing countries, and their peoples, who suffer disproportionately from AIDS and malaria, should be forced to pay the prices that rich country consumers pay for the drugs.

And therefore the fact that compulsory licensing has now been put on the agenda of these negotiations is extraordinary important because it would permit, for the first time, local companies in countries like South Africa, India, and Brazil and in other countries, where AIDS is a big problem, but where there is also considerable local companies to produce those drugs. It will enable these countries to produce those drugs under a compulsory license from an American, or British or Swedish drug companies for the first time. And as those drugs are being produced under compulsory licence in the developing world, they can be produced at developing world prices and they can be sold at developing world prices to the people who need those drugs so desperately in the developing world.



VCD - (Video - 5)

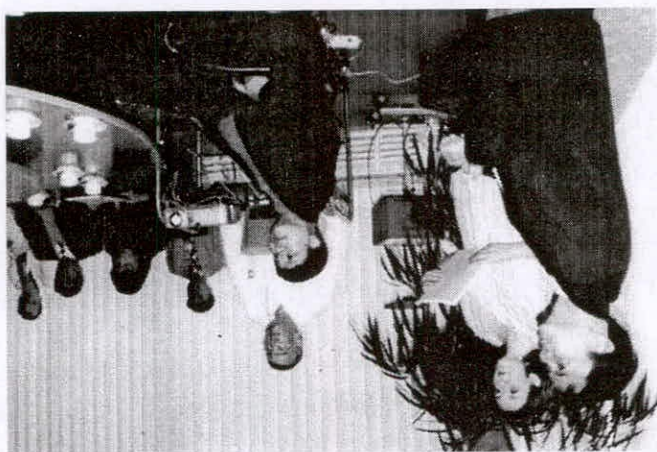
A NEW DISCOVERY

Prof. Fanshaw: It's a pleasure and a great honour to be here at New College...

.....

Anyfinally, I would like to thank you all for coming here this afternoon.

Memory



Memory

TRÍ NHỚ

Chương 4

*T*rong mô hình về quy trình phiên dịch có một số khái niệm mang tính chất ngôn ngữ học và ngoài ngôn ngữ học. Bắt đầu quy trình dịch là the input (đầu vào), tức là văn bản nói do diễn giả trình bày. Khâu đầu tiên người phiên dịch phải vượt qua là nghe hiểu được toàn bộ thông điệp. Những kỹ thuật để hoàn thành được nhiệm vụ này đã được bàn đến ở Chương 3: Nghe hiểu để dịch. Khâu thứ hai người phiên dịch phải vượt qua là ghi nhớ toàn bộ thông tin để tổ chức dịch. Trong chương này chúng ta bàn đến những kỹ thuật dùng để nâng cao khả năng ghi nhớ dữ liệu của người phiên dịch.

Ghi nhớ có ý thức tạo điều kiện cho người phiên dịch gọi nhớ lại dữ liệu một cách nhanh chóng trong các tình huống cần đến. Như vậy khi đang dịch gặp một chuỗi từ thể hiện một ý nào đó, người phiên dịch phải viện đến kho dữ liệu nhằm làm sống lại cả một khái niệm, cả một tình huống, tránh được tình trạng viện đến những từ tương đương trong TL mà không hiểu khái niệm, tạo ra một sản phẩm "dịch từng từ" (*word-for-word translation*). Đây là những trường hợp thường xảy ra khi người phiên dịch gặp phải một chuỗi phát ngôn mang hàm ý (*implicit meaning*).

Người phiên dịch sống trong một thế giới giác quan, và cảm thụ khái niệm thông qua những giác quan này. Những khái niệm này ngày càng phong phú và có thể được gọi nhớ (*be recalled*), thậm chí được làm sống lại (*be re-lived*) thông qua các hệ thống ghi nhớ (*systems of memory*).

Sự đầy đủ, chính xác, và trung thành trong lời dịch đều phụ thuộc vào khâu ghi nhớ. Người phiên dịch phải luôn luôn sử dụng đến cả hai loại hình ghi nhớ: ghi nhớ vĩnh cửu (*long-term memory*) và ghi nhớ tạm thời (*short-term memory*).

Hệ thống ghi nhớ vĩnh cửu (*long-term memory system: LTM*) được sử dụng để phục vụ cho hai mục đích. Một là, nó hoạt động như một cái kho dữ liệu năng động, sẵn sàng cung cấp thông tin cần thiết cho người sử dụng, tạo cơ sở cho khâu "hiểu" (*understanding*) trong quy trình dịch (xem sơ đồ "*The Process of Interpreting*", Chương 3). Chẳng hạn khi dịch chủ đề về "Sống chung tiền hôn nhân", người dịch phải viện đến những kiến thức trong LTM như sự ràng buộc pháp lý (*legal ties*), thuần phong mỹ tục (*fine traditional customs*), áp lực xã hội (*social pressure*), sự phân biệt đối xử về giới (*sex discrimination*), hôn nhân (*marriage*), v.v. thông qua hoạt động gọi là gọi nhớ (*recall*). Hai là, nó làm nhiệm vụ thu thập thêm thông tin cần lưu trữ (*integrate new information*) vào kho dữ liệu (*LTM database*). Ví dụ sau mỗi đợt đi dịch cho một chuyên đề nào đó, *LTM database* sẽ nhận thêm một số từ chuyên ngành, một số khái niệm mới.

Người phiên dịch khi tiến hành dịch đuổi phải nghe một thông điệp ở một ngôn ngữ rồi tái tạo nó bằng một ngôn ngữ khác; như vậy phải viện đến trí nhớ. Cũng có người

cho rằng nếu có khả năng ghi chép tốt, ngay cả dùng loại hình tốc ký để ghi chép một cách đầy đủ thì sẽ không cần đến trí nhớ nữa. Điều này không thể thực hiện được vì nhiều lý do (xem *Chương 5: Ghi chép để dịch*). Người phiên dịch cần phải sử dụng một cách có hiệu quả hệ thống ghi nhớ tạm thời.

Vấn đề đặt ra là người phiên dịch phải ghi nhớ theo kiểu gì để có thể tạo điều kiện ngay tức khắc sử dụng đến thông qua gợi nhớ. Ví dụ, khi nhận được một thông điệp của diễn giả là:

The component of the project is designed to reduce rural poverty and achieve sustainable growth in productivity and farm household income from quantitative and qualitative improvements in agricultural production and marketing, with special focus on the poor, women and ethnic minorities.

Người phiên dịch ghi nhớ theo cách nào để ngay khi diễn giả dừng lại là đã có thể giải mã và chuyển dịch sang tiếng Việt? Người phiên dịch dùng kỹ thuật gọi là gắn yếu tố nhắc nhở vào từng phần của thông điệp (*mnemonic techniques*). Kỹ thuật này bao gồm bốn thao tác:

- Việu đến dũ liệu của LTM hoặc STM để hiểu được nội dung thông điệp. Ví dụ: như trong thông điệp trên người phiên dịch phải việu đến những khái niệm (*notions*) như *sustainable growth*, *quantitative*, *qualitative*, *marketing*, v.v.
- Gắn những yếu tố nhắc nhở (*mnemonic clues/aides*) để dễ gợi nhớ lại, ví dụ như trong thông điệp trên, những yếu tố nhắc nhở có thể là:

reduce
achieve
quantitative
special focus

Bốn yếu tố nhắc nhở này sẽ là bốn yếu tố gợi nhớ bốn ý chính của thông điệp trên. Một người bình thường khi vào giao tiếp, trình bày ý tưởng hoặc thảo luận, v.v. một vấn đề gì đều phải sử dụng đến thao tác này. Nhưng điều khác nhau giữa người phiên dịch và các người khác là ở chỗ người phiên dịch rơi vào tình trạng thụ động. Sự sắp xếp không phải do mình quyết định mà phải sắp xếp theo đúng trật tự diễn giả đưa ra.

- Sử dụng năng lực nghe-tưởng tượng ra hình ảnh (*visualisation*) để hỗ trợ sự ghi nhớ. (Xem *Chương 3: Nghe hiểu để dịch*).
- Ghi chép (Xem *Chương 5: Ghi chép để dịch*)

Người phiên dịch phải tiến hành bốn thao tác này hầu như cùng một lúc thì mới đảm bảo yêu cầu phiên dịch ngay lập tức khi diễn giả dừng nói.

Trên thực tế, còn một yếu tố nữa cũng hỗ trợ rất lớn cho trí nhớ của người phiên dịch, đó là văn cảnh (*context*). Trong mỗi diễn văn đều có nhiều văn cảnh. Người phiên dịch cần phát hiện được đúng điểm bắt đầu một văn cảnh và điểm kết thúc văn cảnh đó. Bắt đầu một văn cảnh là bắt đầu một ý: hoặc diễn giải, hoặc phân tích để tranh luận, hoặc trình bày quan điểm cá nhân. Nếu phát hiện sai điểm bắt đầu của một văn cảnh, người phiên dịch sẽ lúng túng vì cảm thấy thiếu lôgic trong cách hiểu thông điệp của mình. Kết thúc một văn cảnh là kết luận một quan điểm, một ý tranh luận, một ý giải trình. Nếu không phát hiện được điểm kết thúc của một văn cảnh, người phiên dịch sẽ không giúp cho người nghe hiểu đầy đủ kết luận của vấn đề.

Phương pháp huấn luyện trí nhớ (*memory training*) để đạt được mục tiêu phiên dịch bao gồm nhiều kỹ thuật khác nhau. Nhưng nói chung các kỹ thuật thường sử dụng những thông điệp dài, có thể tới 3-5 phút nghe. Người phiên dịch bước đầu phải tóm tắt được ý chính. Sau đó người huấn luyện sẽ đặt ra nhiều câu hỏi, mỗi câu nhằm khai thác đầy đủ một ý (ý chính và ý phụ trợ). Dần dần khi kết thúc câu hỏi, người phiên dịch đã có thể khai thác triệt để mọi thông tin trong bài diễn văn, bằng cách gợi nhớ (*recall*) hoặc làm sống lại (*re-live*) sự kiện đã được lưu trữ trong trí nhớ.

Exercise 1: Đây là bài luyện trí nhớ: Con vẹt Alex.

- Lần thứ nhất : nghe và ghi nhớ những việc con vẹt Alex có thể làm được.
- Lần thứ hai : Nghe và ghi nhớ ...

Không được ghi chép dưới bất cứ hình thức nào.



CD2 - Ch 4 (Audio - 1)

ALEX

Dr Irene pepperberg is a scientist at the University of Arizona.

.....

*Dr Pepperberg learned that Alex can do some of the same things humans can do.
Animals are more like humans than we think.*

Exercise 2: Hãy nhắm mắt lại nghe một đoạn miêu tả cảnh trên núi: *High up in the mountains.*

Mục đích : Luyện trí nhớ.

Yêu cầu:

1. Ghi nhớ những miêu tả cảnh trên núi theo đúng trật tự trong bài miêu tả.
2. Nghe, ghi nhớ. Không ghi chép



CD2 - Ch4 (Audio - 2)

HIGH UP IN THE MOUNTAINS

*You are very relaxed and are ready to think about being high up in the mountains.
You're sitting under a huge pine tree and leaning against the trunk of the tree.*

.....

It is a wonderful place to be.

Exercise 3: Dùng kỹ thuật đọc nhanh để ghi nhớ những sự kiện trong đoạn đọc sau đây.

Mục đích : Luyện trí nhớ

Yêu cầu : Đọc một lần, không ghi chép.

THE BLUES

The blues form originates with Afro-American music and jazz. It does not seem to have any direct origin in European music, 'folk' or 'fine'. And, despite some interesting influences from African and Arabic music, the blues form seems to have grown up in the United States.

Most of us know the blues in its vocal version - a line of verse, then the same line repeated, then a third line with a terminal rhyme that completes the stanza:

The moon looks lonesome when it's shining through the trees;
The moon looks lonesome when it's shining through the trees.
And a man looks lonesome when his woman gets ready to leave.

The blues began the way all music begins, as chant and as song. It's quite probable that in the earliest blues form the first line of a stanza was repeated, not twice, not three or more times, until the singer, who might be improvising (and who was possibly accompanying himself on some sort of stringed instrument), arrived at a good way of completing his thought and at appropriate rhyme for his third line. The blues song thus involved into a kind of poetry, and that point is worth dwelling over. (...)

In the middle of the Thirties, when the men who wrote about jazz and other popular music began to discover the blues, they sometimes said that this musical form expressed 'social protest'. Certainly some of the blues do. They are about hard labor, poverty, a mean straw boss, and even racial segregation. But the blues are not ways of railing conditions. They are art, and therefore they are ways of coming to term with conditions aesthetically. (...)

During the Twenties some blues singers, particularly the great women singers of the time, were often recorded with several instrumentalists. The players not only 'accompanied' but also improvised musical comments on the meaning of the song behind and between the singer's phrases. This special relationship among singer, song, and accompaniment can be heard in the recordings of one of the greatest of blues artists, Bessie Smith.

It was inevitable that the vocal-poetic form should have been transferred to instruments. And so it was, and thus did the evolution of music in all culture repeat itself in the United States. Blues singing, however, was done with great many 'bent' notes, glides and quavers of the voice, and other practices, to convey emotion. And as the blues idioms began to be transferred to European instruments, these vocal inflections and effects were retained by the players. They discovered ways to play these sounds on their instruments, and thus we hear jazz horns wailing, growling, sobbing, and even using a scale that enjoys notes not properly found in European music. As instrumental music continued to develop, a very unusual and interesting thing happened - instead of gradually being refined away, these 'vocal' effects were retained and even further developed. And they continued to be used by jazz musicians when they were playing in musical forms other than blues.

(*Learning English A4/B3. Modern Life: 47-49*)

Exercise 4: Hãy nghe một trích đoạn trong tác phẩm Jane Eyre của Charlotte Bronte. *The Thornfield house-party*. Đây là đoạn miêu tả bữa tiệc ở nhà Thornfield.

Mục đích : Luyện trí nhớ

Yêu cầu : Ghi nhớ những sự kiện xảy ra theo đúng trật tự trong chuyện. Không ghi chép.



THE THORNFIELD HOUSE-PARTY

(...)

At last the great day came. Everything was ready for the master and his guests. Adèle and I watched from an upstairs window as the carriages arrived.

.....

And although I knew I must hide my feelings, must never allow myself to hope, I also knew that while there was breath in my body, I would always love him.

Exercise 5: Hãy đọc bản tin VOA sau đây. Ghi nhớ những phát hiện của *Rodale Institute, Pennsylvania*.

Mục đích : Luyện trí nhớ

Yêu cầu :

- Đọc lần thứ nhất, ghi lại những phát hiện của Rodale Institute.
Không cần ghi nhớ cụ thể tên của các loại rau quả.
- Đọc lần thứ hai. Ghi nhớ tên những loại rau quả thuộc từng loại: (1) loại cần ít ánh sáng mặt trời, và (2) loại cần nhiều ánh sáng mặt trời.

VOA SPECIAL ENGLISH AGRICULTURAL REPORT

Farmers often feel they need a lot of sunshine to produce good crop. The Rodale Institute in Pennsylvania, however, says lots of vegetables grow well without much sun.

The research center published a report about this subject a few years ago in its magazine *Organic Gardening*. The report said many different kinds of foods from blueberries to beans can be grown in the shade.

Some vegetables do need a lot of sun. A vegetable crop expert at the University of Maine advised putting these vegetables where they can get from eight to ten hours of sunlight a day. Tomatoes, melons, squash and peppers are among those that need the most sun.

Plants that produce root crops, such as carrots and beets, need from six to eight hours of sunlight every day. But leafy vegetables, such as lettuce and spinach, need only six hours of sunlight a day.

The Rodale Institute says a garden should be planned carefully, especially if you grow different kinds of foods. For example, rows of vegetables should be planted in an

east-west direction. That way, as the sun passes overhead, all the plants will receive an equal amount of light. This is especially important when the plants grow to different heights.

Nut trees such as filbert, hazelnut and yellow horn produce well with only sun in the morning.

Some fruits also do well without a lot of sunlight. In the United States, blueberries, raspberries, and several kinds of pears need only a little sun each day. In Asia, the hardy kiwi grows well in the shade.

Many herbs also grow well without much sun. Mint plants, for example, grow well in the shade. So do sage, dill, oregano, borage, chamomile and several kinds of thyme.

The owner of a garden seed company warned against removing shade trees. He cut down all his shade trees to provide more sun for his crop. But then he had to protect his summer lettuce from the heat of the sun by hanging a piece of cloth to provide shade.

Instead of cutting trees, he suggested putting plants that need a lot of sunlight, such as tomatoes, in containers. That way they can be moved as the sun moved.

Internet users can learn more about the Rodale Institute at rodaleinstitute.org.

(VOA Special English Week 163. Episode 1012. Date: 01-11-2005)

REFERENCES

- Bell, Roger T. (1994). *Translation and Translating: Theory and Practice*. Longman.
- Brontee, Charlotte . Jane Eyre. Oxford Bookworms Library. OUP 2003.
- *Interpretation*. European Community. Luxembourg.
- Seleskovitch, Danica; Marianne Lederer (1995). *A Systematic Approach to Teaching VOA Special English*. Agricultural Report. Week 163 Episode 1012.
- Williams, Martin (1963). *Where's the Melody?* Pantheon Books, New York. Learning English A4/B3. Modern Life. Ernst Klett Stuttgart, 1971. P.47-49.

TAPESCRIPT



CD2 - Ch4 (Audio - 1)

ALEX

Dr Irene pepperberg is a scientist at the University of Arizona. She's studying parrots. She wants to find out how their brains work. She taught an African gray parrot to speak English. His name is Alex. He can say more than 100 English words! He also understand them.

Dr Pepperberg asks Alex questions and he answers in English. In this way, she know what Alex's brain can do. Alex can name forty objects. He can also name five shapes, four materials, and seven colours. He can solve problems and answer questions. He gives the correct answer 80% of the time. For example, Dr Pepperberg shows Alex a tray with objects on it. - blue metal cubes, green balls made of wool, and red plastic squares. Alex looks at the objects.

Dr Pepperberg : "Which shape is plastic?"

Alex : "Square."

Dr Pepperberg : "Good birdie!"

Alex : "Can I have a nut?"

Dr Pepperberg : "All right, you can have a nut."

Most people think animals are very different from humans. Dr Pepperberg learned that Alex can do some of the same things humans can do. Animals are more like humans than we think.

(Lori Howard, Read All about it-1:65)



CD2 - Ch4 (Audio - 2)

HIGH UP IN THE MOUNTAINS

You are very relaxed and are ready to think about being high up in the mountains. You're sitting under a huge pine tree and leaning against the trunk of the tree. It is very peaceful and quiet where you are. You can smell the earth, the sweet with the odour of the follorn pine needles. There are other pine trees around you and they smell sharp and sweet. As you relax there you can see the bright blue sky with fluffy white clouds

floating slowly across the blue. The sun is shining and the clouds cast a shadow on the mountain tops far away on the horizon. The mountains are beautiful. And there are spots of shiny white snow on the peaks. It is very clear up there and you can see many pine trees and other mountain peaks with snow on the tops. You are very relaxed, calm and quiet as you smell the pines and watch the clouds float by and see the purple mountain peaks so far away. You can hear the buzzing of the bees and flies. A mountain bird is calling high up in the trees. You can hear the soft switch of the pine needles as the breeze blows gently through the pine branches. It is peaceful and comfortable where you are. You like it. There is so much to see, such pleasant smells and so many things to hear as you sit quietly there leaning against the pine tree high up in the mountains.

You decide to get up and take a walk to the grasses and bright little mountain flowers. You look down and see that the grasses cover your shoes as you continue walking. You are the only person up there in the mountain, and you like to walk and look at the many little colourful flowers all around you. It is so fresh and clear. You'll come back to the mountains again when you're to feel relaxed, calm and comfortable. It is a wonderful place to be.

(Easylistening. Centre for Language Training)

Đáp án:

1. Ngồi tựa vào cây thông trên núi.
2. Không khí tĩnh lặng.
3. Ngửi thấy mùi đất, mùi quả thông.

.....



CD2 - Ch4 (Audio - 3)

THE THORNFIELD HOUSE-PARTY

At last the great day came. Everything was ready for the master and his guests. Adèle and I watched from an upstairs window as the carriages arrived. In front road Mr Rochester on his black horse, and with him rode a beautiful lady, her black curls streaming in the wind. 'Blanche Ingram!' I thought. We listened to the laughing and talking in the hall, as the guests were welcomed by their host and his housekeeper. From a dark corner of the stairs we admired the ladies as they went up to their rooms,

and then again as they descended to dinner in their elegant evening dresses.

Adèle was hoping Mr Rochester would call her down to meet the guests, but in the end she was so tired with all the excitement that she and I both went to bed early.

Next morning after breakfast the whole group went out for the day. Again I saw Mr Rochester and Blanche Ingram riding together. I pointed this out to Mrs Fairfax.

'You see, Mr Rochester clearly prefers her to any of the other ladies.'

'Yes, he does seem to admire her,' admitted the housekeeper.

'And she admires him. Notice how she looks at him! But I haven't really seen her face yet. I'd like to.'

'You'll see her tonight,' answered Mrs Fairfax. 'I mentioned to the master that Adèle wanted to be introduced to the ladies, and he ask you to bring her down to meet them this evening.'

'Well, I'll go if he wants me to, but I don't like meeting strangers. I'm not used to it.'

'I understand how you feel,' said the old lady kindly, 'but the guests won't notice you much, and you can easily escape after a short time.'

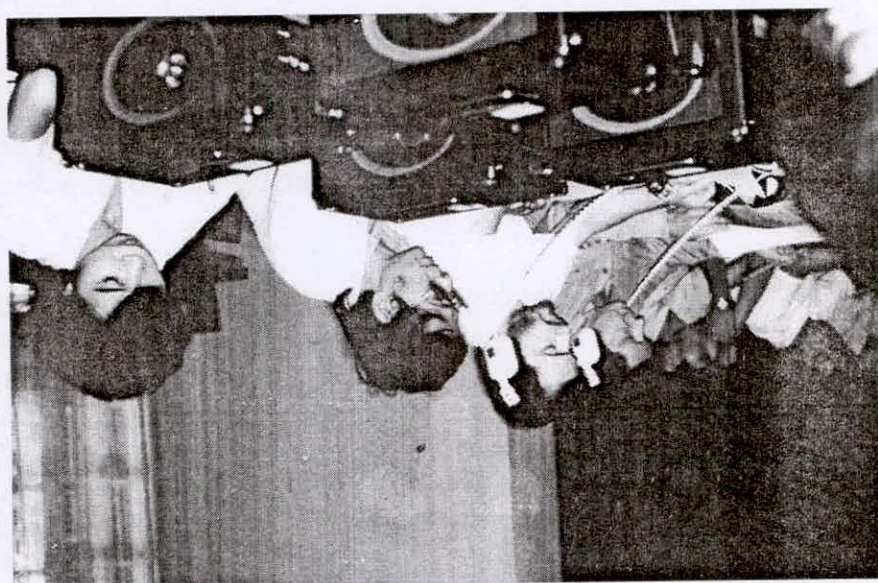
So Adèle and I, dressed in our best, were waiting as the ladies came into the sitting-room after dinner. I was most impressed by the beauty and elegance of all of them, but was especially fascinated by the Ingram family. Lady Ingram, although between forty and fifty, was still a fine woman. Her hair still looked black, by candlelight at least, and her teeth still seemed perfect. But she had fierce, proud eyes, that reminded me of aunt Reed's, and a hard, powerful voice. Her daughter Mary was rather quiet, but her other daughter Blanche was very different. As soon as the gentlemen came into the room and coffee was served, she became the center of attention. She played the piano excellently, she sang sweetly, she discussed intelligently, and all the time her flashing eyes, rich black curls and fine figure attracted glances from every gentleman in the room.

But I was looking for someone else. The last time I had seen him, on the night of the fire, he had held my hands, told me I had saved his life, and looked at me as if he loved me. How close we had been then! But now, he entered the room without even looking at me, and took a seat with the ladies. I could not stop looking at him, rather

like a thirsty man who knows the water is poisoned but cannot resist drinking. I had never intended to love him. I had tried hard to destroy all feelings of love for him, but now that I saw him again, I could not stop myself loving him. I compared him to the other gentlemen present. They were all fine, handsome men, but they did not have his power, his character, his strength, or indeed his deep laugh or his gentle smile. I felt that he and I were the same sort of person, that there was something in my brain and heart, in my blood and bone, that connected me to him for ever. And although I knew I must hide my feelings, must never allow myself to hope, I also knew that while there was breath in my body, I would always love him.

(Jane Eyre, Charlotte Brontë. Oxford Bookworms Library. Stage 6. OUP. pp. 41-43)

Note-Taking



Take notes to interpret

GHI CHÉP ĐỂ DỊCH

Chương 5

Ghi chép là một kỹ thuật rất quan trọng đối với người phiên dịch. Tuy nhiên nhìn lại quy trình dịch (xem Chương 3, Nghe để dịch: *Process of Interpreting*), chúng ta thấy ghi chép (*note-taking*) không được đề cập đến. Điều này thật rõ ràng khi quy trình ấy bắt đầu bằng sự nghe hiểu (*understanding*) thông điệp rồi phân tích (*analysis*) thông điệp và cuối cùng là tái tạo văn bản (*re-expression*). Để làm được điều này, người phiên dịch cần viện đến khả năng ghi nhớ (*memory*). Ghi chép (*note-taking*) chỉ là một kỹ thuật hỗ trợ chứ không thay thế được trí nhớ. Vì thế, người phiên dịch ghi chép giỏi nhất thế giới không phải là người dịch giỏi nhất thế giới. Tuy nhiên kỹ thuật ghi chép là một kỹ thuật không thể thiếu được. Chương 5 dành cho chủ đề ghi chép trong nghề phiên dịch.

Người phiên dịch song song (*simultaneous interpreter*) thường phải đương đầu với những bài nói khoảng từ 15 đến 30 phút, và thông thường phải bám sát diễn giả nên ít có cơ hội ghi chép. Những ghi chép của người dịch song song thường là những clues (từ gợi nhớ) và những con số. Người phiên dịch khi dịch đuổi có thuận lợi hơn là sau một đoạn diễn giả dừng lại để dịch, tạo cơ hội cho người phiên dịch nhìn lướt lại bản ghi. Trừ những trường hợp diễn giả nói ngắn khoảng 50 từ, người phiên dịch có thể không cần ghi chép hoặc chỉ ghi con số mà chủ yếu dựa vào trí nhớ của mình. Tuy nhiên trong hội nghị, hoặc khi tranh luận, diễn giả thường muốn nói hết một ý của mình rồi mới dừng lại, lúc đó lời nói đã kéo dài tới khoảng gần hoặc trên một nghìn từ. Người phiên dịch khó mà đảm bảo dịch đầy đủ, chính xác và trung thành nếu không ghi lại một vài điều trên giấy.

Ghi chép đối với những người đã nhiều năm kinh nghiệm trong nghề dịch thường không quan trọng, vì khi lời nói dừng lại thì trong óc người dịch đã có đầy đủ một bản ghi đã được giải mã sang TL. Nhưng đối với người càng ít kinh nghiệm, thâm niên dịch càng thấp thì ghi chép lại càng quan trọng hơn.

Một hiện tượng cần tránh là người phiên dịch ghi quá nhiều trong khi nghe, tức là ghi chép gần đủ lời nói của diễn giả. Bản ghi ấy trông như một bản tốc ký. Nếu giả sử lời nói của diễn giả dài 400 từ thì bản ghi ít nhất phải chiếm cả một trang giấy A4. Vấn đề là ở chỗ thậm chí người tốc ký chuyên nghiệp khi nhìn giấy đọc lại một mình một cách bình tĩnh cũng gặp khó khăn chứ chưa nói đến tình huống phải làm việc đó trước một đám đông đang chờ đợi mình (dịch hội nghị). Đó là chưa kể quy trình nhìn bản ghi tốc ký bằng SL và khi đọc ra lại phải đọc bằng TL. Với bản ghi không phải là tốc ký nhưng lượng thông tin quá dày đặc, người dịch sẽ bị lúng túng khi đọc lại (bằng chữ nguệch ngoạc của mình), và hơn nữa bị phụ thuộc vào bản ghi tới mức lời dịch của mình gần như bản phiên âm (*transcription*) của bản gốc, chứ không phải là tái tạo (*re-expressing*) ý tưởng của diễn giả. Ghi chép đối với người dịch đuổi không phải là lập mã lời nói SL bằng văn bản viết TL, không phải là bản chép chính tả, cũng không giống như bản ghi lời thầy giảng của một sinh viên đại học, tức là ghi lại được càng nhiều thông

tin, thông tin càng chi tiết càng tốt. Bản ghi chép của người phiên dịch chỉ là những tín hiệu nhắc nhở (*prompt signs*), tín hiệu liên kết các sự kiện (*association of ideas*) để người phiên dịch nhớ lại những điều đã ghi nhớ, không phải để tái sinh lời nói (*reproduce the discourse*).

Trong quy trình đào tạo phiên dịch luyện ghi chép là một loại hình bài tập cơ học (*mechanical drill*). Người phiên dịch được luyện ghi cái gì, và ghi như thế nào.

A. Ghi cái gì (*What to note*)

1. Ghi ý chính (*main ideas*)

Lý do cần phải ghi ý chính vì tổng hợp lại nó cho người phiên dịch một dàn bài (*outline*) của lời nói. Ghi ý chính thường chỉ sử dụng khi diễn giả nói liên một đoạn dài (ví dụ 500, 1.000 từ). Giả sử chúng ta nghe đoạn sau đây, ý chính của nó là gì?

Exercise 1: Nghe đoạn nói về nghề kiến trúc do Peter Lam trình bày.

Mục đích : Ghi ý chính

Yêu cầu : Nghe một lượt. Ghi vào giấy những ý chính của toàn đoạn.



CD2 - Ch5 (*Audio - 1*)

ARCHITECTURAL PROFESSION

I'd like to start by describing exactly what it is that an architect does as this is perhaps not as obvious as it sounds.

.....

If you do have any specific questions I'd be happy to answer them later. Thank you.

2. Ghi tên riêng (*Proper names*)

Thông thường khi phiên dịch, một trong những yếu tố gây khó khăn cho trí nhớ là tên riêng.

Tên riêng có nhiều đặc thù khiến người phiên dịch không nên dịch. (*Chi tiết xem Chương 9*). Khi gặp tên riêng, người phiên dịch nên ghi lại âm nghe được, và khi dịch nên phát âm lại sao cho sát với âm của SL.

Exercise 2: Nghe lời giới thiệu của Brian Green, chủ toạ cuộc hội thảo giới thiệu nghề. Ông giới thiệu các đại biểu và các diễn giả.

Mục đích : Ghi chép để dịch

Yêu cầu : Các loại tên riêng dù đó là tên người hay tên nghề nghiệp hay tên tổ chức, v.v.

Nghe một lượt.



CD2 - Ch5 (Audio - 2)

CAREERS '95 SEMINAR

Good morning, my name is Brian Green. I'm delighted to see so many of you here today at the Sheraton Hotel for the Hong Kong Careers '95 Seminar.

.....

I would appreciate it if you would let them present their papers uninterrupted as there will be a chance to ask specific questions later on.

3. Ghi số liệu (*Note the figures*)

Trong bài nói của diễn giả, dù nhiều hay ít số liệu được nêu ra, người phiên dịch cũng nên ghi lại vì hai lý do:

Một là, số liệu giống như các ký hiệu chứ không phải là từ, nó không mang một khái niệm, một quan điểm hay một hình ảnh, do đó rất khó nhớ.

Hai là, số liệu ở các ngôn ngữ thường được ghi bằng các ký hiệu giống nhau, ví dụ: ngày tháng năm, số lượng, số đo, v.v., vì thế việc ghi lại rất đơn giản, chỉ như một động tác chép lại, không cần chuyển mã (*transcoding*).

Exercise 3: Nghe báo cáo sau đây về tỷ lệ sinh đẻ.

Mục đích : Nghe ghi

Yêu cầu : Nghe một lần.

Ghi lại tất cả những số liệu nghe được.



CD2 - Ch5 (Audio - 3)

THE GENERAL FERTILITY RATE

The general fertility rate (also called fertility rate) is the number of live births per 1,000 women aged 15-44 years* in a given year.

.....

In 1955 the fertility rate for women aged 20-24 was more than twice as high as the 1975 rate. Fertility rates are generally highest among women in their 20s, and decline thereafter.

Exercise 4: Nghe báo cáo sau đây về một cửa hàng nổi tiếng ở Mỹ: Mall of America.

Mục đích : Ghi con số

Yêu cầu : Ghi lại tất cả những số liệu nghe được.



CD2 - Ch5 (Audio - 4)

MALL OF AMERICA

Do you like to shop? Come to Mall in America in Bloomington, Minnesota.

.....

Mall facts

Mall of America opened in 1992.

It cost \$650 million to build.

100,000 gallons of paint cover Mall of America.

4. Ghi liệt kê (Note the lists)

Nói đến liệt kê chúng ta thường nghĩ đến danh sách một loạt các vật thể như các mặt hàng (*good items*). Tuy nhiên dưới góc nhìn của người phiên dịch, liệt kê bao gồm nhiều bình diện khác nhau:

Liệt kê các vật thể.

Ví dụ: All the sleeping things: primrose, baby iris, blue phlox.

Liệt kê các màu sắc.

Ví dụ: I want gravels of such colours as pink, light red, light blue, purple, marine.

Liệt kê một loạt hành động.

Ví dụ: I did look. She held out her arms and cocked her head, and I blinked in the sunlight which all at once shining into my eyes and dazzling me, ...

Liệt kê các địa điểm.

Ví dụ: During my stay in the United Kingdom, I have visited a lot of places: Oxford, Swindon, Bristol, Exeter in the southwest of England, and Southamton, Brighton, Folkestone, Dover in the southeast of England.

Người phiên dịch ghi chép càng đầy đủ bao nhiêu càng tốt, vì rất hiếm người có thể ghi nhớ được một liệt kê dài. Ngay cả những trường hợp tuy liệt kê rất ngắn, nhưng khó nhớ, người phiên dịch cần ghi chép đầy đủ. Ví dụ:

Mann: *How did he get his name?*

Bumble: *I gave it to him. We follow the alphabet. The last one was an S - Swubble. Then it was T, so this one is Twist. The next one will be Unwin. Anyway, Oliver Twist is now old enough to return to the workhouse...*

(Oliver Twist: 3-4)

Rõ ràng trường hợp này người phiên dịch cần những *clues* như:

S - Swubble

T - Twist

U - Unwin

Kỹ thuật ghi chép các liệt kê giống như kỹ thuật ghi con số. Nếu diễn giả đưa ra nhiều liệt kê quá, và nói với tốc độ tự nhiên, đương nhiên người phiên dịch không thể ghi được đầy đủ, nhưng ít ra cần phải biết mình ghi được đầy đủ tới mức nào: ghi được bao nhiêu trong tổng số, ví dụ 3/5 hoặc 5/6, v.v. Trong trường hợp này, với sự nhạy cảm thông qua nghe, người phiên dịch xác định xem có cần phải yêu cầu người nói nhắc lại danh sách đó không (trường hợp dịch đàm phán, diễn đàn).

Exercise 5: Nghe Jim West, công ty Holford Products, nói chuyện về công ăn việc làm với một số sinh viên mới tốt nghiệp.

Mục đích : Ghi chép liệt kê

Yêu cầu : Nghe một lần. Ghi lại càng đầy đủ càng tốt các loại liệt kê sau đây:

1. Những sản phẩm của công ty này.
2. Những công việc của nhân viên công ty.
3. Công ty quan tâm đến nhân viên khi họ ở những nơi nào.



CD2 - Ch5 (Audio - 5)

CHOOSING A CAREER

I feel pretty sure that all of you have heard about our products.

.....

Well, that's one aspect of Holford Products. Now I'd like to talk in detail about some of the job you can do there.

Exercise 6: Bây giờ chúng ta nghe tiếp một đoạn về Bà Diane May, người khích lệ cuộc đình công. Hãy ghi lại những sự kiện xảy ra đối với bà ấy hàng ngày.



CD2 - Ch5 (Audio - 6)

STRIKE

...People are blaming me for the strike,...

.....

I bet he's never been up half the night looking after a sick child! ...

5. Ghi những yếu tố kết nối (Note the links)

Khi người phiên dịch đã nắm được những ý chính trong một bài diễn văn thì điều quan trọng là có nắm được mối quan hệ giữa chúng không. Trên thực tế, có những diễn giả bộc lộ tính logic rất rõ ràng giữa những ý chính. Nhưng cũng có nhiều diễn giả, mối quan hệ giữa các ý chính không rõ ràng, do tổ chức của bài nói. Chẳng hạn có nhiều

người hay nói hàng loạt sự kiện, sau đó lại quay lại từng sự kiện nhưng không theo trật tự logic nào cả. Trong những trường hợp này ghi chép mối liên kết giữa các ý tưởng sẽ giúp người phiên dịch đỡ lúng túng. Một khi người dịch đã lúng túng thì thường dẫn đến lời dịch sẽ loanh quanh, rời rạc, đôi khi khó hiểu. Những yếu tố liên kết thường thể hiện bằng những từ như *but, on the contrary, therefore, since,...*

Exercise 7: Công ty HNP đang thảo luận cách quảng cáo thế nào cho lô-gíc về sản phẩm mới của họ: xà phòng gội đầu *Spring Rain*. Cô Pring đưa ra một cách lập luận để quảng cáo. Ghi lại những từ/nhóm từ liên kết để bộc lộ tính lô-gíc khi dịch ý tưởng của Cô Pring.



CD2 - Ch5 (Audio - 7)

SPRING RAIN

...Well, my research people feel that ...

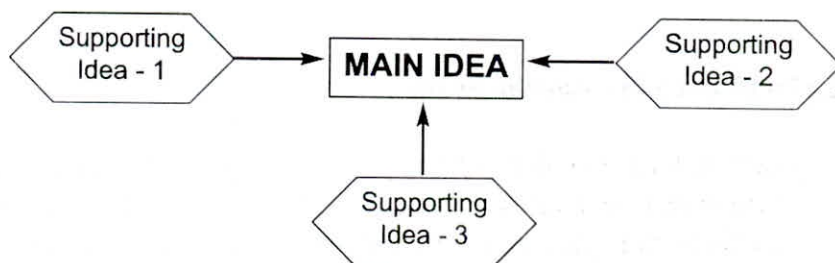
.....

Because believe it or not, according to our figures, a surprising number of people still believe it's no good to wash one's hair too often...

B. Ghi như thế nào (How to note)

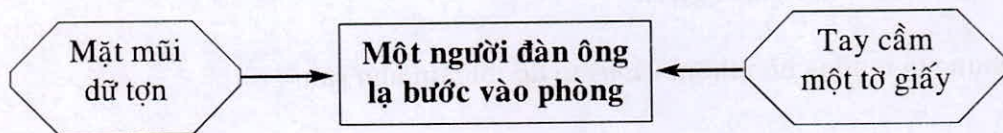
Nhiệm vụ của người phiên dịch là dịch chính xác, đầy đủ và trung thành với diễn giả. Để đạt được mục đích này, người phiên dịch cần ghi chép: ý chính và các ý chi tiết ngay trong khi đang nghe. Khi diễn giả dừng lại, bản ghi đó trở thành sự hỗ trợ cho trí nhớ. Vấn đề ở đây là ghi sao cho dễ nhìn, dễ đọc. Vậy có hai cách ghi thông thường nhất: một là cách dùng sơ đồ (*diagram*), và hai là cách ghi theo chiều thẳng đứng (*verticality*)

1. Sơ đồ (Diagram)



Trong một đoạn nói của diễn giả (tính cho đến khi dừng lại để dịch) có bao nhiêu ý chính thì sẽ có bấy nhiêu sơ đồ trên. Có thể có sơ đồ rất đơn giản nếu chỉ có ý chính, không có thông tin chi tiết bổ sung cho ý chính.

Ví dụ:



Exercise 8: Nghe đoạn sau đây và ghi lại những ý chính và những thông tin phụ trợ theo lối ghi sơ đồ (*diagram*).



CD2 - Ch5 (Audio - 8)

USING ECHO

Have you ever shouted inside a large, empty building?

.....

The dolphin can tell if the echo had hit something soft, like a fish, or something hard, like a rock.

2. Ghi từ trên xuống (*Verticality*)

Trong cách ghi này, những ý chính được ghi sát lề bên trái, các ý phụ trợ ghi thụt vào trong sang phía tay phải.

_____ **Main idea-1**
 supporting idea 1
 supporting idea 2

_____ **Main idea 2**
 supporting idea 1
 supporting idea 2
 supporting idea 3

Trong kỹ thuật ghi từ trên xuống dưới theo chiều thẳng đứng, chúng ta không những cần giãn dòng để bản ghi trông không dày đặc quá, nhưng đồng thời cũng là để chỗ để có thể điền thêm ý (chủ yếu là ý chi tiết) nếu cần thiết. Ví dụ: nghe một câu chúng ta có bản ghi như sau:

She all tests ... given

Nếu chúng ta muốn chèn thêm *wants to do* thì làm như sau:

*She all tests ... given
wants ... to do*

Tiếp theo, muốn chèn thêm ý phủ định, chúng ta ghi như sau:

*She all tests ... given
wants ... to do
not*

Kỹ thuật chèn thêm như trên có tên gọi là *shifting*. Kỹ thuật này tạo ra một hình ảnh dễ nhận biết khi người phiên dịch liếc nhìn lại để dịch. Nó tạo ra một hiệu quả leo thang, gọi là *a staircase effect*.

Ngoài ra trong bản ghi người phiên dịch thường cần phải làm rõ những ý cần nhấn mạnh (*emphasis*) và những ý đang thảo luận (*under debate*). Những yêu cầu này thường xảy ra trong các cuộc đàm phán hoặc tranh luận về quan điểm. Hai bên (hoặc nhiều hơn) đưa ra quan điểm của mình. Khi nghe diễn giả trình bày, người phiên dịch cần nắm bắt được những ý diễn giả nhấn mạnh, vì đó là những ý mà diễn giả cho là sẽ có khả năng thuyết phục. Người phiên dịch phải dùng ngay ký hiệu để đánh dấu những ý này. Ký hiệu thường dùng là gạch dưới (*underlining lines*):

_____ nhấn mạnh
===== nhấn mạnh đặc biệt

Đối với những ý tưởng, quan điểm diễn giả nêu ra nhưng nhiều người khác chưa nhất trí, do đó sẽ có nhiều người nhắc đến ở các góc độ khác nhau để tranh luận, người phiên dịch cần ghi lại bằng (các) dấu hỏi.

? đặt ra vấn đề để thảo luận
??? còn nhiều người chưa nhất trí

3. Ký hiệu

Khi nói đến ghi chép, người phiên dịch không thể bỏ qua cách sử dụng ký hiệu. Có hai loại ký hiệu: một là những ký hiệu phổ quát, và hai là ký hiệu cá nhân sử dụng.

Ký hiệu phổ quát là những ký hiệu đã trở thành hình ảnh chung mà ai nhìn thấy cũng hiểu ý nghĩa của nó. Ví dụ:

- ↑ increase, develop. E.g. *population* ↑, *Vietnam* ↑
- ↓ reduction, decline. E.g. *income* ↓
- / or. E.g. *husband/wife*
- lead to. E.g. *flood* → *diseases*
- = equal to. E.g. *16 ounces* = *1 pound* = *0.4536kg*
- # as well/good as. E.g. *his record* # *first*.
- ± approximately. E.g. *± 30% population*
- + add to. E.g. + *manioc*
- ? under debate, not being solved. *unemployment?*
- not including, extract. E.g. - *maize crop*
- ↔ interaction. E.g. *A* ↔ *B*
- x get rid of
- Ⓟ parking place

Trong loại ký hiệu phổ quát, kể cả những cách viết tắt, những từ viết tắt đã trở thành hệ thống, đã được chấp nhận trong một cộng đồng (ví dụ: trong một loại dự án nào đó), hoặc trên toàn thế giới. Ví dụ:

<i>abbr.</i>	abbreviation
<i>n.</i>	noun(s)
<i>syn.</i>	synonym(s)

Ngoài ra có những chữ viết tắt đã trở thành một từ, gọi là *acronym*, mà người sử dụng nhiều khi chỉ hiểu nghĩa của từ viết tắt ấy, chứ không biết đến từ đầy đủ của nó. Ví dụ:

GDP	(Gross Domestic Product)
LC	(Letter of Credit)
GMT	(Greenwich Mean Time)

và rất nhiều các từ chỉ tên các tổ chức quốc tế như:

UN	(The United Nations)
WTO	(World Trade Organisation)
UNESCO	(United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization)
WB	(World Bank)
NGO	(Non-Government Organisation)

Ký hiệu cá nhân là loại ký hiệu do chính mình tạo ra để ghi chép. Ví dụ:

y*	next year. E.g. <i>1mil.y*</i> (in 1 million years' time)
*y	last year. E.g. <i>15*y</i> (fifteen years ago)
/-----/	a long time
/--/	a short time
⊙	focus, important point
□	country
△	representative
⊖	prevent, cause difficulties, obstacle
*	agriculture

Loại ký hiệu cá nhân thường rất phong phú, nhưng người sáng tạo và sử dụng cũng cần thận trọng vì phải sáng tạo và sử dụng một cách có hệ thống. Hay nói cách khác hãy tạo ra một hệ thống ký hiệu riêng cho mình. Nếu chỉ là những ký hiệu bột phát thì nay nhớ mai quên, và thường là sau một thời gian ngắn, một vài ngày đã có thể quên, ảnh hưởng đến quy trình gợi nhớ. Có những ký hiệu bột phát dùng ở đoạn này, sang đoạn khác đã lại quên.

Trong loại ký hiệu cá nhân người ta kể cả những ước lệ cho chính mình, ví dụ: khi ghi chép một từ thì chỉ ghi những con chữ đứng đầu, ví dụ như:

cooperative	<i>coop</i>
struggle	<i>strug</i>
emergency	<i>emer.</i>

hoặc ghi những con chữ đầu và cuối, ví dụ như:

years	<i>ys</i>
economics	<i>emics</i>
government	<i>govt</i>

Hoặc có những người sử dụng cả hai cách. Vấn đề ở đây là chúng ta hãy tự quy ước cho mình một cách viết tắt từ/nhóm từ, và sử dụng chúng một cách thành thạo và nhất quán.

Exercise 9: Listen to the whole talk and take notes using this chart as a guide.



CD2 - Ch5 (Audio - 9)

TAKING NOTES

Reasons for taking notes:

Difficulties in taking notes:

1.

2.

3.

Important skills to help take better notes:

1.

2. (e.g.) and
..... (e.g.)

3. (e.g.)

(*Speaking Clearly: Unit 30. Student's Book: 112; Teacher's Book: 90*)

Exercise 10: Hãy nghe một bài nói chuyện về lịch sử phát triển nhà hát (The Theatre). Tập ghi theo các kỹ thuật vừa học được ở trên.

Nghe lần thứ nhất: ghi lại những ý chính và ý hỗ trợ (trong khả năng của mình)

Nghe lần thứ hai (thứ ba, thứ tư): Chêm thêm những ý mình bỏ qua trong những lần ghi trước.

Chú ý: Nguyên tắc ghi của chúng ta là ghi ý chứ không phải ghi từ nghe được (*ideas not words*)



THE THEATRE

Have you ever been in a school play? Do you know how a play is produced?

.....

The people watching the play might think this is very funny. However, you can be sure that the actors don't.

4. Ngôn ngữ dùng để ghi chép (*Language in which to note*)

Trong quy trình huấn luyện phiên dịch, một câu hỏi thường được đặt ra là ghi chép bằng ngôn ngữ nguồn (SL) hay ngôn ngữ mục tiêu (TL)? Người phiên dịch người Việt thường lúng túng khi phải quyết định ghi bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.

Ghi chép bằng ngôn ngữ nguồn:

Ghi chép bằng tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ nguồn (dịch Việt-Anh) có **những thuận lợi** như sau:

(i). Người dịch có thể ghi chép liên tục không bị cản trở bởi quy trình dịch trong khi ghi chép. Cuối lời phát biểu của diễn giả, người dịch có một bản ghi tương đối đầy đủ theo ý mình.

(ii). Bản ghi chép giúp cho người dịch chuyển sang tiếng mục tiêu (tiếng Anh) một cách ung dung hơn. Trong trường hợp diễn giả sử dụng từ hoặc khái niệm mang đặc thù văn hoá thì người dịch có thời gian suy nghĩ để tìm tương đương hoặc tìm cách dịch giải thích (*explanation technique*):

Tuy nhiên có những điều **không thuận lợi** là:

(i). Vì nghe được hầu hết (có thể là 100%) nội dung thông điệp nên người dịch có xu hướng ghi từ (*words*), chứ không ghi ý (*ideas*).

(ii). Cũng vì nghe được đầy đủ nên người dịch nhiều khi "ghi tham", ghi quá nhiều, làm cho bản ghi trông rối mắt, nặng nề.

(iii). Với bản ghi như vậy khi dịch người dịch thường mắc phải lỗi dùng *metaphrase*

(dịch từng từ. Chi tiết xem Chương 7), đồng thời bị phụ thuộc khá nhiều vào cấu trúc câu của tiếng Việt, làm cho văn phong bản dịch (tiếng Anh) trở nên "Việt" quá.

Ghi chép bằng ngôn ngữ mục tiêu:

Ghi chép bằng tiếng Anh với tư cách là ngôn ngữ mục tiêu (dịch Việt-Anh) có **những thuận lợi** như sau:

(i). Quá trình ghi chép đồng thời là quá trình dịch.

(ii). Tuy có thể nghe đầy đủ nội dung bằng tiếng Việt, nhưng để ghi bằng tiếng Anh, người dịch không thể ghi tham và cũng không thể ghi từ. áp lực ghi chép với tốc độ nhanh làm cho người dịch phải ghi ý (*ideas*).

(iii). Với một bản ghi thực sự chỉ hỗ trợ trí nhớ mà thôi, khi dịch người dịch phát huy được hết năng lực dịch: ghi nhớ (*memory*), chuyển ý, không chuyển từ (*transfer sense equivalents, not word equivalents*), cấu tạo lại thông điệp (*reconstruct the speech*), v.v.

Kinh nghiệm của nhiều phiên dịch đã thành công trong nghề nghiệp chỉ ra rằng dù sử dụng ngôn ngữ gì để ghi chép thì cũng chỉ tạo ra một văn bản hỗ trợ. Tất nhiên mức độ hỗ trợ khác nhau. Nhưng dù ở mức độ lớn đến đâu thì một bản ghi nhanh như vậy vẫn không thể bao quát được cả từ, ý và ngữ pháp (cấu trúc câu, cấu trúc đoạn,...). Do đó người phiên dịch nên xác định cho mình một hướng đi: dùng SL hay TL và thậm chí xu hướng chung là sử dụng cả hai. Cái gì đến trong đầu trước thì ghi cái đó. Hiệu quả không phụ thuộc vào bản ghi mà chủ yếu phụ thuộc vào khả năng sử dụng bản ghi để dịch của người phiên dịch.

5. Ghi vào lúc nào

Để có thể ghi được ý, chứ không ghi từ, người phiên dịch trước hết phải hiểu được thông điệp. Như vậy không thể ghi ngay khi diễn giả bắt đầu nói, mà phải ghi sau một vài câu, tức là ghi vào lúc người dịch đã hiểu trọn vẹn một ý. Chúng ta cần luôn luôn nhớ một điều: trong dịch đuổi, diễn giả nói một đoạn (hoặc dài hoặc ngắn, nhưng ít ra cũng phải từ 5 đến 10 câu, nghĩa là khoảng từ 5-10 dòng viết) rồi dừng lại và khi diễn giả dừng lại người dịch phải dịch ngay. Vì thế mọi hoạt động ghi chép chỉ được phép tiến hành trong quá trình diễn giả đang nói. Vậy ghi chép sau vài câu so với diễn giả sẽ gây khó khăn cho người dịch, nhất là những phiên dịch mới vào nghề, ở chỗ vừa phải nhớ lại để ghi những câu diễn giả vừa nói qua, đồng thời vẫn phải nghe tiếp để hiểu được những câu sau đó. Ghi chép kịp, không để bị bỏ rơi (*left behind*), nghĩa là người phiên dịch luôn luôn phải điều chỉnh giữa *timing* và *taking notes*.

Một điều cần chú ý là trong nội dung ghi chép người phiên dịch phải dành ưu tiên cho ghi con số (*number*) và những liệt kê (*lists*). Vì thế khi linh cảm rằng diễn giả sắp đưa ra con số hoặc liệt kê thì người dịch phải ngay lập tức bám sát diễn giả để ghi.

Sau mỗi lần đi dịch, người phiên dịch nên dành cho mình một ít giờ phút để nhìn lại cuộc dịch vừa qua. Đó là một kiểu tự kiểm điểm (*review*), để nhớ lại những thành công cũng như những điểm mình thấy chưa hài lòng, những việc cần điều chỉnh, và cả những thất bại, nếu có. Khi *review*, người phiên dịch thường tập trung vào những điểm sau đây:

(i). Xem xét, chỉnh sửa những ký hiệu cá nhân (*Revise the individual symbols*). Đây là những ký hiệu mình tự tạo ra. Nếu trong quá trình sử dụng phát hiện ra có điều gì không chính xác, không thuận tiện thì tìm phương án sửa lại, hoặc bỏ đi, thay thế.

(ii). Cộng thêm những ký hiệu mới, cách viết tắt mới (*Add new signs & abbreviations*) phát hiện, học hỏi được trong quá trình dịch.

(iii). Rút ra những khó khăn khi nghe hiểu và ghi chép để tìm phương án luyện thêm theo các kỹ thuật hiện đại (*Practise listening & taking notes*).

REFERENCES

- Byrne, Donn & Susan Holden (1979). *Insight*. Longman.
- Dickens, Charles *Oliver Twist*. Oxford Bookworms Library. OUP 2003.
- Gran, B.J., Philip Leetch & Joseph Li (1995). *All-in-one Practice. Form 6. Paper 2*. P.27-28. Macmillan Publishers (China) Ltd.
- Haupt, Arthur & Thomas T. Kane (1982). *Population Handbook*. Population Reference. Bureau. Washington, D.C.
- Howard, Lory (1999). *Read All about it. Book 1*. OUP.
- *Interpretation*. European Community. Luxembourg.
- Jones, Roderick (2002). *Conference Interpreting Explained*. St Jerome Publishing.
- Newmark, Peter (1982). *Approaches to Translation*. Pergamon Press.

- Rogerson, Pamela & Judy B. Gilbert (1995). *Speaking Clearly*. Teacher's Book. CUP.
- Seleskovitch, Danica; Marianne Lederer (1995). *A Systematic Approach to Teaching*
- Sampsson, Nichola (1994). *English 2000*. 2B. Macmillan Publisher (China) Ltd.
- Trần Ngọc Kim & Nguyễn Quốc Hùng (1987). *Ghi nhanh trong nghe hiểu và dịch*. Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường ĐH Ngoại ngữ Hà Nội.

TAPESCRIPT



CD2 - Ch5 (Audio - 1)

ARCHITECTURAL PROFESSION

I'd like to start by describing exactly what it is that an architect does as this is perhaps not as obvious as it sounds. Basically there are two parts to the job. Most people know that architects are responsible for designing buildings. This means having an idea and then converting that idea into drawn information from which the scheme can be built. What is less well understood is that the architect also has the role in managing the construction process. The term 'architect', therefore, can actually cover a wide range of different jobs, particularly when it comes to larger projects when the work needs to be split between a number of people. In any office there tend to be a number of different roles, each with their own necessary skills and qualifications. Firstly there is the design architect responsible for the design concept or idea. Then there is the project architect who is in charge of overseeing the construction process. Clearly these different people require different skills. The design architect needs to be artistic with creative flair whereas the project architect requires organisational and problem solving skills.

In addition to the architects there are various other people within the office. For example, draftsmen are the people who actually produce the drawings. These days, of course, this is mostly done on computer so they need technical skills as well as construction knowledge. Then there are the model makers who obviously make the models, either for presentations or for testing out the ideas within the office. They of course need to show attention to details as well as being extremely patient.

I hope I'm making it clear that within the architectural process there are roles for all sorts of people. Understanding your own skills and interests is vital in choosing the kind of office in which you want to work. For example, I now work in a small company working on relatively small projects. For me this has two great advantages. Firstly I get a chance to run the whole process from start to finish. Secondly, because the jobs are smaller, you can see the results of your efforts quite quickly. On the other hand, large firms offer different benefits. For a start there are more jobs which generally means a more varied workload. Secondly larger jobs offer real opportunities for people with very specific skills.

Essentially then, what I'm trying to say is that architecture is such a wide ranging discipline that all sorts of different people can find in it an interesting and fulfilling role. If you do have any specific questions I'd be happy to answer them later. Thank you.

(All-in-one. Form 6: 28-29)



(Audio - 2)

A SEMINAR ON CAREER OPPORTUNITIES

Good morning, my name is Brian Green. I'm delighted to see so many of you here today at the Sheraton Hotel for the Hong Kong Careers '95 Seminar. Today we are celebrating our tenth anniversary and I'm pleased to report that we have a record turnout for the event. Before we start I'd like to thank the Hong Kong Schools Association for once again doing such a splendid job in organising these seminars which are intended to help current school pupils decide on a choice of career and inform them which qualifications they need for that profession.

For this morning's session we are joined by speakers from three very different professions. First of all you will hear Ms Suzy Lee, who is an Account Director of the company Good Communications, talk about the field of public relations. She will be followed by Mr Peter Lam who is an architect. Mr Lam is probably best known for his work on the Singapore Bank Building in Admiralty which has had so much attention in the press, and is currently a Design Architect with the General Architectural Company. Lastly, but certainly not least, we have invited Ms Cathy Chan to speak. Ms Chan is an interpreter and a director of her own company, Hong Kong Interpreters Ltd.

All our speakers will try to give you a general overview of their profession as well as indicating what kind of qualifications and skills you will need to be successful in your career. I would appreciate it if you would let them present their papers uninterrupted as there will be a chance to ask specific questions later on.

(All-in-one. Form 6: 27)



CD2 - Ch5 (Audio - 3)

THE GENERAL FERTILITY RATE

The general fertility rate (also called fertility rate) is the number of live births per 1,000 women aged 15-44 years* in a given year.

The general fertility rate is a more refined measure than the crude birth rate because it relates births more nearly to the age-sex group at risk of giving birth (i.e. women 15-44 years of age). This eliminates distortions that might arise because of different age and sex distribution in a total population. Thus the general fertility rate is much more indicative of changes in fertility behaviour than is the crude birth rate.

There were 65.8 births per 1,000 women aged 15-44 in the U.S. in 1976.

Iran's general fertility rate in 1975 was 205 live births per 1,000 women aged 15-49 - one of the highest in the world. A very low rate would be Australia's 58 per 1,000 women 15-49, recorded in 1976.

In the U.S. in 1975 there were 114.7 live births to women aged 20-24 per 1,000 women in that age group.

In 1955 the fertility rate for women aged 20-24 was more than twice as high as the 1975 rate. Fertility rates are generally highest among women in their 20s, and decline thereafter.



CD2 - Ch5 (Audio - 4)

MALL OF AMERICA

Do you like to shop? Come to Mall in America in Bloomington, Minnesota. You can be one of the 900,000 shoppers who come to Mall of America every week. Why do so many people shop here? How do so many people fit in the mall? Well. Mall of America is the largest mall in the United States. It is so large, 7 baseball stadiums could fit inside.

People come from all over the world to visit Mall of America. The largest number of international tourists come from Canada, Japan, and the United Kingdom.

They come to shop at 500 different stores. There are 6 department stores, 26 women's clothing stores, and 29 shoe stores. There are 4 bookstores, 5 music stores, 6 electronics stores, and many other places to shop.

Are you hungry? Mall of America has 49 restaurants. There are 27 fast food restaurants and 22 sit-down restaurants. What about entertainment? Mall of America has 8 nightclubs and a 14-screen movie theatre. You can see fish in an aquarium or play miniature golf. Mall of America also has the world's largest amusement park inside a building - Camp Snoopy. At Camp Snoopy you can even ride an indoor roller coaster!

Mall of America is almost like a small city. It has a bank, a post office, a medical clinic, and a dental clinic. The mall also has 3 schools, a university, an adult school and a high school. It has hair salons, travel agencies, and florists, too. There is something for everyone at Mall of America!

Mall facts:

- Mall of America opened in 1992.
- It cost \$650 million to build.
- 100,000 gallons of paint cover Mall of America.

(Lori Howard: 43)



CD2 - Ch5 (*Audio - 5*)

CHOOSING A CAREER

I feel pretty sure that all of you have heard about our products. Most of you, I hope, have actually used one or two of them - you or somebody else in your family. We specialised of course in things like skin creams and shampoos, and over the years we've managed to build up a very good reputation for ourselves in the field.

We have expanded quite a bit over the last fifteen years. All the same, in comparison with many firms in the district, we are still on the small size. The fact is, we don't want to grow too big! Why? Well, above all, we don't want to lose contact with our employees - any of them. In our eyes, they are all equally important - both who hold key positions in the laboratories and those who do more routine - and perhaps not very exciting - jobs on the production line. We like to get to know everyone personally both at work, and more informally, in the canteen... on the sport field... and in the

social club. So although we propose to expand still further this year - and consequently there will be opportunities for many of you here - we don't intend to lose sight of this goal: to know everyone who works for us.

Well, that's one aspect of Holford Products. Now I'd like to talk in detail about some of the job you can do there.

(Insight: Unit 2, p. 7)



CD2 - Ch5 (Audio - 6)

STRIKE

... People are blaming me for the strike, especially now that the men's jobs are in danger. But I didn't ask the girls to come out in sympathy! I was late that morning and it wasn't the first time either. But I did have a perfect good reason. I'd been awake half the night because of my eldest boy - he kept on being sick. And then I had to wait for my mother to come round in the morning to keep an eye on him. It was after ten by the time I got to work. I wish I'd stayed at home! The manager started to tell me off without giving me a chance to explain. So I lost my temper and began to shout back at him. All the same, he needn't have given me the sack like that. It wasn't fair! I bet he's never been up half the night looking after a sick child!...

(Insight: Unit 6, p. 29)



CD2 - Ch5 (Audio - 7)

SPRING RAIN

...Well, my research people feel that we shouldn't try to sell it as a cheap shampoo. There are enough of these on the market already. I'd be much better to present it as a quality product - something that is good and therefore costs more. But at the same time, because it's better, you need less of it. I mean, one bottle lasts you quite a long time! And we could also encourage people to wash their hair more often, by stressing that this is a gentle shampoo and won't damage their hair. Because believe it or not, according to our figures, a surprising number of people still believe it's no good to wash one's hair too often...

(Insight: Unit 8, p. 39)



USING ECHO

Have you ever shouted inside a large, empty building? If so, you may have heard your voice come back to you. The sound of your voice hits the walls and bounces back. What you hear is the echo of your voice. You hear the echo after you have shouted. This is because it takes time for the sound to travel to the walls and back to your ears again.

(Beep)

Sound travels very fast, even faster than a speeding aeroplane. In a thunderstorm you see the lightning first. Then, a few seconds later, you hear the thunder. You can tell how near or how far the storm is by the length of time it takes for you to hear the thunder. If you hear it very soon after you see the lightning, the storm is very close.

(Beep)

Many animals use their eyes to find their way. However some animals such as bats cannot see very well. Their ears are much better than their eyes, so they use their hearing to find their way. Since insect-eating bats are almost blind, they send out high sounds as they fly. These sounds bounce off anything in the bat's way. The bat's ears then pick up the echo. The echo tells the bat the safest direction to fly. The echoes also bounce off insects in the air, so the bat knows where to find its food.

(Beep)

Dolphins also use the same method as bats to move around. They are not blind, but their sight is very bad. Dolphins send out noises similar to those of bats, but they are a little quieter. In the same way, the dolphin listens for the echo, in order to find the position of objects. Different objects send back different kinds of echoes. The dolphin can tell if the echo had hit something soft, like a fish, or something hard, like a rock.

(English 2000. 2B, Unit 11, pp. 30-31)



TAKING NOTES

Sometimes it is necessary to take notes about the structure and content of what you hear, to remind yourself, or someone else, afterwards; for example, after a meeting or a lecture. However, it is not easy to take good notes in a foreign language, partly because you may have difficulties understanding individual words or sounds and partly because the structure of the talk may be different in your own language. Moreover, it is difficult to write and listen at the same time - if you try to write every word you will probably end up either with confusing notes or missing what is being said.

There are three important skills you can develop to help you take better notes in English. First of all, listen to the most important words. Significant words are usually the ones that give new information and are often the 'focus' of a phrase or sentence. They are usually emphasised by a pitch movement and this signals their importance. Content words, like nouns or verbs, are often the focus of information, therefore notes should be almost entirely made up of content words - not whole sentences. So remember, you need information, not sentences.

Secondly, try and follow the structure of the talk by listening for specific phrases which signal the sequence of ideas, for example, 'first of all', 'and now I'd like to move on to...', and 'finally...' and which signal the connection between ideas, for example, 'however...', 'on the other hand...', 'in addition...'. Listen also for specific pronunciation elements, such as pauses and pitch change which tell you when a speaker has finished talking about one topic, by using low pitch and a pause, and is about to start a new one, using high pitch to signal important information.

Thirdly, try to invent your own system of notation, such as using numbers of different sorts of print to highlight different points, to organise your notes clearly so that you can read them easily later. So if you use these three signals - picking out important words, following the structure of the talk and using a system of notation, you should be able to make concise, useful notes.'

(Pamela Rogerson, Teacher's book: 96)



THE THEATRE

Have you ever been in a school play? Do you know how a play is produced? Hong Kong's Academy for the Performing Arts puts on many plays and opera every year. The preparations start many months before the first performance.

The director has to find the right actor for each of the parts in the play. Each actor will sing or read from the play, as a test. The director will then choose the best person for the part.

The set designer is the person who makes the scenery. This includes painting the walls of the stage, to make them look like a house or a beach, for example. The set designer also decides what kind of furniture is needed.

It is the job of the lighting engineer to decide what kinds of lights to use and where to put them. Different coloured lights may also be used to create the right atmosphere. To make plays seem more real, special sounds are used. This is the job of the sound engineer, who makes noises such as a door closing or the sound of the rain outside.

It is difficult to do all these jobs, however, and something can go wrong. The sound engineer might use the wrong noise at the wrong time. The sound of a baby crying might be heard instead of a door closing. Or an actor might sit down on a chair, and the chair might break by accident.

In one local play, an actor opened a door and pulled the whole door away from the wall! Also, the scenery that the designer had made fell down during the performance. In another play, an actor took a gun from his pocket. But the problem was that it wasn't a gun - it's a portable telephone!

The people watching the play might think this is very funny. However, you can be sure that the actors don't.

(English 2000. Nicholas Sampson. Macmillan Publishers)

Chương 6

TỪ ĐỒNG NGHĨA & SỰ KẾT HỢP TỪ

Synonyms & Collocations



Synonyms and Collocations in Interpreting

A synonym is a word that has the same meaning, or the same general meaning, as a particular word in the same language, or is in some applications a more or less satisfactory equivalent for it. For example, crafty, artful, shy, astute, wily, shrewd and tricky are synonyms of 'cunning'. A synonym can also be a word or expression accepted as another name for something or denoting or implying something.

(Gratian Vas, *The Sterling Book of Synonyms* Sterling Publishers. Pvt. Ltd. 2002)

Trong quy trình phiên dịch, từ đồng nghĩa đóng vai trò quan trọng. Nó giúp người phiên dịch vượt ra được những khó khăn về ngôn ngữ. Nghe một từ tiếng Anh, không phải lúc nào chúng ta cũng có thể tìm được một từ tiếng Việt tương đương, hoặc ngược lại. Chẳng hạn chúng ta phải dịch một câu như:

Chúng tôi đã che vết dạn của kính cửa sổ bằng một bức tranh.

Không phải lúc nào người dịch cũng nhanh chóng tìm ra được từ tương đương chính xác nhất là *cover* để dịch:

We covered the crack of the glass window with a picture.

Với vốn từ đồng nghĩa phong phú, nó có thể giúp người dịch chọn được ngay lập tức một trong những từ thể hiện cùng một nghĩa như: *cover, conceal, hide, mask*.

Ngoài những trường hợp gỡ thế bí trong việc tìm từ, từ đồng nghĩa còn giúp người phiên dịch tạo ra được sự đa dạng trong cách sử dụng từ và đôi khi cả văn phong nữa. Ví dụ một từ như thực hiện một kế hoạch có thể dịch là: *to carry out a plan* hoặc *to implement a plan*.

Tuy nhiên khi sử dụng từ đồng nghĩa, người phiên dịch cần lưu ý hai điểm:

- Với một từ có nhiều nghĩa, thì mỗi nghĩa lại có từ đồng nghĩa của nó. Ví dụ:

COVER với nghĩa là che phủ có những từ đồng nghĩa là: *coat, spread, protect*; nhưng với nghĩa là che giấu thì lại có những từ đồng nghĩa là *conceal, hide, mask*; với nghĩa là bao hàm thì có những từ đồng nghĩa là *include, embrace*.

- Hai (hoặc trên hai) từ đồng nghĩa thường có nghĩa định danh (*denotation*) như nhau, nhưng lại có nghĩa sắc thái (*connotation*) khác nhau. Ví dụ: ba từ *dismal, dreary* và *depressing* là những từ đồng nghĩa nhưng nghĩa sắc thái của chúng thể hiện như sau:

dismal: causing or showing sadness, *buồn thảm, u ám*. E.g. *Future looks pretty dismal*.

dreary: dull and not interesting, *ảm đạm*. E.g. *A dreary November day, cold and without sunshine*.

depressing: making you feel sad and without enthusiasm, *buồn tẻ*. E.g. *What a depressing film!*

Miss Whately là người đầu tiên ở England nhận ra một cách rõ ràng sự khác biệt giữa nghĩa của một từ (*the meaning of a word*) và vật thể hoặc ý tưởng mà từ đó đại diện cho (*the thing or idea which it stood*). (Chi tiết, xem Webster: 14a). Theo bà sự khác nhau của các từ đồng nghĩa thường thể hiện trên năm bình diện:

(a). Sự khác nhau về hàm ý (*Differences in implications*). Ví dụ: cả hai từ *obstinacy* và *stubbornness* đều có hàm ý nói về sự bảo thủ, cứng đầu, tức là kiên quyết giữ ý kiến, quan điểm của mình, mà những điều đó thường đi ngược lại với người khác. Tuy nhiên một người *obstinate* là người luôn luôn làm theo những gì mình đã chọn. Còn một người *stubborn* là người không làm theo những điều người khác khuyên bảo.

(b). Sự khác nhau về ứng dụng (*Differences in application*)

Hai từ *expense* và *cost* là hai từ có cùng nghĩa chung là sử dụng tiền cho một việc gì đấy. Tuy nhiên *expense* dùng trong trường hợp nói về người dùng tiền mua (*purchaser*) một cái gì đó (hàng hoá, dịch vụ,...), còn *cost* chỉ vật được mua bằng tiền (*things purchased*).

(c). Sự khác nhau về cách mở rộng nghĩa (*Differences in extension of meaning*)

Timorous và *timid* đều có nghĩa là nhút nhát. Nhưng *timorous* chỉ nói về bản tính tự nhiên của con người (*natural qualities of a person's characters*). Còn *timid* vừa dùng để chỉ trạng thái của một con người (*state of mind*) trong một giây phút nào đó, vừa dùng khi để chỉ hành vi thói quen (*habitual disposition*). Như vậy dải nghĩa của *timid* rộng hơn *timorous*.

(d). Sự khác nhau về nguồn gốc và nghĩa sắc thái (*Differences in origin and connotation*)

Hai từ đồng nghĩa *fatherly* và *paternal* được cấu tạo từ từ gốc Latin và Saxon. Từ gốc Latin có nghĩa là lịch sự nhưng hơi lạnh lùng (*polite and cold*). Còn từ gốc Saxon lại có nghĩa lịch thiệp nhưng nhiệt tình cởi mở hơn (*hearty and cordial*). Vì thế chúng ta nói: *paternal government*, nhưng *fatherly kindness of manner*.

(e). Sự khác nhau về quan điểm trong khi dùng từ (*Differences in the point of view*)

Anger là từ dùng để chỉ sự bức bối, giận giữ trong lòng mình (nội tâm: *inward feeling*), *wrath* cũng chỉ trạng thái đó nhưng là sự thể hiện bên ngoài (*outward manifestation*).

Trong sự khác biệt giữa các từ đồng nghĩa, Miss Whaely đã đề cập đến một vấn đề rất thách thức của tiếng Anh, đó là sự kết hợp từ (*collocations*). Trước hết những từ đồng nghĩa thường có cách kết hợp từ khác nhau. Cùng là từ đồng nghĩa, nhưng từ này có thể đi được với một nhóm từ nào đấy, trong khi (các) từ kia thì không. Ví dụ:

- ***small / little***

small fortune (not *little fortune*)

little time (not *small time*)

- ***dismal / dreary / depressing***

dismal weather.

dreary winter's day

depressing thought/experience

- ***strong / heavy***

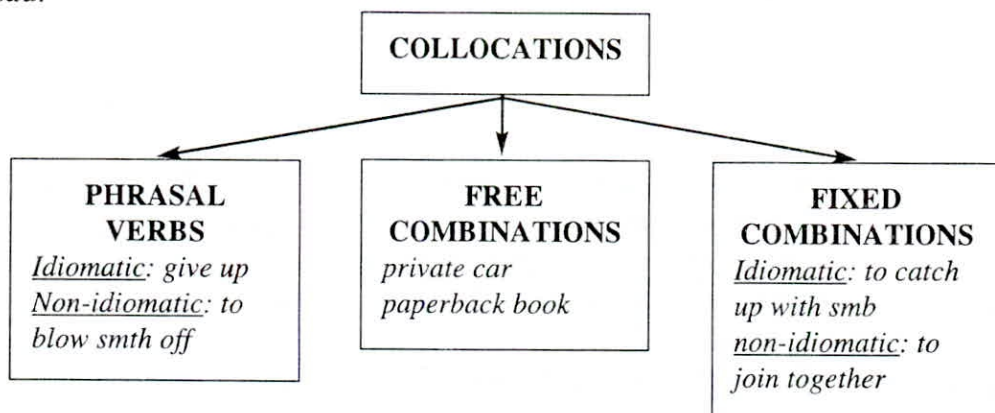
strong wind (not *heavy wind*)

heavy rain (not *strong rain*)

Ngoài sự kết hợp khác nhau của các từ đồng nghĩa, sự kết hợp từ nói chung của tiếng Anh làm cho người sử dụng rất lúng túng, và nhiều trường hợp biết từ nhưng khi đưa vào sử dụng lại sai, do lỗi kết hợp từ.

Collocation theo định nghĩa của *Oxford Collocations Dictionary for Students of English* là "*Collocation is the ways words combine in a language to produce natural-sounding speech and writing*" (OCD: vii).

Nói đến cách kết hợp từ trong tiếng Anh người ta thường chia ra thành những loại như sau:



Trong hai loại hình *phrasal verbs* và *fixed combinations* chúng ta thấy đều có bao gồm hai loại là *idiomatic* (có tính thành ngữ) và *non-idiomatic* (không có tính thành ngữ). Những kết hợp từ mang tính thành ngữ là những sự kết hợp nhiều thành tố nhưng nghĩa của toàn nhóm không phải là tổng nghĩa của các thành tố, đồng thời những thành tố của nó không thể thay bằng thành tố khác, dù là từ đồng nghĩa (*synonyms*). Ví dụ: *red tape* không phải là băng ghi âm màu đỏ, mà là bệnh quan liêu giấy tờ. Nếu thay red bằng bất cứ một từ chỉ màu sắc nào khác như orange, pink thì chúng đều trở thành những kết hợp tự do (*free combinations*): *orange tape* (băng ghi âm màu da cam), *pink tape* (băng ghi âm hồng), v.v.

Những nhóm từ không thành ngữ là những nhóm từ kết hợp với nhau một cách cố định (*fixed combinations*) như *to make full use of* (tận dụng,...), hoặc nửa cố định (*semi-fixed combinations*) như *to carry away* (mang đi)* và nghĩa của toàn nhóm là nghĩa của tổng các thành tố hợp lại.

(* Trong nhóm từ này chúng ta có thể dùng: *to carry smth away*; ví dụ: *He carried the book away*, hoặc *to carry away smth*; ví dụ *He carried away the book*.)

Nói tóm lại theo cách phân loại trên chúng ta có:

Idiomatic phrasal verbs	<i>to give up</i> (từ bỏ)
Non-idiomatic phrasal verbs	<i>to hand over</i> (chuyển giao)
Free combinations	<i>to spare</i> (time, money, thought, room) for smth, smb (dành thời gian, tiền bạc, suy nghĩ, chỗ) cho...
Fixed idiomatic phrases	<i>to do the honours</i> (thực hiện một nghi lễ nhỏ)
Fixed non-idiomatic phrases	<i>to spare no effort</i> (không từ nan)
Semi-fixed idiomatic phrases	<i>to eat one's heart out</i> (đau đớn âm thầm)
Semi-fixed non-idiomatic phrases	<i>to make the (every) effort</i> (hết sức cố gắng)

Trong khi sử dụng các cách kết hợp chúng ta cần lưu ý loại kết hợp gọi là *category collocations*. Đây là dạng thức một từ có thể kết hợp với bất cứ từ nào nằm trong loạt đã được xác định, gọi là *definable set*. Ví dụ: *box = container* có thể kết hợp như sau:

adjective + box	shape (rectangular, square, upturned...) object (chocolate, egg, cassette, CD, video, cigar, jewel, shoe, tool, gift, lunch,...)
verb + box	fill, pack, remove smth from, take out of, empty, unpack, open, close, lock, ...
box + verb	hold (<i>This box holds ten gifts</i>), mark (<i>This box is marked "fragile"</i>)

3. After the long hike, Lucia experienced great tiredness. Her fatigue lasted for several hours.
4. All the team players felt joyful and proud when they won the game. The jubilant group formed a victory parade.
5. Ronald was afraid his voice would tremble when he gave his speech. To his surprise, it didn't quaver at all.
6. The mountains looked far away to the campers. The remote peaks were capped with brilliant white snow.

Exercise 4: Collocations

Chúng ta có danh từ *facility*. Những tính từ có thể đi với từ này là *excellent, first-class, good, adequate, appropriate, suitable, modern, poor, limited*.

Hãy dựng một câu với mỗi nhóm kết hợp trên.

Ví dụ: *Our university has a first-class facility to assist teaching.*

Exercise 5: Collocations

Hãy tìm *collocations* trong những câu sau đây. Giải thích nghĩa của nhóm từ đó, rồi dịch cả câu sang tiếng Việt.

1. The oft-quoted example of Nero playing the violin as Rome burned shows the Emperor's detachment from reality
2. She felt a surge of excitement when she heard the song.
3. He's a perfectly healthy child.
4. You need to watch your alcohol intake.
5. Don't worry, I'm only joking.
6. Martial law was imposed to prevent the breakdown of law and order.
7. I'll see to it first thing in the morning.

8. He was driving at breakneck speed when the policemen were chasing him.
9. The economy is showing the first signs of recovery.
10. The local authority has systematically run down public services since it took office.

Exercise 6: Collocations

Hãy tìm những từ có thể kết hợp được với những từ trong khung sau đây. Những kết hợp này có thể là kết hợp tự do (*free combinations*), hoặc kết hợp cố định, thành ngữ và không thành ngữ (*idiomatic & non-idiomatic collocations*). Nếu cần thiết, dùng từ điển hỗ trợ.

conserve	solar	fuel
disaster	survey	environment
develop	pollution	volunteer

Exercise 7: Collocations

Hãy nghe và dịch đoạn sau đây sang tiếng Việt. Hãy phát hiện những kết hợp từ trong đoạn. Ghi lại vào giấy những kết hợp từ này.



CD2 - Ch6 (Audio - 1)

MARRIAGE RETURN

In spite of the women's liberation movement and the so-called sexual revolution of the sixties and seventies ...

.....

... as in the past, this continues to be emotional bond they share and includes the desire for a family.

Exercise 8: Idiomatic Expressions

Nói đến thành ngữ người dịch cần chú một bình diện rất quan trọng; nó phân biệt giữa người bản ngữ và người nước ngoài. Đó là tính thành ngữ (*idiomatic*) trong cách diễn đạt của người Anh (*idiomatic English*). Theo định nghĩa của Oxford Advanced

Learner's Dictionary. 8th edition "idiomatic, adj. 1. containing expressions that are natural to a native speaker of a language." Trong quyển từ điển nổi tiếng của H.W. Fowler, A Dictionary of Modern English, ông định nghĩa *idiomatic expressions* là một cách diễn đạt tự nhiên mà một người Anh bình thường dùng để nói hoặc viết ("*natural for a normal Englishman to say or write.*"). Ông cũng nói rõ một cách diễn đạt thành ngữ không hẳn phải đúng ngữ pháp hoặc không đúng ngữ pháp. Ở chỗ này thì nó phù hợp với quy tắc ngữ pháp, ở chỗ kia nó lại không phù hợp. (*Sometimes idiomatic usage agrees with stated rules, and sometimes it doesn't*). Ông còn nhấn mạnh ngữ pháp và thành ngữ là hai bình diện tách biệt nhau (*two separate categories*).

Điều này xảy ra vì một ngôn ngữ giúp hình thành cách tư duy của người nói ngôn ngữ ấy, nhưng ngược lại người nói cũng hình thành dạng thức ngôn ngữ (*In many ways a language shapes the thoughts of the people who speak it, but the speakers also shape the language*). Rõ ràng là với một lượng người nhất định trong một cộng đồng ngôn ngữ nói hoặc viết một lối diễn đạt nào đó, nó trở thành lối nói thành ngữ của cộng đồng ấy. Chẳng hạn trong tiếng Việt nếu chúng ta nói: "Đến mùa *quýt* anh ta mới chịu nấu cơm" có nghĩa là không bao giờ, thì người Anh lại nói: "*He will cook when pigs fly*"

Idiomatic expressions cũng là một yếu tố phân biệt giữa người bản ngữ và người nước ngoài. Một người lớn tuổi mới bắt đầu học ngoại ngữ, không thể nói như người bản ngữ được. Nhưng trong công tác phiên dịch, nếu người dịch cần phải nói được gần như người bản ngữ; sử dụng ngôn ngữ "thành ngữ" hơn sẽ tạo ấn tượng tốt và tạo lòng tin cho người nghe dịch. Người dịch thông thường chỉ chú ý nói đúng ngữ pháp. Tuy nhiên người phiên dịch giỏi là người vượt lên khỏi ngưỡng đúng ngữ pháp.

Hãy dịch những ý sau đây sang tiếng Anh vào cột "Lời dịch". Sau đó so sánh lời dịch của mình với lối nói của người Anh trong bảng bên dưới: "Đáp án gợi ý"

Tiếng Việt

1. viết cách dòng
2. Tôi tiến lên để dành chiến thắng
3. Ông ta là người nặng tình cảm gia đình
4. Chúng tôi chờ hai ngày mà đôi kia không xuất hiện
5. Meggie cảm thấy máu dồn lên mặt
6. Một con én không làm nên mùa xuân
7. Cây nến đã cháy hết
8. Cho tôi chia buồn cùng gia đình

Lời dịch

write over a line
I advanced to win
He has a strong emotion towards his family

9. Anh ta đã làm cho cơ thể mình phải chịu đựng quá điểm giới hạn trong nhiều năm qua: uống rượu quá nhiều
10. Ở lại thêm ba tuần thì khó cho chúng tôi quá.
11. Chè *chua* ngấm. (không phải *đang* ngấm)
12. Dưới ánh mặt trời chân tôi như bị bỏng rộp lên
13. Kéo cho phẳng các cạnh của chiếc ga giường
14. Tôi luồn những ngón tay của mình vào trong tóc cô.
15. Chiếc xe buýt đã chật hết chỗ.
16. Thằng bé khôn trước tuổi
17. Đi công tác bằng tiền của nhà nước
18. dẫn chó đi chơi
19. Trông cô không có vẻ là người quen việc nhà
20. Tôi thường làm cho các cô gái hờn hĩnh tỉnh ra rằng mình chỉ nhỏ bé thôi.
21. Anh có rồi, tôi muốn nói chuyện một phút.
22. Cảm ơn anh đã gửi gói quà đến nhà cho tôi. Tôi đỡ phải đi lấy.
23. Cái bệ đó nâng bức tượng lên cao bao nhiêu?
24. Hãy bắt đầu từ cái nhỏ
25. trường đại học rơm
26. loại bằng cấp cho người không phải đến lớp, không phải dự thi (ám chỉ loại bằng rơm, bằng mua bằng tiền)
27. Anh cần một cơ quan bảo lãnh (cơ quan chủ quản của anh) thì mới xin cấp thị thực được.
28. món quà trời cho
29. và cơm (vào mồm)
30. in vào giấy đã dùng một mặt
31. cơn đau thắt bụng lại
32. học thêm
33. xả hơi
34. dập lửa
35. Hôm nay đến lượt tôi mời (tôi trả tiền)
36. Gần đến ngày nhớ nhắc bọn mình nhé.
37. A: Anh uống chè nhé.
B: Cảm ơn chị, có người đi lấy rồi ạ.

ĐÁP ÁN (GỢI Ý): Cách nói của người Anh

1. to write *on alternate line*
2. I made my winning move
3. He is a *family man*
4. We've been waiting for two days but the couple *failed to show*
5. Meggie felt the blood well up under her skin

6. One swallow doesn't make a summer
7. The candle died
8. Please accept my condolences on the loss of your (husband)
9. He pushed his body beyond breaking points for many years: drink too much
10. Staying for another three weeks would be a struggle
11. The tea is still brewing.
12. I feel my feet cooked in the sunshine
13. to smooth the border of the sheet
14. I dug my fingers into her hair
15. The bus was crowded nearly to capacity
16. He's wise beyond his age
17. State budget travel
18. to walk one's dog
19. You look higher than domestic activity.
20. I can usually make girls like her feel very small
21. Have you got a minute?
22. Thanks for sending me the parcel. *It saved me a trip.*
23. How *much* does the base increase the statue?
24. to start small
25. cowboy university
26. an instant degree
27. You need a covering organisation to get a visa for you.
28. a natural gift
29. to shuffle rice
30. to print on the back of the used paper
31. a pain like to tie knots in your stomach
32. extra private tuition
33. to let off steam
34. to beat the flame off
35. It's my treat today.
36. Let us know when the day gets closer
37. A: Would you like some tea?
B: Smb is organising it, thank you.

REFERENCES

- Langan, John. (1992). *Ten Steps to Improving College Reading Skills*. Townsend Press.
- Nist, Sherrie L. & Carole Mohr (1990). *Improving Vocabulary Skills*. Townsend Press.
- Oxford Collocations dictionary for students of English (2003). OUP.

- Urdang, Laurence & Martin Manser (1998). *The Pan Dictionary of Synonyms and Antonyms*. Pans Book. London and Sydney.

- Vas, Gratian (2002). *The Sterling Book of Synonyms*. Sterling Publishers Pvt. Ltd. Wajnyb, Ruth (1997). Grammar Dictation. Series editor: Alan Maley. OUP

- Webster's New Dictionary of Synonyms (1984). Merriam-Webster Inc. Publishers. Springfield, Massachusetts, USA.

TAPESCRIPT



CD2 - Ch6 (Audio - 1)

MARRIAGE RETURN

In spite of the women's liberation movement and the so-called sexual revolution of the sixties and seventies, and in spite of the increasing number of de facto relationships, it seems that marriage has returned. Recent statistics indicate that the institution has never been so popular. Some things, however, have definitely changed. A generation ago, a couple marrying were younger than today, they probably would not have had sexual relations, and almost certainly would not have lived together. As well they probably would have taken it for granted that their roles in marriage were going to be very different. What has not changed, however, is the reason couples give for marrying: as in the past, this continues to be emotional bond they share and includes the desire for a family.

(Wajnyb, Ruth: 104)

ANSWERS

Exercise 1: Synonyms

1. Bạn tôi, Lan, là cô nàng hay *trốn việc*.

My friend Lan is a great *procrastinator*

procrastinator = a person who habitually postpones doing things.

2. Vì cha tôi khuyên tôi nên *xem xét kỹ lưỡng* việc cho thuê, cho nên tôi hoãn cuộc gặp lại.

Because my father had advised me to *scrutinise* the lease, so I postponed the meeting.
scrutinise = **carefully examine**

3. Nhóm nhà khoa học ấy muốn tìm kiếm những phương pháp *thực dụng* để giải quyết vấn đề.

The group of scientists wanted to search *pragmatic* solutions to the problems.
pragmatic = **practical and useful**

4. Bác sĩ Gordon quyết định nói chuyện về vấn đề *phương pháp làm chết không đau* cho Hội Y tá.

Doctor Gordon decided to lecture on *euthanasia* to the Nurses' Association
euthanasia = the practice of killing without pain a person who is suffering from a disease that cannot be cured (*mercy-killing*)

5. Ông ta sinh ra trong một gia đình giàu có, nhưng cuối cùng chết trong *nghèo khổ*.

He was born to a family of great wealth, but he died in *indigence*.
indigence = **poverty**

6. Tôi đã bắt gặp một số sinh viên *lén lút* sửa bài làm của mình trong các kỳ thi của tôi.

I've caught several students *surreptitiously* checking answer sheets during my exams.
surreptitiously = **secretly**: done secretly and quickly, in the hope that other people will not notice.

7. Trong những thời gian đầu sản xuất ô tô, người ta đã đưa ra một luật định *ng nghiêm ngặt* để khống chế tốc độ của người lái.

In the early days of automobile manufacturing, *stringent* laws controlled drivers' speed.
stringent = (law, rule, regulation) **strong**: very strict and that must be obeyed.

8. Cách ăn nói của anh ta rất *khôa trương*.

The way he talks showed he's *flamboyant*.
flamboyant = **flashy, boasting**: different, confident and exciting in a way that attracts attention.

Exercise 2: Synonyms

1. encounter = meet, come across
2. amiable = friendly, kind-hearted
3. wary = cautious, alert
4. dilemma = predicament, quandary
5. succinct = concise, brief
6. tangible = concrete
7. engross = occupy
8. salary = wage, pay
9. sparce = few, scattered
10. audience = viewers, hearers, spectators

Exercise 3: Synonyms

1. A common public-health measure is *quarantine*.
quarantine = isolating infected patients to prevent their diseases from spreading.
2. Many politicians do not give *succinct* answers to questions.
succinct = brief and to the point
3. Many people have a child without taking time to *ponder* parenthood.
ponder = to think about smb carefully for a period of time.
4. It took many months to *rehabilitate* my aunt after she lost her sight.
rehabilitate = to help smb to have normal, useful life again after they have been very ill/sick or in prison for a long time.
5. The price *fluctuates* between 15.000VND to 18.000VND per kilo of pork.
fluctuate: to change frequently in size, amount, quality, ect. especially from one extreme to another.

Exercise 5: Collocations

1. *oft-quoted* = *often-quoted* = thường xuyên được nhắc đến được đưa ra làm ví dụ.
2. *a surge of excitement* = *a sudden increase of a strong feeling* = cảm xúc đột ngột
3. *perfectly healthy* = hoàn toàn khỏe mạnh

4. *to watch + intake* = *control the intake* = khống chế, điều chỉnh lượng sử dụng (thuốc uống, thực ăn, độ cồn, ...)

5. *to be only joking* = chỉ (nói) đùa thôi.

6. *law and order* = a situation in which the people obey the law and behave in a peaceful way = an ninh trật tự

7. *first thing in the morning* = việc đầu tiên của ngày hôm sau (ngày mai)

8. *breakneck speed* = tốc độ như bay

9. *(the) sign(s) of recovery* = có dấu hiệu phục hồi.

10. *to run down services* = cắt giảm dịch vụ
to take office = lên nắm chính quyền

Chương 7

DIỄN GIẢI & TÁI DIỄN ĐẠT

Paraphrase & Reformulation



Escort Interpreting

*T*rong giao tiếp hàng ngày chúng ta thường gặp những từ hoặc những cách diễn đạt khó hiểu, cho nên khi nói lại với người khác ý đó thông thường chúng ta phải nói theo cách diễn đạt của mình. Đây chính là nói theo kiểu diễn giải (*paraphrasing*). Vậy "***Diễn giải là nói lại một văn bản, một đoạn hoặc một thông điệp bằng cách diễn đạt ý nghĩa của nó dưới một dạng thức khác**". **to paraphrase is to make a restatement of a text, passage or work giving the meaning in another form (Longman Dictionary)*

Trong lĩnh vực dịch thuật người ta sắp xếp ba kỹ thuật dịch trên một đường thẳng, ở hai đầu mút là *metaphrase* và *imitation*: ***metaphrase - paraphrase - imitation***.

Ở một đầu mút, *metaphrase* là kỹ thuật chuyển một thông điệp của diễn giả từng từ, từng dòng, từ ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác (*turning an author word by word, and line by line, from one language to another*). Đây là kỹ thuật mà các nhà lý thuyết dịch cũng như các phiên dịch cho rằng cần phải tránh sử dụng trong khi dịch, cũng như kỹ thuật *imitation*. Những người phiên dịch dùng kỹ thuật này gọi là *metaphrast* hoặc *literalist*, những người đó chẳng khác gì những người đi trên dây bị buộc chân lại. (*Douglas Robinson: 153*)

Ở đầu mút kia, ****imitation*** trong dịch thuật có nghĩa tạo ra một văn bản hoàn toàn khác với bản gốc của tác giả. Người dịch sử dụng kỹ thuật *imitation* thường đi quá xa, quá tự do so với từ và nghĩa của văn bản ngôn ngữ nguồn (*SL text*). Cách làm này không phải chỉ dùng từ khác, hoặc diễn đạt cùng một ý nghĩa theo một cách khác so với bản gốc, mà chỉ lấy một số ý cơ bản của bản gốc rồi thể hiện theo ý riêng của mình, hầu như không nhận ra bản gốc nữa. Đây thực ra là một loại phóng tác. Sau này người ta gọi kỹ thuật này là kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dịch khoe khoang bản thân. (*Douglass Robinson, 111*).

***** Chú thích:*** Từ này có nghĩa thông thường là bắt chước (*slavish copying, mimicking, miming*). Đây là từ Latin cổ, dịch từ tiếng Hy Lạp *mimesis*, dùng trong lý thuyết nghệ thuật thời Plato và Aristotle. Nó dùng để chỉ sự bắt chước thực tế của một nhà văn. ***Imitation*** cũng là một loại bài tập viết văn cho sinh viên: viết (*write*) hoặc hùng biện (*orate*) bằng cách viết lại hoặc trình bày lại một văn bản cổ điển có sự thay đổi đáng kể, chọn từ khác với bản gốc để diễn đạt cùng một nghĩa.

Metaphrase và *Imitation* là hai kỹ thuật người phiên dịch cần tránh, vì hoặc nghiêng về phía này hay phía kia chúng đều không trung thành với diễn giả.

Paraphrase là kỹ thuật giữ được ý của diễn giả, giữ một cách đầy đủ, nhưng người dịch chỉ dùng từ khác, cách diễn đạt khác để thể hiện ý của tác giả mà thôi. Kỹ thuật *paraphrase* còn gọi là dịch từng ý nghĩa (*sense-to-sense interpreting*). Điều cơ bản phải

dùng *paraphrase* là bất cứ ngôn ngữ nào cũng đều có những đặc thù của nó. Khi chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác có thể một câu có ý nghĩa bình thường trở thành một câu với nghĩa xấu hoặc vô nghĩa. Ví dụ: trong tiếng Anh “*make money*” (nghĩa bình thường), trong tiếng Việt có nghĩa là *làm tiền* (nghĩa xấu), hoặc *reserved* (nghĩa bình thường), thì tiếng Việt lại có nghĩa là *phớt ăng-lê* (nghĩa xấu). Vì thế không nên hạn chế người phiên dịch vào một khung hẹp của tác giả. (*Douglas Robinson, 166*)

Sau đây là bảng so sánh nội hàm của ba kỹ thuật nói trên. (Tóm lược theo *Routledge Encyclopedia of Translation Studies*. Pages: *Imitation* 111-112, *Metaphrase* 153-154, *Paraphrase* 166-167).

IMITATION (FREE TRANSLATION)	PARAPHRASE (SENSE-FOR-SENSE TRANSLATION)	METAPHRASE (COPY/WORD-FOR- WORD TRANSLATION)
<p><i>...doing something totally different from the original author, wandering too far and too freely from the words and sense of the SL text.</i></p> <p><i>Imitation is the most advantageous way for a translator to show himself, but the greatest wrong which can be done to the memory and reputation of the dead.</i></p>	<p>Combine the virtues of fidelity to the original (metaphrase) and TL fluency (imitation).</p> <p>Since every language is so full of its own properties, that what is beautiful in one, is often barbarous, nay sometimes nonsense, in another, it would be unreasonable to limit a translator to the narrow compass of his author's words: 'tis enough if he chooses out some expression which does not vitiate the sense. .. This means the spirit of an author may be transfused, and yet not lost.</p>	<p><i>...turning an author word by word, and line by line from one language to another.</i></p> <p><i>The interpreter is to consider at the same time the thought of his author, and his words, and to find the counterparts to each in another language; and, beside this, he is to confine himself to the compass of numbers, and the slavery of rhyme. 'Tis much like dancing on ropes with fettered legs.</i></p>

Trong nghề phiên dịch chúng ta còn gặp một kỹ thuật tương tự như *paraphrase*, đó là kỹ thuật *reformulation*. Đây là kỹ thuật cắt những câu dài, phức tạp thành những câu ngắn hơn và đơn giản hơn, chuyển chỗ những mệnh đề quan hệ (*who, which, that, where, ...*) những mệnh đề phụ dài làm cho câu gọn lại, dễ hiểu, hoặc chuyển những câu chủ động (trong tiếng Việt) sang câu bị động (trong tiếng Anh), hoặc ngược lại, cho thích hợp với văn phong của TL.

Ví dụ:

-- 1 --

Original: *UK business continued to be highly visible in Vietnam. BP is the biggest investor, and the production of "first gas" from the Nam Con Son basin on 26 November was a tremendous achievement after many years of hard work by BP and their partners.*

Interpreting:

Các doanh nghiệp Anh vẫn tiếp tục duy trì hình ảnh tốt đẹp của mình ở Việt Nam.

BP là nhà đầu tư lớn nhất.

Lượng khí đầu tiên được sản xuất tại Nam Côn Sơn ngày 26-11.

Đó là thành tựu lớn sau nhiều năm vất vả của BP và các đối tác của mình.

-- 2 --

Original: *Rural people need roads linking their homes to district and provincial centres, where they can sell their agricultural produce, access education and health-care or information, for example, on how to improve their crops.*

Interpreting:

Nông dân cần những con đường nối nhà của họ với huyện, tỉnh.

Đó là nơi họ ra bán sản phẩm nông nghiệp, nơi họ đi học, khám bệnh, và lấy thông tin.

Ví dụ: thông tin về cải tiến trồng trọt.

-- 3 --

Original: *Những cải cách trong nông nghiệp như xoá bỏ kinh tế tập thể, giao đất cho hộ nông dân và tăng sự tiếp cận của nông dân đối với thị trường đã tạo cho người nông dân toàn quyền tự chủ trong sản xuất và mua bán sản phẩm, kết quả là kích thích động lực sản xuất cho người nông dân.*

(Trích Nông nghiệp Việt Nam hội nhập WTO. Phạm Quang Diệu, Phạm Hoàng Ngân. Information Centre for Agriculture and Rural Development)

Interpreting:

Some important agricultural reforms have been achieved.

Collective economy was terminated.

Land was allocated to farmers.

Farmers more closely get access to markets.

These achievements make farmers more active in production and sale of produce.

It results in a greater encouragement for farmers to get on with their production.

Đứng về mặt chất lượng thì đây cũng có thể coi là một sự hạn chế (*constraint*), nhưng là sự hạn chế đáng được hoan nghênh hơn là phê phán. Thực ra sự thay đổi dạng thức của bản gốc, dù là dịch nói hay dịch viết đều không thể tránh khỏi, nhất là trong dịch xuôi và dịch song song, một loại hình dịch chịu áp lực rất lớn về thời gian.

Điều quan trọng là người phiên dịch phải bằng mọi cách trung thành với diễn giả. Nhưng trung thành không có nghĩa là phải dùng kỹ thuật *metaphrase*. Người phiên dịch không nhất thiết phải không được bỏ sót từ nào (một điều có lẽ không ai làm được), không được đảo trật tự của thông điệp. Roderick Jones đã ví người dịch với một đạo diễn phim như sau: "**** Người phiên dịch giống như một đạo diễn phim phải cải biên một tiểu thuyết để dựng thành phim. Người đạo diễn muốn tạo ra một hiệu quả thẩm mỹ tương đương với hiệu quả mà cuốn tiểu thuyết tạo ra cho độc giả bằng chữ viết."

Jones nói: "**** Tôi muốn bảo vệ luận thuyết cho rằng để có thể trung thành với diễn giả, người phiên dịch phải 'phản bội' họ". Và ông giải thích: "***** Nhằm đạt được hiệu quả mong muốn bằng một phương tiện khác người đạo diễn phim phải thay đổi nhiều thứ, do vậy 'phản bội' tiểu thuyết gia".

*** The interpreter is rather like a film director adapting a novel for the cinema. The director might want to create an aesthetic effect that is equivalent to the one the novel creates for the reader of the written word."*

**** I would defend the paradox that in order to be faithful to the speaker, the interpreter must 'betray' them".*

***** To achieve the desired effect in different medium the director will have to change many things, thus 'betraying' the novelist."*

Kỹ thuật *reformulation* giúp người dịch tránh được một số cấu trúc ngôn ngữ phức tạp gây khó hiểu cho người nghe, dù cho có dịch đúng ý của diễn giả đi chăng nữa. Ví dụ:

Tránh cấu trúc hai phủ định (*double negatives*)

-- 4 --

Original: There has been a period in history where people have not asked themselves...

Reformulated: Throughout history people have always wondered ..."

-- 5 --

Original: The duty suspension cannot be granted unless there is a proven need for the product on the national market.

Reformulated: The duty suspension can only be granted if there is proven need.

Kỹ thuật này cũng tránh được những cấu trúc ít dùng trong TL, ví dụ trong tiếng Việt cấu trúc bị động ít dùng hơn nhiều so với tiếng Anh. Chúng ta hãy xem điểm khác nhau này trong những ví dụ sau đây:

-- 6 --

English: The electron was discovered by Thompson.

Vietnamese: Thompson đã phát hiện ra hạt điện tử.

-- 7 --

English: Two hundred thousand tons of fish are caught every day, nine million cigarettes are smoked. (*Oxford Guide to English Grammar: 132*)

Vietnamese: Mỗi ngày người ta đánh bắt được 200 nghìn tấn cá, hút hết 9 triệu điếu thuốc lá.

-- 8 --

English: Electricity is used for all kinds of purposes.

Vietnamese: Người ta dùng điện cho rất nhiều mục đích.

Tuy nhiên không phải tất cả các câu bị động trong tiếng Anh đều nên chuyển thành câu chủ động trong tiếng Việt. Ví dụ:

-- 9 --

English: The service is provided under a contract.

Vietnamese: Dịch vụ được cung cấp theo hợp đồng.

-- 10 --

English: The lounge and dining-room are said to have formed part of the original building and they are decorated and (are) furnished in conformity with the style of that period. (*Ona Low: 26*)

Vietnamese: Người ta nói rằng phòng khách và phòng ăn đã tạo nên một bộ phận của ngôi nhà xưa. Các phòng này được trang trí và (được) thiết kế nội thất theo đúng phong cách của thời kỳ đó.

Ngoài ra trong tiếng Anh, cấu trúc danh từ được dùng nhiều hơn trong tiếng Việt. Ví dụ:

-- 11 --

English: I'm sorry for my late answer.

Vietnamese: Tôi xin lỗi vì đã trả lời (ông) chậm.

-- 12 --

English: ... Miss Susan Becker (a stewardess) assumed it (a cuckoo clock) was a bomb. She alerted the pilot of the Boeing 727 who made an emergency landing at Berlin where eighty passengers left in a hurry through fire exit. (*Oxford Guide to English Grammar: 176*)

Vietnamese: Cô Susan Becker (tiếp viên hàng không) cho nó (chiếc đồng hồ chuông) là một quả bom. Cô đã báo động cho phi công chuyến Boeing 727 hạ cánh khẩn cấp xuống Berlin, và tám mươi hành khách đã vội vã rời khỏi máy bay qua cửa thoát hiểm.

English: The clerk told his friend that in spite of his efficiency his boss was always referring to his lack of qualification. (Ona Low: 71)

Vietnamese: Anh thư ký kể với bạn rằng mặc dù anh làm việc rất có hiệu quả nhưng ông chủ lúc nào cũng nói đến chuyện anh thiếu bằng cấp.

Thực ra kỹ thuật *reformulation* liên quan nhiều đến văn phong (*style*) hơn là cách sử dụng từ và sự tương đương ở cấp độ từ. Đôi khi sự thay đổi văn phong này làm cho lời dịch không thực sự đáp ứng đúng văn phong của TL, nhưng trong hoàn cảnh chịu áp lực của thời gian, người phiên dịch phải chấp nhận sự mất mát ấy để đảm bảo lời dịch thể hiện rõ nghĩa hơn, tăng cường khả năng hiểu đúng của thính giả hơn.

Đây có phải cách nói của người Việt không?

Các cửa hút có một cấu tạo đặt biệt được trình bày ở sơ đồ. Như đã nói ở trên là có sự tạo thành sự trộn lẫn và sự xoáy tối ưu ở trong xy-lanh để sự cháy đạt hiệu quả.

Exercise 1: Hãy so sánh bản dịch và bản gốc. Tìm ra những câu người dịch đã dùng kỹ thuật *paraphrase* hoặc *reformulation* hoặc *imitation* để xử lý.

Original-1: WATER LIFE

Over verdant pastures, and through forests of jade, they glide in majesty. In schools of brilliance, they dance to the rhythms of life, bring peace and wonder to all who behold. Within this theatre of water, there exists a world.

Translation-1: THỦY SINH

Những chàng thủy sinh lướt lờ trong cảnh hùng vĩ của những đồng cỏ bát ngát xanh tươi, những cánh rừng như ngà như ngọc. Trong cảnh hào hoa huy hoàng, chúng nhảy múa theo nhịp đời, mang lại sự bình yên và kỳ diệu cho những ai đắm say nhìn ngắm. Trong một khung trời non nước ấy là cả một thế gian.

Original-2: **WATER LIFE**

The wilderness of water, reflecting the blue sky and studded trees. In the wet season of Amazon basin, unimaginable water swallows the tropical forest, and shrubs are submerged completely. However, the Mother Nature had hidden power to recover even if it loses most parts. Even though the most terrestrial plants are washed away in flooding, this will become green covered ground in the dry season, and it becomes the sources of many new lives. The Nature Aquarium was conceptualized by learning many ideas from the Mother Nature. Like lost nature may recover after flooding the new world created in the aquarium now begins.

Translation-2: **THỦY SINH**

Dòng nước hoang vu ánh lên bầu trời xanh điểm vài bóng cây. Trong mùa mưa ướt át của lòng chảo Amazon, dòng nước tưởng bất đáo như nuốt chửng cả khu rừng nhiệt đới, và cây bụi như chìm sâu trong nước. Nhưng Mẹ Thiên nhiên với sức mạnh khiêm nhường đã hồi sinh, kể cả khi Người mất đi hầu hết. Dù cho cây cạn kia có bị cuốn trôi theo dòng lũ, nhưng khi mùa khô tới miền đất lại xanh tươi, lại dưỡng sinh muôn loài mới. Chiếc bể kính thiên nhiên này đã mang nặng bóng hình của người Mẹ Thiên nhiên. Giống như thiên nhiên hồi sinh sau dòng lũ, một thế giới trong bể kính nay lại bắt đầu.

Original-3:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Hoa sen luôn luôn tượng trưng cho sự thanh cao, cho sức sống diệu kỳ, mạnh mẽ, cho ý chí bền bỉ vươn lên. Từ trong thẳm sâu của bùn-đất đã vượt lên căng tràn sức sống, sáng ngời ngời dưới ánh mặt trời. Chính vì vậy mà từ ngàn xưa hoa sen thường được chọn đưa vào điêu khắc, chạm trổ, thêu,... trong những nơi cao quý thiêng liêng, có giá trị bền vững. Với ý nghĩa như thế, lần này hoa sen lại được chọn và cách điệu trong thể tạo hình mềm mại, nhưng cứng cáp, uy nghi. Rất đặc sắc và hiện đại trong cấu hình xử lý khi được dệt bằng kỹ thuật công nghệ cao trên chất liệu tơ tằm cao cấp.

Translation-3:

To bloom with beauty in the pond is only Lotus,
With green leaves, white petals and yellow carpel.
Yellow, white, and green focus,
Shining and undefiled by the mud it emerged from.

(Vietnamese folk chant)

Lotus symbolises purity, amazing life with great will. It grows from the bottom of the dirty mud moving towards the light on the surface of the water to blossom in the sun. The lotus flower symbol has been introduced into sculpture, carving, embroider... offered to worship in holy places. And now, the deepest symbol of Lotus is chosen to create a shape of an artistic product - graceful, unbreakable and formal. Specially designed and hi-tech weaved on high-quality silk.

Exercise 2: Hãy dùng kỹ thuật metaphrase để dịch câu sau đây sang tiếng Việt.

He who cannot love his smallest creature cannot claim to stand before nature.

Exercise 3: Giả sử bạn không biết từ tương đương trong tiếng Anh của những từ gạch dưới trong những câu sau đây, hãy dùng kỹ thuật paraphrase để dịch sang tiếng Anh

1. Một biện pháp bảo vệ sức khoẻ cộng đồng là cách ly.
2. Các nhà chính trị thường không trả lời ngắn gọn và thẳng vào vấn đề.
3. Nhiều người có con mà không dành thời gian để trần trở với vai trò là bố mẹ của mình.
4. Phải mất nhiều tháng để phục hồi hoạt động cho cô tôi sau khi cô bị mù.
5. Giá thịt lợn dao động giữa 28.000 đến 35.000 đồng một cân.

Exercise 4: Hãy dựng một câu với mỗi từ trong khung. Yêu cầu: không dùng lại từ trong khung mà dùng kỹ thuật *paraphrase* để thể hiện ý nghĩa của nó. Sau đây là ví dụ minh hoạ.

Ví dụ: Từ cho sẵn: *venture*

Nếu dùng từ này để xây dựng câu ta có:

At tomorrow meeting, I will venture telling them my opinion.

Nếu dùng kỹ thuật *paraphrase* ta có:

At tomorrow meeting I will take a risk to tell them what I really think about it.

deter	innovation	zeal	hide	secret
-------	------------	------	------	--------

Exercise 5: Nếu bạn không tìm được từ tương đương tiếng Việt của những từ, nhóm từ gạch dưới dưới đây thì hãy dùng kỹ thuật *paraphrase* để dịch.

1. Lead is the softest of the common metals and has a high degree of resistance to corrosion.
2. The way my child's appetite fluctuated this week worries me much.
3. Our psychology exam will be comprehensive; it will cover everything we've studied since September.
4. Judges frequently say that they have been driven to come to a particular conclusion.
5. My new home was nondescript.
6. A man with average intelligence may set his heart on being a doctor.
7. The land around Alice Spring seems as lifeless as any desert.
8. Many years ago I bought (for a shilling) a two-volume, leather-bound, early eighteen-century English novel in a junk shop.
9. To flattered myself, I made a list of provisions that I intended to buy for my trip to France.
10. Parents, serving as role models, usually exemplify adulthood to their children.

Exercise 6: Hãy nghe và dịch đoạn sau đây sang tiếng Việt. Ghi lại những chỗ bạn phải dùng kỹ thuật *paraphrase*.



CD2 - Ch7 (Audio - 1)

WOMEN'S TUITION

The fact that women generally are more perceptive than men has given rise to what is commonly known as 'women's intuition' ...

.....

It is also believed to be the reason why women often become more perceptive and skilled negotiators than men.

Exercise 7: Hãy dịch đoạn sau đây sang tiếng Anh. Sử dụng kỹ thuật *reformulation* khi cần thiết. Nhìn văn bản, dịch nói (*sight interpreting*).

Original:

Chất lượng nguồn nhân lực có vai trò rất quan trọng trong việc xác định năng lực cạnh tranh của khu vực dịch vụ, bởi vì đội ngũ nhân viên của mỗi doanh nghiệp dịch vụ là người tạo ra dịch vụ. Điều không may là Việt Nam vẫn xếp sau các đối thủ cạnh tranh chính về chất lượng giáo dục đối với lực lượng lao động. Vấn đề đáng quan tâm ở đây là việc Việt Nam bị xếp thứ hạng thấp trong đào tạo quản lý, bởi vì việc thiếu các nhà quản lý và giám sát viên kỹ năng cao sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến khả năng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thứ hạng thấp về đào tạo nghề thường xuyên cho nhân viên và mức độ sử dụng thấp đối với các nhà quản lý được đào tạo bài bản chỉ ra rằng cần thiết phải tăng cường các biện pháp nâng cao kỹ năng của người lao động tại nơi làm việc, nếu Việt Nam muốn có một khu vực dịch vụ có khả năng cạnh tranh quốc tế.

(Trích: *Gia nhập WTO: Cơ hội và thách thức đối với khu vực dịch vụ Việt Nam*. PGS.TS Nguyễn Hồng Sơn. Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới)

Exercise 8: Hãy dịch đoạn sau đây sang tiếng Việt. Sử dụng kỹ thuật *paraphrase* và *reformulation* khi cần thiết. Nhìn văn bản, dịch nói (*sight interpreting*)

Original:

THE BANK FOR THE DOWN AND OUT

Mohamed Yunus, a 56-year-old banker from Bangladesh, is that rare thing: a bona fide visionary. His dream is the total eradication of poverty from the world. "One day," he says confidently, "our grandchildren will go to museums to see what poverty was like."

What this man has invented is called micro-credit. It is both terribly simple and, in the field of development and aid, completely revolutionary. Yunus gives loans of as little as \$30 to the destitute. A typical borrower from his bank would be a Bangladeshi woman (94 percent of the bank's borrowers are women) who has never touched money before. All her life, her father and husband will have told her she is useless and a burden to the family; finally, widowed or divorced, she will have been forced to beg to feed her children. Yunus lends her money-and doesn't regret it. She uses the loan to buy an asset that can immediately start paying income-such as cotton to weave, or raw materials for bangles to sell, or a cow she can milk. She relays the loan in tiny installments until she becomes self-sufficient. Then if she wants, she can take out a new, larger loan. Either way, she is no longer poor.

The Grameen Bank ("rural bank" in Bengali), which Yunus has built over the last 20 years, has more than 2 million borrowers in 35,000 villages throughout Bangladesh. [In 1995] it made loans of more than \$400 million. The bank actively seeks out the most deprived of Bangladeshi society: beggars, illiterates, and widows. Yet, it claims a loan repayment rate of 99 percent. Most Western banks would be delighted with such a small ratio of bad debts.

The man whose vision has made this all possible is a soft-spoken former professor who lives and dresses simply-he earns only \$240 a month-and is, in public, shy. His best work is done in a two-bedroom apartment at the bank's headquarters in Bangladesh's capital, Dacca, where he lives with his wife and 10-year-old daughter. He does not own a car.

Born in Chittagong, the Business center of what was then Eastern Bengal, Yunus studied at Vanderbilt University in Nashville, Tennessee, before becoming head of the Economics Department at Chittagong University. The terrible man-made famine of 1974, which by some estimates killed 1.5 million Bangladeshis, changed his life forever. "While people were dying of hunger on the streets, I was teaching elegant

theories of economics. I started hating myself for the arrogance of pretending I had answers. Why did people who worked 12 hours a day, seven days a week, not have enough food to eat? I decided that the poor themselves would be my teachers. I began to study them and question them on their lives."

(Pamela Hartman:178)

Exercise 9: Nghe và dịch đoạn sau đây sang tiếng Việt. Sử dụng kỹ thuật *paraphrase* và *reformulation* khi cần thiết. Bài tập này nên tiến hành theo đôi (*pairwork*).

Student-1: Theo dõi văn bản (*tapescript*) bấm máy và dừng băng ở những chỗ trong văn bản ghi PAUSE. Bấm máy ghi âm lời dịch của *Student-2*.

Student-2: Ghi chép trong khi nghe. Khi *Student-1* dừng băng thì dịch ngay.

Khi *Student-2* dịch xong một nửa bài thì đổi vai. *Student-2* bấm máy và *Student-1* dịch. Sau khi dịch xong toàn bài, thì hai người nghe lại lời dịch của mình, so với văn bản gốc, tìm ra những kỹ thuật mình đã sử dụng để dịch.

LỜI MỜI PHIÊN DỊCH

Chúng tôi trân trọng mời bạn đến làm phiên dịch cho hội thảo du lịch của chúng tôi có tên là "City Break". Chúng tôi có ba khách mời (*guest speakers*): Ông Ted Rogers giới thiệu về City Break ở London, cô Susan Li giới thiệu về Singapore, ông Dwight Green giới thiệu về Bangkok, "the City of Angels". Người dẫn chương trình hội thảo là cô Sarah Chan. Yêu cầu của chúng tôi là dịch đuổi (*consecutive interpreting*). Rất hân hạnh được bạn cộng tác.

The Seminar begins.



CD2 - Ch7 (Audio - 2)

CITY BREAKS' 95

Sarah Chan: Good afternoon ladies and gentlemen...

.....

I hope you'll encourage your customers to come and experience the many pleasures of Bangkok for themselves.

REFERENCES

- Baker, Mona (1998). *Routledge Encyclopedia of Translation Studies*. Routledge. London and New York
- Duff, Alan (1996). *Translation*. OUP.
- Eastwood, John (2005). *Oxford Guide to English Grammar*. OUP
- Gran, B.J. & Philip Leetch & Joseph Li (1995). *All-in-one Practice. Form 6*. Macmillan Publishers (China) Ltd.
- Hartman, Pamela & Laurie Blass (1999). *Quest, Reading and Writing in the Academic World*. Book 3. McGraw-Hill College.
- Jones, Roderick (2002). *Conference Interpreting Explained*. St Jerome Publishing. Manchester UK & Northampton, MA.
- Low, Ona (1986). *Proficiency in English Course*. Edward Arnold.
- Longman Dictionary of the English Language. Longman 1991.
- Nist, Sherrie L. & Cartole Mohr (1990). *Improving Vocabulary Skills*. Townsend Press.
- Wajnryb, Ruth. (1997). *Grammar Dictation*. Series editor Alan Maley. OUP.

TAPESCRIPT



CD2 - Ch7 (Audio - 1)

WOMEN'S TUITION

The fact that women generally are more perceptive than men has given rise to what is commonly known as “women's intuition”. This quality is particularly evident in women who have brought up young children, for a mother who has a young child relies largely on non-verbal channels of communication. Thus, many women develop an ability to pick up and decipher non-verbal signals, as well as an accurate eye for

small detail. This is why few husbands can lie to their wives and get away with it and why, conversely, many women can pull the wool over a man's eyes and without his realizing it. It is also believed to be the reason why women often become more perceptive and skilled negotiators than men.

(Wajnryb: 96)



CD2 - Ch7 (Audio - 2)

CITY BREAKS '95

Sarah Chan:

Good afternoon ladies and gentlemen. My name is Sarah Chan and on behalf of the International Travel information Bureau, I'd like to welcome all you from the travel trade to our seminar on City Breaks 95.

(Beep)

I'm delighted to see so many of you here today. As everyone in the travel industry knows, city break holidays are becoming increasingly popular with tourists. So, in order to keep us all up to date, I'm very pleased to welcome three speakers from three very different cities. First you will hear Ted Rogers from the London Travel Bureau.

(Beep)

The London Travel Bureau is responsible for all the millions of tourists who flock to London each year to enjoy both its history and culture. You will then hear from Susan Li from the Singapore Tourist Association. Susan is the Director of the Association so she is ideally qualified to answer any questions you may have about Singapore.

(Beep)

Lastly, we are going to hear all about Bangkok from Dwight Green, the Public Affairs manager of the Bangkok Tourist Group. The Bangkok Tourist Group was established 20 years ago and is responsible for all tourism in the Thai capital.

Well, now that you all know our speakers are, I'd like you to give a warm welcome to Ted Rogers who's going to tell you all about city breaks in London.

(Beep)

Ted Rogers:

Thank you madam speaker and thank you all for giving me the chance to come and talk to you today about the many tourist attractions in London. First of all, London is a famous and historical city and therefore has many sites of interest for holiday makers to visit. The royal palaces and castles, for example, are especially popular.

(Beep)

Then of course, there are many entertainment attractions of the city. You can spend a day touring round our world-renowned museums and art galleries and then relax at the theatre in the evening. There are usually up to 20 different plays on in theatre-land, London's West End, so there's plenty to choose from.

(Beep)

No good holiday is complete without good food! London's cosmopolitan restaurants serve a huge range of international cuisine, so there's something to suit everyone's taste. French food is well known for its excellence and there are many French restaurants, but if you fancy something different there's always Greek or Indian, to name just a couple of examples. The choice is really endless.

(Beep)

Lastly, but by no means least in these budget-conscious times, one of London's main attractions is its value for money. Compared to Hong Kong, hotels and restaurants are much cheaper which of course makes your money go much further during the holiday.

(Beep)

Talking of hotels, I think I'd better give you an outline of different kinds of accommodation available. At the lower end of the price range are hostels. Hostels are very cheap and are usually used by students. They tend to rent out beds, rather than rooms, for the night, but you can sometimes get rooms so I suppose prices range from £10 for a bed up to £40 for a room.

(Beep)

However, if you want to relax in more natural surroundings, the botanical park and gardens are only a short bus ride from the centre of town. There you can stroll in beautiful green parkland and admire the various plants and trees from all over Asia. If you are interrupted by a short burst of rain why not visit one of our excellent museums? They'll tell you all about the history and development of Singapore as well as showing a wide array of historic, sometimes priceless, museum artefacts.

(Beep)

Like London, Singapore also prides itself on the excellence of its cuisine. You can enjoy tasty and spicy Malaysian food or indulge yourself at an international buffet at one of the hotels. Of course, there are also many excellent Chinese restaurants in the city. Finally, I feel that I should point out the other attraction of Singapore that London doesn't share- it's proximity to Hong Kong. My city is only a short flight away and can easily be visited over a long weekend. I hope you'll take me up in the offer and I look forward to meeting more Hong Kong tourists in Singapore. Thank you for your time.

(Beep)

Sarah Chan:

Thank you Ms Li. There's certainly a lot to do in Singapore. If anyone has any questions, I'm sure Ms Li will be happy to answer them later. Finally, I'd like you to welcome Dwight Green who will outline the attractions of Bangkok. Mr Green.

(Beep)

Dwight Green:

Thank you Ms Chan. It is a shame that Bangkok, which literally means 'City of Angels,' is more often associated with horrendous traffic jams than the dreamy spires of its temples. The city can be chaotic and does have some disadvantages. It's hot, polluted and, you'll soon notice, crowded with people 24 hours a day.

(Beep)

Yet, if you allow your imagination to stretch beyond this initial picture, you will find a city rich in history, and with lots of culture. In addition, the people are friendly and charming, and guaranteed to help make your stay a success.

(Beep)

It would be misleading to pretend that Bangkok is a great sporting adventure destination but there are a great variety of things to do and see when on holiday there. Many people come specifically to go sightseeing in the city. In particular the numerous temples with their gleaming golden spires are a famous attraction. It could be said, however, that Bangkok's night life is really what has made it famous the world over.

(Beep)

If you like a city with an active nightlife, you'll love Bangkok with its thousands of bars and discos which stay open all night for your amusement. If you then find that you're worn out with such a hectic social life in the evenings, you'll be pleased to know that the nearest beach is only 2 1/2 hours away. Once there you can either just sunbathe, or unwind by going diving or surfing, which is a sport growing in popularity in Thailand. Boards are easy to rent and instruction lessons are cheap.

(Beep)

Perhaps the best way to feel that you're really got away from it all is to take a trip out to one of Thailand's great national parks. With their lush tropical vegetation and nature trails they're a great place to go animal or plant spotting while trekking. Trekking is a fun, healthy activity which can be enjoyed by all the family.

(Beep)

There are eight national parks within easy reach of the capital. They offer great opportunities, as I've just said, for trekking, as well as biking or rafting through areas of steamy tropical rainforest. I'd just like to describe one park to you in detail as an example.

(Beep)

Erawan National Park is situated in the hills and is famous for its stunning seven-tiered waterfall. It is a 1500m cascade of water, which has created all kinds of limestone pools and fascinating rock formations. Each level is worth stopping at, but the top and the bottom tiers are the biggest and the most spectacular. You can also wander off the beaten track to explore deciduous forest, where you may glimpse monkeys and wild pigs.

(Beep)

Erawan National Park is 200km from Bangkok, and can be reached by bus or train. The bus is quicker but the train is more scenic- the views can really wonderful during the journey. As an alternative to motorized transport, you can arrange to travel the final leg of your journey on a raft. Although unusual it's an exhilarating, exciting way to travel.

(Beep)

Well, I think my time is nearly up, so I'll stop now leave you with that lovely image of one our most beautiful national parks. I hope you'll encourage your customers to come and experience the many pleasures of Bangkok for themselves.

(Beep)

(All-in-one Practice, Paper 4: 59-61)

Fieldwork



Simplification

BỘN GIẢN HOÀ

Chương 8

*T*rong quy trình dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ, các nhà giáo học pháp rất quan tâm đến xu hướng *đơn giản hoá (simplification)*. Đây là xu hướng sử dụng một lượng nhỏ từ vựng, một số cấu trúc câu cơ bản để diễn đạt những vấn đề phức tạp. Xu hướng này áp dụng cả trong quy trình dạy học trên lớp và công tác biên soạn sách cho người học.

Đối với quy trình dạy trên lớp, các tác giả viết sách giáo khoa thường quy định cho giáo viên sử dụng một lượng từ vựng nào đấy, một số mẫu câu nào đấy để luyện cho người học nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Chẳng hạn sách học *What to say của BBC English* chỉ sử dụng 500 từ cơ bản để luyện người học nghe nói về những chủ đề giao tiếp hàng ngày.

Đối với quy trình biên soạn những series viết dễ lại (*simplified & adapted stories*) thường sử dụng cho việc viết dễ lại các truyện ngắn, các tiểu thuyết nổi tiếng cổ, kim, với số lượng từ (*headwords*) từ thấp lên cao: 400, 700, 1000, 1400, 1800, 2500 (*Oxford Bookworms Library*), hoặc 1000, 1492, 2075 (*L.A. Hill*), hoặc hệ *Ladybird Easy-to-read retellings*, hoặc hệ *Six-level Penguin Readers*. Về nghe, chúng ta có hệ *Easy Listening* của *The Center for Language Training, U.S.A.*, v.v.

Chúng ta hãy so sánh một đoạn nguyên bản của tiểu thuyết *The Thorn Bird* của nữ văn sĩ Australia, Colleen McCullough và cùng một đoạn đó trong hệ chuyện viết dễ lại để so sánh.

Original: (Colleen McCullough. *The Thorn Birds*. Avon Books 1977)

There is a legend about a bird which sings just once in its life, more sweetly than any other creature on the face of the earth. From the moment it leaves the nest it searches for a thorn tree, and does not rest until it has found one. Then, singing among the savage branches, it impales itself upon the longest, sharpest spine. And, dying, it rises above its own agony to out-carol the lark and the nightingale. One superlative song, existence the price. . But the whole world stills to listen, and God in His heaven smiles. For the best is only bought at the cost of great pain ... Or so says the legend.

Simplified version: (Colleen McCullough. *The Thorn Birds*. Penguin Readers 2001)

There is a story about a bird that sings only once. From the time it is born it searches for a thorn tree and, when it finds one, it flies at the longest, sharpest thorn. As it dies, it sings its song - more beautiful than that of any other bird.

Cũng với mục đích trên, kỹ thuật đơn giản hoá (*simplification*) trong dịch thuật là một kỹ thuật giúp cho người phiên dịch cũng như thính giả vượt qua được những khó khăn về ngôn ngữ. Tuy nhiên đây không phải là vượt qua khó khăn về ngôn ngữ thông thường, vì người phiên dịch là người phải có ít nhất hai ngôn ngữ thông thạo (gần) như tiếng mẹ đẻ.

Người phiên dịch phải vận dụng kỹ thuật *simplification* trong trường hợp "* bài phát biểu đi quá sâu vào kỹ thuật chuyên ngành tới mức mặc dù người dịch đã hết sức cố gắng chuẩn bị cho cuộc họp, mặc dù đã có trong tay những tài liệu liên quan, nhưng vẫn không thể chuyển tải được tất cả những thông điệp chi tiết có tính kỹ thuật cao như vậy". (Roderic Jones: 98)

** The speech is so technical that the interpreter, despite their best efforts to prepare a meeting, and despite documentation made available to them, just cannot render all of the technical details.*

Người phiên dịch cũng phải vận dụng kỹ thuật này khi "*** diễn giả trình bày vấn đề vượt quá tầm hiểu biết của thính giả, tức là diễn giả khi nói chuyện sử dụng văn phong và nội dung không thích hợp với người không chuyên môn. Nếu người dịch dịch trung thành với diễn giả thì sẽ làm cho thính giả lúng túng, khó hiểu. Với kỹ thuật này người phiên dịch đã cố gắng lấp được khoảng trống giao tiếp". (Roderic Jones: 98)

*** The speaker may be talking over the heads of their audience. (The expert is talking the wrong register to laymen). A faithful rendering would just leave the audience confused. That is the interpreter is trying to bridge the communication gaps.*

Kỹ thuật này thường sử dụng khi dịch cho hai bên đối thoại trực tiếp với nhau, một bên hỏi, bên kia trả lời.

Đó là những trường hợp cần vận dụng kỹ thuật *simplification*. Vậy người phiên dịch sử dụng kỹ thuật này như thế nào (*How to simplify?*)

Một là chuyển những đặc ngữ sang ngôn ngữ thường dùng hàng ngày (*Interpreting unfamiliar jargon into everyday language*). Ví dụ: *a back-fire*: nghĩa kỹ thuật là *cướp lửa*. Từ thông dụng là *máy nổ sớm*. *A back-fire* còn là một thuật ngữ trong lĩnh vực cứu hỏa, có nghĩa: *tường lửa ngược*. Từ này người không chuyên ngành khó có thể hiểu được. Người phiên dịch có thể dịch bằng một cách dễ hiểu: phương pháp sử dụng một ngọn lửa có khống chế để ngăn chặn sự cháy lan của rừng đang cháy.

Hai là, "**** nhận diện được cốt lõi hoặc vấn đề chính của một thông điệp, rồi chuyển tải nó (sang ngôn ngữ TL), mặc dù không hiểu tất cả các chi tiết mà diễn giả trình bày. Hoặc người phiên dịch có thể hiểu được, nhưng không nghĩ ngay ra được từ tương đương trong ngôn ngữ mục tiêu (TL) để dịch một cách cấp tốc." (Roderic Jones: 99).

*** *Identify the essence of a statement or a question, and convey it, without understanding all the details expressed by the speaker. Or they may have understood but do not necessarily have all the target language vocabulary at their fingertips to express everything quickly enough.*"

Ví dụ:

Original

"If the CIF price of produce at the Community border is below the guideline price as determined under the Control Market Organisation, then a levy, which is not tariff duty, is imposed"

Simplified version

If farm produce comes into the Community at a price below the official Community market price, a special agricultural levy is imposed.

Sử dụng kỹ thuật *simplification* không có hàm ý rằng thính giả kém cỏi quá không hiểu nổi bài nói chuyện của diễn giả nên phiên dịch phải "đơn giản" nó đi. Tất nhiên cũng có trường hợp trình độ văn hoá của thính giả thấp, nhưng phải nghe một chủ đề có tính chất nghiêm cứu. Chẳng hạn trong dự án *Chống ỉa chảy* (CDD) chúng tôi phải đưa một đoàn nước ngoài về thăm một làng ở Thanh Hoá. Dân làng được mời họp để nghe giải thích về thuốc Orêzôn. Ngoài phần dịch những dặn dò thông thường về cách chăm sóc người bệnh, người phiên dịch gặp những từ chuyên môn như *độ phân giải muối cao*, tên các thành phần của thuốc, ... khi người nước ngoài giải thích cho nông dân tác dụng của loại thuốc này và cách tự pha chế tại nhà. Ở đây cần viện đến kỹ thuật *simplification*. Hoặc trong một hội nghị về *chất độc màu da cam* (*agent orange*), tuy thính giả đều là trí thức, nhưng nếu không phải là những nhà hoá học thì không dễ gì có thể hiểu rõ được nội hàm của những từ chuyên môn, những khái niệm chuyên ngành. Giả sử một chuyên gia Anh làm việc trong một tổ chức nghiên cứu tác hại của chất độc màu da cam đối với cựu chiến binh Việt Nam trình bày trước một hội nghị, trong đó có những khái niệm như *herbicides*, *Agent White and Agent Blue*, *dioxin*, *TCDD metabolism*, *spina bifida*, ... hoặc những đoạn như:

The number of diseases have been recognized as associated with Agent Orange exposure. They are: chloracne, porphyria cutanea tarda, acute or subacute peripheral neuropathy, type 2 diabetes, and numerous cancers [non-Hodgkin's lymphoma, soft tissue sarcoma, Hodgkin's disease, multiple myeloma, prostate cancer, and respiratory cancers (including cancers of the lung, larynx, trachea, and bronchus)]. In addition, Vietnam veterans' children with the birth defect spina bifida are eligible for certain benefits and services.

Những đoạn báo cáo như trên thường gây sự khó hiểu và lúng túng cho đa số thính giả trong một hội nghị. Vì thế kỹ thuật simplification sẽ làm cho không khí hội nghị bớt căng thẳng hơn nhiều. Tuy nhiên, để làm được việc đó một cách có hiệu quả, người phiên dịch phải chuẩn bị rất kỹ trên cơ sở những tài liệu đã nhận được trước khi vào hội nghị, kể cả việc thống kê các thuật ngữ chuyên ngành và tham khảo khái niệm hàm chứa trong các thuật ngữ ấy.

Trong đoạn trích trên người phiên dịch có thể xử lý như sau: trước hết thay những từ chuyên ngành về bệnh tật bằng những từ bệnh tật thông dụng

chloracne = thay cho từ chuyên môn chứng ban clo, ta dùng *a skin disorder* = rối loạn da.

Một loạt các từ về chứng bệnh thần kinh như *porphyria cutanea tarda* (loạn chuyển hoá *pócphorin*), *acute or subacute peripheral neuropathy* (bệnh thần kinh ngoại vi cấp tính hoặc bán cấp) sẽ dịch tóm gọn lại thành *a nerve disorder* = rối loạn thần kinh, *type 2 diabetes* = bệnh đái tháo cấp độ 2.

Toàn bộ các từ về bệnh ung thư các loại như *non-Hodgkin's lymphoma*, *soft tissue sarcoma*, *Hodgkin's disease*, *multiple myeloma*, *prostate cancer*, *cancers of the lung, larynx, trachea, and bronchus*) sẽ chỉ dịch tóm gọn là *numerous cancers and respiratory cancers* = một loạt căn bệnh ung thư, kể cả ung thư đường hô hấp. *spina bifida* = tật nứt đốt sống.

Một phương án dịch:

Một số bệnh được coi là có liên quan đến sự tiếp xúc với chất độc màu da cam. Đó là bệnh rối loạn da, rối loạn thần kinh, bệnh đái tháo cấp độ 2, một loạt các bệnh ung thư kể cả ung thư đường hô hấp. Ngoài ra, con cái các cựu chiến binh Việt Nam bị tật nứt đốt sống bẩm sinh có quyền được hưởng sự chăm sóc và những dịch vụ cần thiết.

Dịch như vậy là chúng ta đã sử dụng kỹ thuật *simplification* ở góc độ chuyển những từ rất chuyên ngành thành những từ thường dùng. Trong trường hợp bản thân người phiên dịch cũng không hề nghe đến tên (bệnh) ấy bao giờ thì nhất thiết phải hỏi lại diễn giả. Hãy dùng khả năng nhận diện âm mà phát âm lại từ mới ấy để hỏi. Lúc này thường diễn giả rất nhạy bén và cung cấp cho mình cách giải thích đơn giản. Ví dụ:

Interpreter : Excuse me, what is 'klo-rác' ? (*chloracne*.)

Speaker : Ah, it's a skin disorder.

Interpreter : Excuse me, can you tell me what 'hơ-bi-said' is? (*herbicide*)

Speaker : It's a chemical used to kill plants.

Trong trường hợp người phiên dịch gộp một liệt kê và thể hiện liệt kê ấy bằng một từ chung, người ta gọi kỹ thuật ấy là kỹ thuật khái quát hoá (*generalisation*). Chẳng hạn khi diễn giả nói về một loạt tên các nơi du khách nên đến thăm mà người phiên dịch không thể nhớ được, vì không nhận biết được một loạt tên riêng cùng một lúc. Ví dụ: một phiên dịch người Anh dịch từ Việt sang Anh, không phải dễ gì có thể nhớ được một loạt tên Việt Nam để dịch câu sau đây:

Sáng mai chúng tôi sẽ tổ chức cho các bạn đi thăm viếng 5 nơi: Đi Chùa Tây Phương, sau quay về thăm Đền Ngọc Sơn, Chùa Một Cột, và kết thúc buổi tham quan ở Đền Quan Thánh.

Vậy anh ta có thể dùng kỹ thuật *generalisation* để nói rằng:

For tomorrow morning, We'll take you to visit four pagodas and temples outside and inside Hanoi.

Hoặc khi phiên dịch người Việt gặp một liệt kê như: *Edinburgh zoo, Mons Meg, Leith-sur-mer, King's Theatre, Meadowbank, Stary Theatre of Krakov, Fringe Sunday, etc. (BBC Beginners' English-2. P.33)* thì an toàn nhất là dịch khái quát: *to visit some places of interest.*

Exercise 1: Sử dụng kỹ thuật *simplification* và *generalisation* để dịch đoạn sau đây sang tiếng Việt. Chúng ta tiến hành hai bước:

Bước 1: Tìm những từ chuyên ngành và dự định cách dịch theo kỹ thuật đơn giản hóa

Bước 2: Nhìn văn bản dịch sang tiếng Việt (*sight interpreting*).

As anemometers indicate the velocity of the wind they are used at airfields and weather bureaus. They have four cup-shaped pieces of metal mounted on cross-arms which are free to rotate when the wind blows. Some anemometers have propellers like those on airplanes. The faster the wind blows, the faster the anemometers turns. A weatherman measures the speed of this instrument. Then he knows the velocity of the wind.

(Ira C. Davis: 112)

Exercise 2: Sight interpreting

Các bạn chuẩn bị đi dịch cho hội thảo giới thiệu về Vương Quốc Anh. Tên Hội thảo là *REAL UK*. Đối tượng tham dự là những ai quan tâm đến chủ đề này: giáo viên, học sinh, sinh viên, cán bộ đối ngoại, v.v. Sau đây là bài phát biểu của Giáo sư Vật lý lý thuyết (*theoretical physics*) Stephen Hawking giới thiệu về nền khoa học kỹ thuật nói

chung của Vương Quốc Anh. Đây là tài liệu bạn nhận được trước khi hội thảo khai mạc. Hãy chuẩn bị kỹ. Sử dụng các kỹ thuật đã học, đặc biệt là *paraphrase*, *simplification*. Sau khi đã chuẩn bị xong, tập cầm văn bản dịch sang tiếng Việt (*sight interpreting*), không dịch viết.

Britain has a long tradition of research and innovation in science, technology and engineering in universities, research institutes and industry. Its record of achievement is in many ways unsurpassed, from the contributions of Isaac Newton to physics and astronomy in the 17th century (theory of gravitation and three laws of motion) to the work of Charles Darwin on the theory of evolution and inventions of Michael Faraday in the 19th century (the first electric motor, generator and transformer).

Great medical advances include the development of immunisation by Edward Jenner in the 18th century and the founding of antiseptic surgery by Lord Lister in the 19th. This record has been maintained throughout the 20th century. there are few branches of science, engineering and technology in which Britain has not excelled. For example, fundamental contributions to modern molecular genetics were made through the discovery of the three-dimensional molecular structure of deoxyribonucleic acid (DNA) by Francis Crick, Maurice Wilkins, James Watson of the United Sates and Rosalind Franklin in 1953. Nobel prizes for science have been won by 70 British citizens-more than any other country except the United States. Other notable contributions over the last 20 years have been made by Stephen Hawking in improving the understanding of the nature and origin of the universe; Brian Josephson in superconductivity (abnormally high electrical conductivity at low temperatures) ; Martin Ryle and Anthony Hewish in radio-astraphysics; and Godfrey Hounsfield in computer-assisted tomography for medical diagnosis.

Much pioneering work was done during the 1980s. For example, in 1985 British Antarctic Survey scientists discovered the hole in the ozone layer over the Antarctic, while Alec Jeffreys invented DNA fingerprinting, a forensic technique which can identify an individual from a small tissue sample. The first combined heart, lungs and liver transplant was carried out at Papworth Hospital, Cambridge, in 1986.

More recently there have been several breakthroughs in genetics research, including the identification of the gene on the Y chromosome responsible for determining sex, and the identification of other genes linked to diseases, such as cystic fibrosis and the commonest form of inherited heart disease.

A vaccine has been developed in Britain to protect against cancer associated with the Epstein-Barr virus. Gene therapy has begun on the treatment of cystic fibrosis. The world first pig with a genetically modified heart has been bred by scientists at Cambridge University, an important milestone in breeding animals as organ donors for people.

Science, engineering and technology are fundamental to the economic success of any international competitive country.

Education, health care, the environment, manufacturing industry services and the quality of life all increasingly benefit from the work of scientists, engineers and technologists. The research carried out in Britain's publicly funded higher education institutions and research institutes forms a vital contribution to the health of the economy and the country's future industrial development.

As a source of inventions and ideas and highly trained manpower, these institutions are required to play an increasing role in technological innovation, thereby increasing industrial competitiveness and addressing social and cultural needs. A range of government support and award schemes exists to bring research out of the laboratory and into the market place.

However, the Government considers that public funding should primarily support the pursuit of basic scientific knowledge, while industry should bear the main responsibility for the commercial development of scientific advances.

Many industries fund their own research and run their own laboratories. Large companies such as ICI, BT (British Telecom) and BP develop new types of products, equipment and processes. Industry also funds university research and finances contract research at government establishments, individual research organisations. A large amount of funding for research, particularly in medicine, also comes from Britain's charitable organisations.

Britain cannot claim sole credit for all the achievements covered in this booklet and owes much to international collaboration, which has long been a tradition in science and is increasingly important today. Many British research teams are engaged in major programmes in partnership with their overseas counterparts. However, while teams of scientists dominate present-day discoveries in contrast to the pioneering individuals of the past, British academics and inventors continue to make worldwide reputations.

(Science & Technology in Britain: Introduction, page 2)

Exercise 3: Interpreting



CD2 - Ch8 (Audio - 1)

THE OZONE CRISES

Twenty kilometres above the earth is a layer of gas called ozone and it protects the earth from harmful ultra-violet (UV) sun rays.

.....

The company provides a full range of local voice services, with customers interconnecting with the Mercury network for national and international communication services.

Exercise 4: Sight interpreting

Các bạn chuẩn bị dịch cho Hội thảo về Công nghiệp Viễn thông (*Workshop on Telecommunications Industry*). Đối tượng dự đa số không phải là các chuyên gia chuyên ngành viễn thông. Dưới đây là tài liệu bạn nhận được trước hội nghị để chuẩn bị. Hãy đọc kỹ và tra cứu những vấn đề chuyên môn để chuẩn bị dịch fluently trong hội thảo. Sử dụng các kỹ thuật đã học, đặc biệt là *paraphrase*, *simplification*. Sau khi chuẩn bị xong, hãy tập nhìn văn bản-dịch (*sight interpreting*).

WORLD-CLASS COMPANIES

BT is one of the world's largest public telecommunications operators. In 1992-93 its turnover was over £13,200 million. In November 1993 the company employed 166,000 people. Of the £13,200 million total revenue generated in 1992-93, £5,100 million was derived from national telephone calls and £1,800 million from international calls. Some £3,000 million was earned from other non-basic services such as mobile communications, private network services, and Yellow Pages.

Since BT was privatised in 1984, the company has invested more than £17,000 million. The focus of current investments is mainly on upgrading the local telephone network to digital technology and installing optical fibre cabling. Currently, about 64 % of BT customers' lines are connected to digital exchanges, compared with 10% in 1988. In 1992 BT had over 2 million km of optical fibre cable laid in Britain, compared with 367,000 km in 1988. BT currently provides one of the most developed network in the EC. Its network and services include:

- 20.1 million residential lines;
- 6 million business lines;
- between 60,000 to 70,000 telex connections;
- around 113,000 public payphones.

New Technology services

In 1985 BT launched one of the world's first integrated services digital network (ISDN). The ISDN gives customers a direct link to advanced services available to digital trunk network. Either separately or fully integrated, ISDN can carry video images, graphics, colour faxes and complex bar-coded product information in addition to basic telephone and circuit switches data. The BT ISDN is currently connected to ISDN in 16 countries

Mercury

Mercury communications (referred to as Mercury) which is owned 80% by Cable & Wireless and 20% by Bell Canada Enterprises, is licensed in Britain as a public telecommunications operator in direct competition with BT. The license has a duration of 25 years from 1984. By 1993 the company had won over 10% by revenue of the British market for telecommunications services.

Mercury has one of the fastest telecommunications networks in the EC. Mercury customers' base, market share and traffic levels all increase significantly during 1992-1993.

In 1992-93 Mercury had a turnover of £1,199 million, representing an increase of 31% over the previous year's result, and employed around 9,500 employees. Since its launch in 1984, Mercury had invested over £1,200 million. Mercury plans to continue investing in developing its network over the next few years.

New Technology Services

Other new technology services offered by Mercury include videoconferencing, teleworking services, broadband services, and specialised telecommunications systems designed to meet the requirement of specific customers, such as the Mercury Dealing System, which is used by financial organisations in the City of London.

Kingston Communications

Kingston Communications is the network operator for the Kingston upon Hull area of Britain. The company provides a full range of local voice services, with customers

interconnecting with the Mercury network for national and international communication services.

(*Britain's Telecommunications Industry: 9-10*)

REFERENCES

- Ira C. Davis; John Burnett & E. Wayne Gross (1958). *Science: Observation and experiment*. Henry Holt and Company, Inc.,
- Davies, Carmel (1993). *One World*. Adult Migrant Education.
- Foreign & Commonwealth Office (1994). *Science & Technology in Britain*. London.
- Foreign & Commonwealth Office (1994). *Britain's Telecommunications Industry*. London.

TAPESCRIPT



CD2 - Ch8 (Audio - 1)

The Ozone Crises

Twenty kilometres above the earth is a layer of gas called ozone and it protects the earth from harmful ultra-violet (UV) sun rays. Most of the sun rays are necessary for life on earth, but too many UV-rays are dangerous. They are harmful to plants and animals and they give us skin cancer.

(Beep)

What's happening to the ozone layer?

It is getting very thin, and there is a big hole near Australia. Too many dangerous UV-rays are coming through the hole.

(Beep)

Why?

The ozone layer is getting eaten by gases and chemicals we use.

Chlorofluorocarbons (CFCs) are especially dangerous for the ozone. They are used in air-conditioners and refrigerators.

(Beep)

Fumes from aircraft and vehicles are also destroying the ozone layer.

(Beep)

Many companies have stopped using CFCs for something, but one is already in the atmosphere will stay there for a very long time.

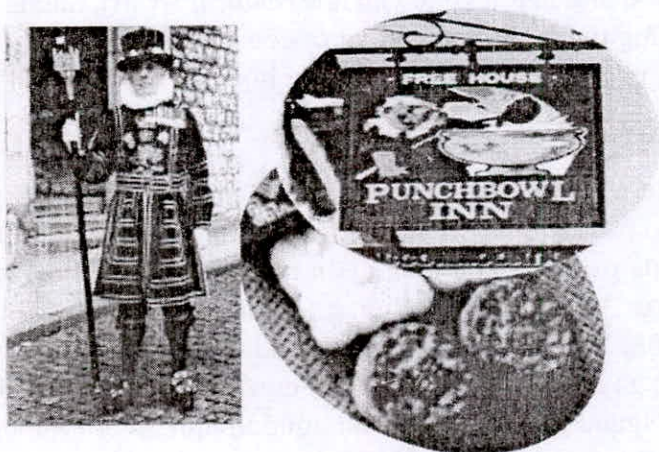
(Beep)

(Carmel Davied:14)

Chương 9

GIẢI THÍCH & DỊCH TÊN RIÊNG

Explanation & The Interpretation of Proper Names



Proper Names

... culture is different, variability, and always a potential source of conflict when one culture enters into contact with another.

(Claire Kramsch: 1)

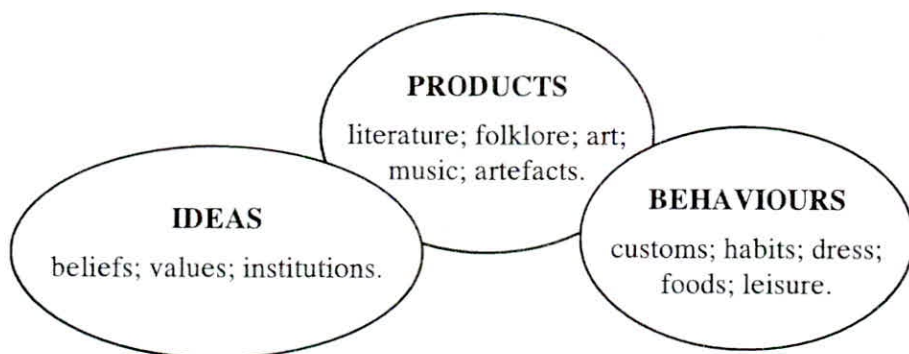
1. Dịch các yếu tố mang hàm ý văn hoá và khái niệm chuyên ngành

Ngày nay khi nói đến sử dụng ngôn ngữ (*language use*) và giao tiếp (*communication*) người ta không chỉ nói đến bốn kỹ năng nói, nghe, đọc, viết mà còn cả trình độ hiểu biết về văn hoá của ngôn ngữ mục tiêu. Đa số phiên dịch người Việt là dịch Anh-Việt và Việt-Anh. Vì thế trình độ hiểu biết văn hoá ở đây chính là hiểu biết về nền văn hoá Anh (England, Scotland, Wales, và Northern Ireland) và Việt Nam. Phiên dịch người Việt thường chủ quan về nền văn hoá của mình. Chưa hẳn điều đó đã đúng. Chúng ta có thể biết nhiều về từ văn hoá (*cultural terms*), nhưng chưa hẳn đã hiểu rõ nội hàm của những thuật ngữ ấy. Chúng ta đều biết ở một số nơi người Việt có tục thờ "Ông Ba mươi", nhưng nếu người nước ngoài hỏi "Tại sao lại thờ hổ?" thì không phải ai cũng trả lời một cách chính xác được.

Văn hoá mà chúng ta đề cập đến dưới góc độ phiên dịch không phải chỉ là những sự kiện văn hoá. Nó bao hàm một bộ phận rất quan trọng mà người phiên dịch thường xuyên phải đương đầu với, đó là những ngôn từ (từ, nhóm từ, câu) và ý tưởng (*ideas*) mang hàm ý văn hoá. Ví dụ: khi một diễn giả, trong bài diễn văn của mình về phong trào bảo vệ môi trường, nói rằng "nến không đốt không cháy", thì người phiên dịch phải dịch như thế nào để gây được cảm xúc đối với người Anh giống như đối với người Việt khi nghe câu này. Ngược lại khi người Anh nói đến một *quiet evening* thì làm thế nào để người Việt hiểu được đó không phải là một buổi tối yên lặng.

Bary Tomalin & Susan Stempleski cho rằng văn hoá trong sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp bao gồm ba phạm trù:

ELEMENTS OF CULTURE



Để có thể dịch được trôi chảy, trung thành với diễn giả và tạo ra được cảm xúc giống nhau giữa người nghe SL cũng như TL, người phiên dịch cần biết rằng diễn giả trong lời nói của mình bao giờ cũng bộc lộ những nét văn hoá của cộng đồng sinh trưởng (*culturally-conditioned behaviour*), tất nhiên những hành vi này có sự khác nhau do ảnh hưởng của lứa tuổi, giới tính, thành phần xã hội, và nơi cư trú. Vì thế người phiên dịch cần chú ý đến ngôn ngữ của diễn giả, đặc biệt là cách dùng những từ, nhóm từ mang nghĩa sắc thái do ảnh hưởng của văn hoá SL. Khi người phiên dịch nghe thấy nhóm từ như *to walk one's dog* thì phải hiểu rằng nhóm từ này thể hiện một thói quen (*habit*), một hành vi (*behaviour*) rất bình thường, một sự ưa thích có tính truyền thống của người Anh (nghĩa tích cực), khác với quan niệm *dẫn chó đi chơi* của người Việt cho rằng đó là một sự học đòi, làm ra vẻ trưởng giả (nghĩa tiêu cực). Cũng như khi người Anh gọi những người thủy thủ già hoặc những thủy thủ lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm là *sea dog* với một sự trân trọng, thương mến, thì người phiên dịch không thể dịch là *con chó biển già* vì nó sẽ tạo ra một hình ảnh bị khinh thường, chế riễu, không phải là hình ảnh của một *thủy thủ lão thành*.

Ngoài ra còn rất nhiều trường hợp người phiên dịch gặp phải những thách thức về khái niệm chuyên ngành khi dịch cho các hội thảo (*workshops*), chuyên đề (*seminars*), nhưng đối tượng nghe không phải đều là các chuyên gia thuộc chuyên ngành đó, ví dụ: hội thảo về *bảo vệ môi trường* cho thanh niên hoặc cho sinh viên trong các trường đại học nói chung.

Trong quy trình được đào tạo người phiên dịch cần tạo cho mình một thái độ ham hiểu biết, hứng thú, tò mò về nền văn hoá TL (*intellectual curiosity about the target culture*). Có như thế, khi dịch người phiên dịch mới nhanh chóng nhận biết ngôn từ diễn giả dùng có mang hàm ý *products, ideas, behaviours* của SL không, rồi từ đó tìm kiếm phương thức chuyển dịch. Chuyển dịch không có nghĩa phải luôn luôn tìm được tương đương (*equivalents*) giữa SL và TL. Rất nhiều trường hợp phải viện đến một kỹ thuật có hiệu quả, đó là kỹ thuật *explanation*.

"... * trong dịch đuổi, người phiên dịch có thể gặp những khái niệm, những thuật ngữ văn hoá và thiết chế, vân vân ..., không có tương đương trực tiếp trong ngôn ngữ mục tiêu, và do đó cách tốt nhất là giải thích cho thính giả hiểu."

**... as in consecutive, interpreters may be faced with notions, cultural and institutional references, and so on, that have no direct equivalent in the target language, and which ideally should therefore be explained to the audience."*

Khi dùng kỹ thuật *explanation* người phiên dịch cần phải thận trọng ở chỗ nó phải thích hợp với thính giả. Trong một hội nghị của các bác sĩ tim mạch mà người dịch lại giải thích *endocarditis* (bệnh viêm màng tim) là gì, trong hội thảo của các nhà văn hoá thế giới mà người phiên dịch lại giải thích ý nghĩa của *cultural landscape* (cảnh quan

văn hoá) là gì, trong hội thảo về Phật giáo người phiên dịch giải thích *Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi* là gì, ... thì thật là coi thường thánh giả quá mức.

Kỹ thuật *explanation* thường chỉ dùng để dịch + giải thích nội dung của những từ, nhóm từ hoặc câu mang đậm nội dung văn hoá đặc thù của một nền văn hoá, hoặc một khái niệm chuyên ngành sâu nào đó mà những người sống ngoài nền văn hoá hoặc người ngoài ngành chuyên môn đó khó có thể hiểu được. Ví dụ: *lollipop lady/man* (một người, đàn ông hoặc đàn bà, do nhà trường trả lương làm nhiệm vụ giúp học sinh qua đường ra vào trường trong những giờ đến trường hoặc tan học, người đó cầm biển có đề STOP - CHILDREN). Hình ảnh người cầm cây gậy này trông giống như chiếc kẹo mút nên có từ này. Trong tiếng Việt không có từ tương đương.



Hoặc nhiều từ chỉ tên các loại trường học ở Vương Quốc Anh như *grammar schools*, *voluntary schools*, v.v. cũng vậy.

Ngược lại nếu trong bài diễn văn của diễn giả Việt Nam có đề cập đến nhóm từ *ba khoan* (*three delays movement*) mà người dịch không giải thích rằng đó là phong trào do Đoàn Thanh niên Cộng sản phát động trong thời chiến (những năm 1960); ba khoan là: **chưa yêu, khoan yêu; yêu rồi, khoan cưới; và cưới rồi, khoan đẻ**, thì từ đó thật là mơ hồ đối với ngay cả thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay, chứ kể gì người nước ngoài.

Ở một bình diện khác, người dịch thường hay phải đối mặt với những khái niệm (*notions*), hiện tượng văn hoá (*cultural references*), ... không có tương đương trong TL, phải dịch theo cách giải thích để thính giả có thể hiểu được. Tuy nhiên người dịch không được chiếm dụng nhiều thời gian để giải thích. Do đó, đối với những từ mang khái niệm khó hiểu được sử dụng nhiều lần trong bài nói của diễn giả, người phiên dịch thường giải thích một lần rồi sau đó đặt cho nó một từ nói tắt, và sử dụng từ đó như một từ tương đương. Kỹ thuật dịch + giải thích chỉ ứng dụng khi thính giả không phải là người chuyên ngành, hoặc từ đó là từ mới đối với một cộng đồng. Chẳng hạn khi diễn giả nói đến rau sạch người phiên dịch có thể giải thích đó là loại rau không tưới phân, tưới chất hoá học, v.v. rồi từ đó cùng từ *c.veg.* khi dịch Việt-Anh; hoặc *nông nghiệp hữu cơ* đầu tiên dịch giải thích là: *canh tác nông nghiệp không sử dụng phân bón được sản xuất từ hoá chất hoặc phân người, không sử dụng chất diệt cỏ và thuốc trừ sâu nguy hiểm còn dư lại trong đất trồng trong một thời gian dài và những tích lũy trong cơ thể động vật*, và từ đó nếu dịch Việt-Anh thì dùng từ viết tắt *OrgA*, nếu dịch Anh-Việt thì dùng từ viết tắt *NNHH*, hoặc thậm chí *NH*.

Kỹ thuật giải thích thực sự nâng cao chất lượng lời dịch và tạo không khí thông suốt giữa các đại biểu hội nghị hoặc các bên làm việc với nhau.

Exercise 1: Sau đây là một đoạn trong bài nói chuyện của một chuyên gia giao thông người Anh. Bạn phải dịch đoạn này cho thính giả người Việt. Có yếu tố nào cần phải giải thích không?

The realisation of the environmental and social damage of the high level of car use, has resulted in strategies to reduce it by changing behavioural patterns and promoting public transport alternatives. The Government, in response to these problems, published "A new deal for transport better for everyone", a White Paper in the summer of 1998, setting out a strategy to boost public transport use and reduce people's dependence on cars.

Chú thích:

White Paper là tài liệu công bố những báo cáo chính thức của Chính phủ, giải thích những ý tưởng và kế hoạch mới của Chính phủ có liên quan đến một vấn đề quan trọng trước khi đưa ra trình Nghị viện một luật mới.

Exercise 2: Sau đây là một đoạn trong bài nói chuyện của một quan chức trong ngành bóng đá người Anh sang thăm Việt Nam. Bạn phải dịch đoạn này cho thính giả người Việt. Có yếu tố nào cần phải giải thích không?

The image of British, primarily English, football was severely tarnished by the problem of hooliganism which became evident in the 1960's, peaking in the 1970s/mid-1980s.

Violent and abuse behaviour both at domestic matches and those involving English teams abroad became a defining feature as the game's health declined, especially off the pitch.

Thực ra từ "hooligan" nhiều người đã từng nghe thấy nhưng không phải nhiều người hiểu rõ nó là gì. Nếu chỉ dịch là thói du côn, thói côn đồ thì chưa rõ nghĩa trong tình huống này. Người phiên dịch nên nói vài lời cho rõ nghĩa hơn.

Chú thích:

hooligan: người phá phách một cuộc chơi, gây đối kháng, tạo ra những xung đột bạo lực

khi có những mâu thuẫn về sự ủng hộ đội này đội kia, hoặc giữa những người hâm mộ (*fans*) của các câu lạc bộ bóng đá khác nhau. Đây là hiện tượng nổi tiếng, làm xấu đi hình ảnh bóng đá nước Anh một thời.

hooliganism: hiện tượng, trào lưu, xu hướng nói trên.

Exercise 3: Sau đây là một đoạn trong bài nói chuyện của một bạn trẻ người Anh sang thăm Việt Nam. Bạn phải dịch đoạn này cho thính giả người Việt. Có yếu tố nào cần phải giải thích không?

The Outward Bound Trust runs a wide range of adventure courses and expeditions. Some are based at the Trust residential locations, while others involve adventurous journeys through some British wildest and most dramatic country. The courses offer the participants the chance to take part in challenging experience, including rock-climbing, and sailing. Prince Philip calls these schemes "a do-it-yourself kit in the art of civilised living".

Chú thích: Có hai yếu tố không quen thuộc với cộng đồng người Việt. Đó là:

Outward Bound Trust: Đây là tổ chức thanh niên nhằm phát huy tính năng động của tuổi trẻ, tập luyện ý chí, rèn luyện tuổi trẻ những kỹ năng cần thiết để đối mặt với thiên nhiên, phát huy tính độc lập sáng tạo trong cuộc sống ngoài trời., huấn luyện tuổi trẻ tham gia những trò chơi, những môn thể thao thích hợp với tuổi trẻ.

do-it-yourself: đây là nhóm từ rất quen thuộc với người Anh. Ở Anh có những cửa hàng gọi là DIY (viết tắt của *do-it-yourself*) cho thuê dụng cụ gọi là *DIY kits* để bạn mang về nhà làm việc gì đó. Ví dụ bạn muốn đóng bàn ghế ở nhà, hãy thuê một *DIY kit* dùng cho thợ mộc. Tại cửa hàng này bạn có thể thuê từ một cái kim cho đến một bộ đồ đầy đủ.

Nếu chỉ dịch từng từ *Outward Bound Trust* là Câu lạc bộ hoạt động ngoài trời, và *Do-it-yourself kit* là bộ dụng cụ tự làm thì rất khó hiểu và dễ gây hiểu lầm.

Exercise 4: Trong một cuộc nói chuyện giáo dục quần chúng ý thức bảo vệ môi trường, diễn giả có nói như sau:

The earth is warmed by the "greenhouse effect". Without it there would be no life on earth. However activities as the burning of coal and other fossil fuels are leading to a built-up of greenhouse gases in the atmosphere, so that the climate of the earth could be seriously affected.

Nếu bạn phải dịch đoạn này cho thính giả không phải chuyên viên về môi trường thì có gì cần thêm giải thích?

Chú thích:

Nếu chỉ dịch *greenhouse effect* là *hiệu ứng nhà kính* thì không phải những người không chuyên ngành ai cũng hiểu nội hàm của nó.

greenhouse effect: hiện tượng tăng nhiệt độ không khí do sử dụng quá nhiều *carbon dioxide* trong không khí làm cho nó giữ lại nhiệt độ của mặt trời vượt quá mức cần thiết.

Exercise 5: Trong một bài nói chuyện về hệ thống giáo dục ở Anh chúng ta thấy có rất nhiều tên các loại trường rất xa lạ với hệ thống của Việt Nam. Khi nói chuyện, thường diễn giả chỉ nói đến tên loại trường chứ không giải thích. Nếu người phiên dịch không thêm một vài câu giải thích, thính giả (trừ những chuyên gia giáo dục) sẽ rất khó hiểu. Chúng ta nghe đoạn sau đây.

Over 90% of pupils go to publicly-funded schools, usually known as state schools. In most areas children aged 5 to 10 attend primary schools, and move on to secondary schools at age 11 for education up to 16 or beyond.

The size of infant classes has been steadily falling towards the target size of 30 pupils. Classes in secondary schools are smaller, with an average pupil:teacher ratio of 18:1.

Within the state schools system in England and Wales there are a number of categories of schools: community schools, voluntary schools, foundation schools.

Independent schools or public schools (the older established ones), are not funded by the state and obtain most of their finances from fees paid by parents and income from investments.

Chú thích:

community schools: wholly owned and maintained by Local Education Authority (LEAs)

voluntary schools (voluntary aided schools and voluntary-controlled schools): provided by voluntary bodies, mainly churches or bodies associated with churches. They are financed and maintained by LEAs but the assets of the schools are held and administered by trustees.

foundation schools: financed and maintained by LEAs with the assets of the schools held by the governing body or by a charitable foundation.
independent schools or public schools are known as private schools.

2. Dịch tên riêng

Phiên dịch Việt Nam trong khi dịch thường hay lúng túng khi gặp phải tên riêng, đặc biệt là trong phần giới thiệu đại biểu của một hội nghị.

Mỗi nước tên riêng có một đặc thù riêng và nhìn chung đây là những yếu tố không thể dịch được (*untranslatable*), và không nên dịch (*not to be translated*). Không có một phiên dịch nào lại dịch Mr Home là Ông Nhà. Peter Newmark (1982: 70) chia tên riêng thành năm loại hình: tên riêng (người, con vật, đồ vật, v.v.) (*proper names*), tên gọi các thiết chế lịch sử (*historical institutional terms*), tên gọi các tổ chức quốc tế (*international institutional terms*), tên gọi các thiết chế của một quốc gia (*national institutional terms*); và tên gọi của một sự kiện, hiện tượng văn hoá (*cultural terms*).

Có một trường hợp phổ quát đòi hỏi phải dịch tên riêng, đó là tên các nhân vật trong các truyện cổ tích, chuyện dân gian vì những loại chuyện này rất phổ biến trong trẻ em trên toàn thế giới. Trẻ Việt có *Cô bé quàng khăn đỏ*, thì trẻ Anh có *The Red Riding Hood*; trẻ Việt có *Nàng Bạch Tuyết*, *Cô bé Lọ Lem*, v.v. thì trẻ Anh có *Snow White*, *Cinderella*, v.v.

Ngoài ra những tên riêng, và những tên mang hàm ý văn hoá là những yếu tố không nên dịch, trừ những trường hợp đã có sự chuyển dịch từ lâu đời và trở thành một tên quen thuộc trong cộng đồng TL. Ví dụ trong tiếng Việt có một số tên riêng Châu Âu đã được phiên âm theo tiếng Hán - Việt từ lâu đời như ý (ý Đại Lợi: Italy), Luân Đôn (London), v.v. Không phải tên riêng Châu Âu nào cũng được người Việt chấp nhận âm Hán-Việt, như Nã Phá Luân (Napoleon), Thạch Sĩ Bia (Shakespeare), Phú Lang Sa (Pháp), v.v. Tuy nhiên có những tên tuy quen dùng, nhưng người bản xứ trong quan hệ ngoại giao không vừa ý, người dịch cũng nên tránh dùng. Ví dụ: ta nên dùng Ôxtrâyliya hơn là Úc, Mê Hi Cô hơn là Mễch Xi Cô, Ít-ta-lia hơn là Ý.

Về tên các nhân vật lịch sử, nhiều tên cũng có thể dịch một bộ phận, khi bộ phận tên đó thể hiện một chức năng hay một hiện tượng, hay một hình ảnh tôn vinh, v.v. Ví dụ: ta thường gọi *Richard, the Lion Heart* là *Richard Sư tử Tâm*. Đối với những tên lạ, nhất là tên người của những nước như Trung Quốc, Ả Rập, Châu Phi, Nam Mỹ, v.v. thường phiên dịch Việt Nam không thể biết được cách viết những tên đó, đồng thời quên rất nhanh, nghe xong có thể quên ngay. Vì thế cần ghi chép tên riêng, nhưng đừng

nên quan tâm đến chữ viết, mà ghi lại theo kiểu phiên âm (*to note phonetically*), nghe như thế nào ghi âm như thế. Ví dụ: Mc Carthy (Anh/Mỹ) = Macathi, Litipét (Trung Quốc), Munsung Kang (Hàn Quốc), Láchkhôđa Brahimi (Afghanistan), v.v.

Đối với những tên nhãn hiệu trình toà (*trade marks*) người dịch nên giữ nguyên và đọc theo kiểu phiên âm, ví dụ như những tên thuốc, tên một số đồ dùng như máy giặt Ê lếch trô lắcx (Electrolux), thuốc Nếch xi um (Nexium). Nếu nó có một từ viết tắt (*acronym*) thì sử dụng từ này, nếu không vẫn phải sử dụng tên đầy đủ của nó, ví dụ nhãn hiệu áo *Panther* không thể dịch là *áo báo*.

Tên một số tổ chức quốc tế thông thường đã được dịch ra TL, trở thành một tên riêng trong hệ thống TL, nhưng khi sử dụng tên viết tắt thì không nên dịch ra TL rồi dùng cách viết tắt của TL. Ví dụ: *World Bank* nên dịch là tổ chức Ngân hàng Thế giới, nhưng khi dùng tên viết tắt thì phải là WB, chứ không nên dùng NHTG, *International Monetary Fund* nên dịch là Quỹ Tiền tệ Quốc tế, và từ viết tắt là IMF, không nên dùng QTTQT. Cũng như vậy tên các tổ chức Việt Nam nên dịch ra tiếng Anh và dùng nó như một tên riêng khi dịch từ Việt sang Anh, ví dụ: Bộ Xây Dựng dịch là *Ministry of Construction*. Tuy nhiên có một điều khác là tên viết tắt của những tên riêng này thường lại dùng cách viết tắt của Anh, ví dụ: MOC (*Ministry of Construction*: Bộ Xây dựng), MOET (*Ministry of Education and Training*: Bộ Giáo dục & Đào tạo). Trong những trường hợp này không có một quy định có tính chất chính thống nào. Các tên đó thường là do một nhóm làm dự án, hoặc một tổ chức dịch thuật nào đó đưa ra và trở thành một tên riêng.

Tuy nhiên khi tên thiết chế này kèm theo một tên riêng như Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm thì chỉ dịch tên chức năng còn tên riêng giữ nguyên (*Đoàn Thị Điểm Primary School*).

Tên những yếu tố mang nặng đặc thù văn hoá của một dân tộc, như món ăn đặc thù *bánh tôm, nem, bún thang, kẹo mè xừng*, v.v. của Việt Nam không nên dịch mà dùng kỹ thuật phiên âm và giải thích (*explanation*), cũng như món *haggis* của Scotland không nên dịch là *món dạ dày cừu nhồi*. Nhóm từ này chỉ nên dùng để giải thích, *haggis* = *ha-git* (*dạ dày cừu nhồi*), hoặc món *powsowdie* = *pao-sâu-dai* (*dầu cừu hầm*), hai món rất đặc trưng trong Hội thơ *Burns' Night* (25 tháng Giêng hàng năm), kỷ niệm ngày sinh của thi sĩ nổi tiếng người Scotland *Robert Burns*. Những thuật ngữ văn hoá khác cũng không nên dịch, ví dụ tên bài hát cổ kính đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân Anh như *Auld lang syne* (có nghĩa đen là *old long since*), bài hát lúc giao thừa hàng năm.

Nhìn chung đối với các tên riêng chúng ta không nên dịch. Kỹ thuật chủ yếu sử

dụng trong bình diện này là kỹ thuật phiên âm (*transcription*). Người phiên dịch cần có cái tai ngữ âm nhạy bén, sẵn sàng bắt (và nhớ) âm của các tên riêng để khi dịch có thể nhắc lại chúng gần sát với cách phát âm của bản ngữ.

Tất nhiên còn nhiều trường hợp phức tạp khác đã được Peter Newmark đề cập đến và đưa ra giải pháp. (Chi tiết xem Peter Newmark, 1982: 70-83)

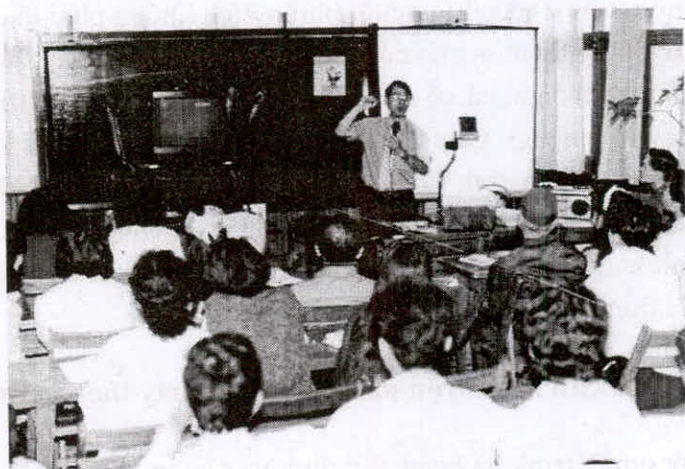
REFERENCES

- Foreign and Commonwealth Office. *Britain and the World Environment*.
 - Foreign and Commonwealth Office. *Education and Training in the United Kingdom*.
 - Foreign and Commonwealth Office. *Football in the UK*.
 - Foreign and Commonwealth Office. *Transport in Britain*
 - Foreign and Commonwealth Office. *Young People in Britain*.
 - Kramsch, Clair (1993). *Context and Culture in Language Teaching*. OUP.
 - Peter Newmark (1982). *Approaches to Translation*. Pergamon Press.
 - Tomalin, Barry & Susan Stempleski (1993). *Cultural Awareness*. OUP.
-

Chương 10

KỸ NĂNG TRÌNH BÀY

Presentation



Presentation

*K*ỹ năng trình bày là một kỹ năng rất quan trọng đối với nhiều đối tượng: nhà khoa học, thầy cô giáo, sinh viên, thương nhân, v.v. Một văn bản được trình bày mang tính mục đích rất cao. Mỗi bản trình bày đều phải bộc lộ rõ ý định của người trình bày (*presenter*). Nhìn chung một bản trình bày thường thuộc về một trong hai mục đích: (1) truyền đạt thông tin (*information giving*), và (2) thuyết phục người nghe (*persuasion*). Trong hoạt động học thuật như báo cáo khoa học (*scientific report*), bài giảng (*lecture*), v.v. thông thường mang nặng tính thông tin. Nhưng ngược lại một cuộc nói chuyện của một thương nhân hoặc một buổi giới thiệu sản phẩm (*sales*), bản trình bày thường nhằm vào mục tiêu thuyết phục.

Đối với người phiên dịch, năng lực trình bày có những đòi hỏi khác nhiều so với những đối tượng nêu trên. Trước hết người phiên dịch không phải là diễn giả (*speaker*) mà chỉ là người truyền đạt sự diễn giải của diễn giả từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, và phải trung thành với tác giả cả về nội dung lẫn văn phong. Quy trình này có thể gọi là *diễn giải lại* (*re-expressing*). Quy trình diễn giải lại cũng đòi hỏi kỹ thuật diễn giải, nhưng ở thể bị động và bị hạn định vào ý tưởng của người khác, chứ không phải ý tưởng của mình. Vậy khi diễn giải lại, người phiên dịch đã được cung cấp mục tiêu (*objectives*) và nội dung (*the message*). Việc còn lại là xây dựng cấu trúc cho lời dịch (*structure*) và diễn (*perform*) nội dung ấy bằng ngôn ngữ mục tiêu.

Vậy người phiên dịch cần rèn luyện năng lực trình bày theo hướng nào?

Những vấn đề một người trình bày cần xác định và chuẩn bị kỹ là:

- | | |
|--|--------------|
| 1. Tại sao lại trình bày (mục đích): | Why. |
| 2. Trình bày cho ai nghe (thính giả): | Who. |
| 3. Trình bày cái gì (nội dung): | What. |
| 4. Trình bày như thế nào (kỹ thuật trình bày): | How. |

Ở bốn điểm này người phiên dịch đã được cung cấp hai điểm: *Why* và *What*. Cho nên trước khi bắt đầu nhiệm vụ dịch người phiên dịch phải xác định rõ đối tượng nghe là ai (*Who*). Phân tích được người nghe là ai sẽ cho người phiên dịch một ý tưởng rõ ràng: làm thế nào để thông điệp đi được vào thính giả. Nó tác động quyết định đến việc sử dụng ngôn ngữ như dùng nhiều từ chuyên ngành hay từ thông dụng, dùng văn phong khoa học (*academic*) hay văn học (*literary*), ... và quyết định những kỹ thuật cần viện đến trong khi dịch như có cần thiết phải dùng kỹ thuật giải thích (*explanation*), hoặc đơn

giản hoá (*simplification*), v.v. hay không. Một trong những nhược điểm nhiều phiên dịch thường mắc phải là không "lựa" theo đối tượng (*not tailoring one's presentation to particular audience*). Lý tưởng nhất là người phiên dịch phải trả lời được sáu câu hỏi sau đây trước khi làm nhiệm vụ:

AUDIENCE PROFILE

1. Who are they?
2. How many will be there?
3. Why are they coming?
4. What do they know about the topic?
5. Why are they interested in the subject?
6. What is their relationship to you?

(Malcom Goodale: 8)

Sáu câu hỏi trên nhằm phân tích thính giả. Sau khi đã xác định được người nghe, người phiên dịch cần tìm phương án thể hiện nội dung của diễn giả. Trong phương án thể hiện, người phiên dịch cần làm tốt hai nhiệm vụ sau đây:

(1). Tổ chức thông tin (tức là nội dung vừa nghe được của diễn giả bằng SL) (*to organise the information*). Những kỹ thuật như *listen for gist*, *listen for detail* giúp người phiên dịch tổ chức tốt lượng thông tin bằng TL.

(2). Tạo ra sự hấp dẫn đối với người nghe (*to create interest*), hay nói cách khác là lôi cuốn người nghe (*involving the audience*). Đây là một yêu cầu cao vì nó đòi hỏi phối hợp nhiều tiêu chí như sử dụng chất giọng (lúc trầm, lúc bổng), sử dụng kỹ thuật nhấn mạnh vào những điểm trọng yếu (*emphasis*), cách nói rõ ràng, gãy gọn (*be a clear speaker*), v.v.

Để thực hiện được yêu cầu thứ hai, Mark (Mark Ellis, 1992:14) đưa ra 7 yêu cầu sau đây cho người trình bày:

1. Người trình bày phải phát hiện được những sự kiện, thống kê đặc biệt về chủ đề (*unusual facts and statistics*).
2. Phương thức trình bày phải dễ hiểu (*present in a way that makes it easy for the audience to relate to them*).
3. Dùng những đại từ như *you*, *your*, *us*, *our* để gây cho thính giả cảm giác có mình trong vấn đề này.

4. Chú ý đến những minh họa sinh động.
5. Lôi kéo người nghe vào một vài hoạt động nào đó. (*Ask the audience to do something*).
6. Đưa ra một vài câu hỏi cho thính giả trả lời. (*Ask the audience questions to involve them in the presentation*).
7. Nếu thính giả đông, đưa ra những câu hỏi gợi ra vấn đề, thính giả suy nghĩ nhưng không trả lời mà mình sẽ trả lời. (*Use rhetorical questions - questions which encourage the audience to think, but which you answer yourself*).

Đối với người phiên dịch, yêu cầu thứ nhất và thứ hai rất quan trọng. Khi nghe diễn giả nói người phiên dịch cần ngay lập tức nắm bắt được những sự kiện đặc biệt. Có như vậy khi diễn đạt lại bằng TL, người phiên dịch mới sử dụng một cách có hiệu quả các kỹ thuật như nhấn mạnh (*emphasis*). Yêu cầu thứ hai chính là yêu cầu của các kỹ thuật *paraphrase*, *simplification* và *summary*. Những yêu cầu từ 3-7 không phù hợp với nhiệm vụ của người phiên dịch. Nhưng nếu diễn giả tạo ra những tình huống như lôi kéo khán giả vào hoạt động, đặt câu hỏi cho thính giả, thì người phiên dịch cũng cần phát huy khả năng điều khiển linh hoạt để tăng cường tính hấp dẫn của diễn giả.

Ở một mức độ nào đấy người phiên dịch cũng nên rèn luyện năng lực trình bày của mình. Trong chương này chúng ta hãy cùng tiến hành một số bài tập. Bài tập sẽ dựa trên những ý tưởng có sẵn, chủ yếu là những ý tưởng đã được viết thành văn bản. Người học tự xây dựng một dàn bài để trình bày ý tưởng đó. Chúng ta tiến hành ba bước:

1. Chuẩn bị.
2. Trình bày.
3. Rút kinh nghiệm.

Exercise 1:

Sau đây là nội dung thông tin. Hãy xây dựng một bài phát biểu trước hội nghị.

- Kiểu loại (*Category*): Truyền đạt thông tin (*The Informative Presentation*)
- Chủ đề (*Topic*): Gia nhập WTO: ***Cơ hội và thách thức cho Việt Nam***
- Đối tượng nghe (*The audience*): Các chuyên gia và những người quan tâm.
- Nội dung thông tin (*The message*):

1. Gia nhập WTO là đòi hỏi tự thân của Việt Nam
 - a. Đẩy mạnh cải cách thể chế. Phân tích.
 - b. Nâng cao tốc độ tăng trưởng và đảm bảo tăng trưởng bền vững. Phân tích.
2. Thực lực kinh tế của Việt Nam trong hoàn cảnh phát triển mới.
 - a. Kinh tế Việt Nam qua 20 năm đổi mới. Phân tích, minh họa.
 - b. Sự thay đổi của nền kinh tế thế giới và khu vực trong 20 năm qua. Phân tích, minh họa.
3. Sức cạnh tranh của nền kinh tế giữa một số nước (Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia). Thống kê. Sơ đồ.
4. Mô hình tăng trưởng. Liệt kê.
5. Gia nhập WTO và những tác động đối với nền kinh tế Việt Nam.
6. Kết luận: Một số gợi ý chính sách.

Yêu cầu trình bày

1. Công bố mục đích của bài nói chuyện. (*Stating the purpose*)
 - Tại sao lại đặt vấn đề này.
 - Dàn bài.

Example:

In my presentation I'll be referring to the new event: Vietnam joins WTO. So I'd like to raise some important problems, positive and negative, that Vietnam may face in the future.

I'm going to mention major points as follows:

2. Trình bày nội dung đã chuẩn bị. (*Perform the presentation*).

- Trong phần trình bày, để lôi kéo sự chú ý ngay từ đầu, người trình bày nên dùng những mệnh đề như:

What I'd like to do today is What I'll be presenting today is (+ trật tự của các thông tin sẽ trình bày lần lượt).

- Khi trình bày hết một phần, bắt đầu một phần mới, nên sử dụng các yếu tố báo hiệu, gọi là signposts. Ví dụ:

I'm doing my presentation in three main parts...

Firstly,..... Secondly, Thirdly,

- Khi bắt đầu trình bày cần nói rõ đâu là phần phân tích (*analysis*) và những điểm phát triển (*points to develop*), tránh làm cho thính giả hiểu lầm đó là điểm mới (*new major points*)

- Sử dụng nhiều minh họa cụ thể như sự kiện dùng để minh họa quan điểm, bảng thống kê số liệu, biểu đồ biểu diễn sự phát triển hoặc suy thoái, v.v. Ví dụ:

Bảng xếp hạng sức cạnh tranh tăng trưởng giữa một số nước, biểu đồ so sánh GDP/người của Việt Nam với một số nước sau 10 năm, ...

- Nêu câu hỏi gợi cho thính giả suy nghĩ trước khi mình trả lời câu hỏi. Đây gọi là *rhetorical questions*. Ví dụ:

Về thể chế, thể chế hiện hành của Việt Nam có những nhược điểm gì? Hệ thống thể chế thị trường đã hình thành đầy đủ chưa? Và đã vận hành đồng bộ chưa?

- Khi kết luận, không nhắc lại một số quan điểm của mình. Phần này dành cho hoạt động, hướng đi trong tương lai (*recommendations or a call for action*).

Chú thích: Toàn bộ bài trình bày được thể hiện với sự hỗ trợ của *visuals* (các phương tiện nghe, nhìn: *audio, video, powerpoint*.)

Rút kinh nghiệm

Hãy tự rút ra những khó khăn trong quá trình chuẩn bị bài nói chuyện: thiếu tư liệu? Quá nhiều thông tin cần trình bày? Thiếu từ vựng chuyên ngành?

Đáp án

Mở đầu (Introduction)

Kính thưa quý vị đại biểu,

Tôi xin tự giới thiệu là

đang làm việc cho

Chúng ta đã biết Việt Nam đã tiến được khá nhiều trong lĩnh vực hội nhập, cả hội nhập thực chất lẫn việc ký kết các hiệp định hội nhập, nhưng nhiều khâu nút hội nhập

vẫn đang là đích đến: các FTA với các đối tác chiến lược, WTO, hội nhập khu vực mới bắt đầu. Và quan trọng nhất là mới gia nhập: gia nhập muộn, điều kiện gia nhập khó hơn nhiều nước khác. Hôm nay, tôi xin trình bày thực trạng của sự phát triển kinh tế ở Việt Nam và những thách thức gì chúng tôi phải đối mặt trong tương lai khi đã gia nhập WTO.

Nội dung thông tin (What to say)

1. Gia nhập WTO là đòi hỏi tự thân của Việt Nam

a. Đẩy mạnh cải cách thể chế.

Hội nhập là cơ hội lớn nhất để giải quyết vấn đề phát triển.

Động lực cải tiến thể chế phù hợp với môi trường toàn cầu hoá.

b. Nâng cao tốc độ tăng trưởng và đảm bảo tăng trưởng bền vững. Phân tích.

2. Thực lực kinh tế của Việt Nam trong hoàn cảnh phát triển mới.

a. Kinh tế Việt Nam qua 20 năm đổi mới: Thực lực kinh tế Việt Nam: GDP tăng 4 lần, phục hồi tốt sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ Đông á, tăng cường mở cửa.

b. Sự thay đổi của nền kinh tế thế giới và khu vực trong 20 năm qua: Trung Quốc, Ấn Độ trỗi dậy mạnh mẽ, thị trường thế giới phân chia lại, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang xoá bỏ sự thách thức và cơ hội giữa các quốc gia.

3. Sức cạnh tranh của nền kinh tế giữa một số nước (Việt Nam, Trung Quốc, Ấn độ, Malaysia). Thống kê. Sơ đồ.

XẾP HẠNG SỨC CẠNH TRANH TĂNG TRƯỞNG

	Xếp hạng 2005 (117 nước)	Xếp hạng 2004 (104 nước)	Xếp hạng 2003 (101 nước)
Việt Nam	81 (-4)	77 (-17)	60
Trung Quốc	49	46	44
Thái Lan	36	34	29
Ấn Độ	50	55	29
Malaysia	24	31	29

4. Mô hình tăng trưởng.

- Dựa vào khai thác tài nguyên
- Nghiêng về phát triển ngành thay thế nhập khẩu hơn là xây dựng các ngành xuất khẩu dựa trên lợi thế động.
- Nghiêng về các ngành sử dụng nhiều vốn hơn là dùng nhiều lao động.
- Dựa chủ yếu vào đầu tư nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhà nước.
- Nhà nước là lực lượng quan trọng nhất dẫn dắt quá trình tăng trưởng.

Vấn đề: Cách thức này có hợp với tình hình mới không?

5. Gia nhập WTO và những tác động đối với nền kinh tế Việt Nam.

a. Những cam kết của Việt Nam: thuế quan, hạn ngạch thuế, biện pháp phi thuế quan, định giá hải quan, rào cản kỹ thuật đối với thương mại, kiểm dịch động thực vật, đầu tư thương mại, quyền tự vệ đặc biệt, sở hữu trí tuệ, dịch vụ

b. Tác động khi gia nhập WTO: thay đổi một số thể chế, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh gay gắt hơn, sản lượng, xuất khẩu.

6. Kết luận: Một số gợi ý chính sách.

- Nghiêm túc xây dựng các kịch bản hội nhập, lộ trình hội nhập, thực hiện cam kết với thời gian ngắn hơn.

Exercise 2:

Sau đây là thông tin cho sẵn. Hãy xây dựng một dàn bài chi tiết để trình bày trước một hội nghị khách hàng về du lịch Hà Nội

Category : The persuasive presentation
Topic : Tourism
The audience : anyone
What to say :

1. Briefing about Hanoi (or any place you choose to introduce): places of interest, historical places, religions (pagodas & temples, cathedrals,...).
2. Briefing about special food: No holiday is complete without good food!
3. Briefing about hotels: an outline of accommodation: hotels, family-run establishments, prices, ...

4. Transport to and within the city.
5. Special receptions: amusements, social and cultural.

Exercise 3:

Sau đây là yêu cầu về nội dung thông tin cần trình bày. Hãy tham khảo tài liệu của Hội nông dân Việt Nam và dựng lên một bản trình bày trước hội nghị.

Chủ đề (Topic) : **Nông nghiệp hữu cơ**

Kiểu loại : Truyền đạt thông tin

Thính giả : mọi người.

Nội dung thông tin:

1. Canh tác nông nghiệp hữu cơ là gì.
2. Vì sao canh tác nông nghiệp hữu cơ.
3. Phương pháp truyền thống.
4. Sử dụng thuốc trừ sâu.
5. Đất trồng.
6. Dinh dưỡng cây trồng.
7. Luân canh.
8. Phân xanh.
9. Cuộc sống tự nhiên.
10. Nguồn nước.
11. Đa dạng hoá gen.
12. Lựa chọn cây trồng.
13. Kiểm soát sâu bệnh và cỏ
14. Các kỹ thuật phối hợp.
15. Tiêu chuẩn quốc tế.

REFERENCES

- Ellis, Mar; Nina O'Driscoll (1992). *Giving Presentations*. Longman.
- Hội Nông Dân Việt Nam (2006). *Nông nghiệp hữu cơ là gì? (What is Organic Farming?)*. Dự án "Phát triển khuôn khổ cho sản xuất và marketing Nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam" xuất bản.

- Malcolm Goodale (1998). *Professional Presentations*. CUP.

- Trần Đình Thiên (2006). *Gia nhập WTO: Cơ hội và thách thức* (Joining WTO: Opportunities and Challenges).

TEXTS FOR INTERPRETING PRACTICE

TEXT I

TOURISM DEVELOPMENT

TRƯỚC KHI DỊCH

Những yếu tố ngôn ngữ sau đây người phiên dịch cần biết trước khi luyện dịch bài này:

export market development: *phát triển thị trường xuất cảnh*

statistic learning: *môn học thống kê*

to maximise the occupancy: *đạt được lượng khách tối đa vào khách sạn*

hinterland: *vùng đất xa biển*

eco-tourism: *du lịch sinh thái*

strategies of tourism development: *chiến lược phát triển du lịch*

resurrection: *làm sống lại*

indigenous people: *người dân bản địa*

indigenous tourism: *du lịch tham quan nền văn hóa bản địa*

Baby Boom Population: Trước hết, từ baby boomer là từ chỉ dân số ra đời giữa năm 1946 đến 1964. Hay nói cách khác là dân số lớn tuổi, trên 50 tuổi. Baby Boom Population là một chiến lược phát triển thị trường du lịch nhằm vào người lớn tuổi, một trong ba chiến lược phát triển du lịch của Australia.

weekend packagers: *những người đi du lịch trọn gói vào kỳ nghỉ cuối tuần*

sea change: *thay đổi không khí bằng cách ra nghỉ ở biển*

tree change: *thay đổi không khí bằng cách lên rừng núi nghỉ ngơi*

The Great Barrier Reef là hệ thống các bãi san hô ngầm lớn nhất thế giới có khoảng trên 2,900 bãi san hô và 900 đảo trải dài trên 2,600 km, chiếm khoảng diện tích là 344,400 cây số vuông. Đây là vùng san hô ngầm ngoài khơi ở Queensland, đông bắc Australia.

LUYỆN DỊCH

Good afternoon every one,

I am very pleased to be attending here this afternoon and most grateful for your kind invitation to attend your meeting to assist with you your further studies as interpreters and I've been in Da Nang six days... I think you found me ... and I'm very grateful to have an opportunity to express my views about what I have seen in Vietnam so far.

(beep)

My background in Australia is in tourism and export market development. I worked for 15 years in corporations as a consultant contract about the Australian government teaching statistic learning, tourism development, cultural service skills in tourism, marketing development, business English for overseas visitors.

(beep)

And during these fifteen years I saw a lot of changes in Australia because I travelled right across Australia in my work, and I experienced and saw a lot of changes in the way our country was being developed and some were positive and some were negative.

(beep)

You have a very beautiful city here in Da Nang with a lot of wonderful opportunities to develop the city in the right way because it is just beginning to be developed whereas in Australia and in a lot of western countries there has been a lot of mistakes made in the development of the cities.

(beep)

And here you have a wonderful opportunity to not make first mistakes and some of the communications I would like to give you this afternoon in your meeting is about some of the mistakes that Australia has had to correct in order to stay in major tourism.

(beep)

About 25 years ago in Australia particularly on the east coast a lot of major international hotels for example the Sheriton Hotel, Hilton Hotel, Sofitel, set up large hotels in all the major cities and along the beaches in Australia because we are a beach loving country, and they thought that they would be able to maximise the occupancy in those

hotels, so they all did exactly the same thing they could: beautiful resorts, beautiful major international hotels.

(beep)

But unfortunately there was no comparative difference between them. So for a great number of years they really battled to (get) enough people to fill the beds and to have financially viable in those major hotels. For example in far north Queensland in Kent Great Barrier Reef. I would like to share with you some specific mistakes that they have now corrected because it is very similar geographically and environmentally to Da Nang.

(beep)

In Kent it currently has the population of 1.5 million. It is located on the east coast at the top of the state of Queensland. It has temperature in the range of 25 to 35 degrees, beautiful beaches, hinterland, a very relax lifestyle. When Kent first decided to develop its city which was around 1885 it allowed the major international hotels to come in and build in that city.

(beep)

What the hotels did was resume land where our indigenous people were based along the coastline. And the tourism at that point of time before the hotels were mainly backpackers, backpacker tourists; and the city has actually grown economically to some extent because of backpacker tourism.

(beep)

Our indigenous people were very important to the culture of our city Kent just like in Da Nang your indigenous people are very important to the culture. So when the Americans came and built their large hotels the indigenous people were forced to live in somewhere else and with them they took the very culture that was the main reason for people coming to visit Kent.

(beep)

So the backpackers stopped coming and the indigenous people leave, so the domestic tourism to that area declined very quickly; and so Kent was left with the major international hotels taking a primary state and had destroyed the culture, the very culture that was so important to that area

(beep)

So what had happened since that time the government went on a major resurrection of the economic situation of the city. And it encouraged the major international hotels instead of having them as hotels to divide them into apartments, into medium term living arrangements for the local people that were working in the Kent's Port like here in Da Nang you have a large port, Kent also has a large port. So it readdressed its strategy for economic development in that city.

(beep)

In addition, the government also set up special up markers that packed the area. So instead of \$2 a night backpackers accommodation became \$10-12 a night, that packers accommodation; so it allocated the streets that were not right on the beach front, but 2-3 streets away from the beach front to bring the backpackers into the area so it could bring more money back in the city.

(beep)

In addition it set up specific areas for indigenous tourism that were ... and they built the indigenous people that had left the city back into the city and retrained them in tourism. So they could maximise the cultural significance that had previously existed before they had moved away from the city.

(beep)

The other thing our government has also done is to focus very much on natural resources in the area. And it has developed and implemented an eco-tourism, environmental tourism plan that started in Kent about 8 years ago. And has now been copied as a successful model of around Australia. Kent has beautiful rainforests, waterfalls, lakes, oceans, deep-sea diving, barrier of reefs, reef-fishing.

(beep)

So there was a sitting area to be used by locals in Australia to come for weekend to Kent. So the government developed special weekend packagers for business people to come from the other major cities and fly into Kent, and put them into the apartments that once had been hotels.

(beep)

In addition the government encouraged local developers to build eco-tourism resorts

and to plan the planning in great details to ensure that all the natural resources were preserved, not one tree was allowed to be taken out. So the natural resources like your Mother Mounts which are so precious to you could be preserved.

(beep)

The government has to promote correct the strategies of tourism development now in Australia. And it has special tourism training schools where someone can go to learn even basic hospitality skills still a lot of money building the tourism schools because it has recognised the past mistakes.

(beep)

Upon two or three years ago we had three major tourism markets developing in Australia. One of those is what we call the Baby Boom Population. Compared to Vietnam our population is much older and 60% of our population is 50 years of age or over now. So it's quite different to Vietnam.

(beep)

In addition our cities had become very congested and over-rebuilt towns and many of the business people are looking to get out of seventy-, eighty-hour working weeks and to adopt one or the other of two things called the sea change, moving to the beach, or tree change, moving to the forest. And upon three years ago there was a major shift in that area. But what is now taken in focus is global warming.

(beep)

In our country at the moment we are running out of water. We have had very little rainfall for the last four or five years in Australia, in particularly in the city that I live in, Brisbon. And in fact we are only allowed one minute in a shower. We have to not flush the toilet for every time we go to the toilet. It's quite severe, and the recycling of water has become a major issue because we are running out of drinking water. That is rather costly to Australia, the effects of global warming, and particularly in tourism we can see the effects now.

(beep)

Some of the effects of global warming on tourism in Australia can be seen in our major world heritage areas for example in the Great Barrier Reef. In the Great Barrier Reef the reef is dying and it has an expected life of three years before it is no more ... dead.

(beep)

And other areas like our rain forest you can see it dying because of insufficient rainfall. So one of our concerns in our country was to develop its tourism as fast as possible now to preserve what we have as much as possible, and allow tourism to build its way around dying environment instead of taking our environment and building it around tourism.

(beep)

Some of the mistakes our country has made are preventable in developing countries like Vietnam and since my week has been here my initial joy at discovering your beautiful beaches and people was upset to some extent with my sadness at seeing some of them mistakes that we have made in Australia already being repeated here.

(beep)

In your beautiful city of Da Nang you have the opportunity right now to develop strategies for its development that will be unique to Da Nang while preserving its natural heritage and its uniqueness. Along your beach front for example I notice there are several major international hotels being built. That is not great environmentally. We have discovered in our country where we have built massive hotels along our beach front, the beach is being eroded significantly.

(beep)

Da Nang is in a very good position right now to be the leading city in Vietnam to develop an example for others to follow throughout Vietnam. It could because it is just starting to develop.

(beep)

I think you have some major sustainable comparative advantages here that could be built on right now and planning consideration could be given to those rather than doing what every other city in the world , and particular in Asia, has done.

(beep)

And I think I am very much of the belief that this is the beautiful city ...it is right there ... points ... and it could really be the role model in all aspects of environmental concerns, specific niche tourism, marketing development rather than just major international resorts and trying to go for really big markets that everyone else has.

(beep)

I think you will have one very compatative, inspiring, demanding great model. And right at this point of time Da Nang sits right there and it can either go in that direction or it can go in the other direction where will be competing for ever, ever, and ever because development will happen but customers are few and far between.

TEXT 2

Should Children be Allowed to Own and Use Cell Phones?

TRƯỚC KHI DỊCH

Những yếu tố ngôn ngữ sau đây người phiên dịch cần biết trước khi luyện dịch bài này.

cell phone: *điện thoại di động*

be curtailed: *hạn chế*

in the event of an emergency: *khi có sự cố xảy ra*

a means of contact: *phương tiện liên lạc*

to ward off or identify predator: *tự bảo vệ chống lại kẻ xấu hoặc nhận diện kẻ xấu*

responsible cell phone ownership: *sở hữu điện thoại di động một cách có ý thức*

a large distraction: *mất tập trung nghiêm trọng*

to meld: *phối hợp nhiều yếu tố với nhau*

pre-established number: *số điện thoại đặt trước*

radiation rays: *tia xạ*

to be insulated: *cách nhiệt*

detrimental effect: *tác hại*

a very affordable way of communicating: *một phương tiện liên lạc chấp nhận được về mặt kinh tế*

a paramount reason: *một lý do quan trọng, một lý do không thể đùng được*

to text: *gửi tin nhắn bằng điện thoại di động*

gadget: *công cụ hữu dụng*

sociological point of view: *quan điểm xã hội học*

messages are subliminally sent: *gửi những thông điệp vô tình tác động đến ý thức*

text speak: *lối ăn nói theo kiểu tin nhắn, lối nói cộc lốc*

text language: *ngôn ngữ dùng trong tin nhắn*

That's part of being a parent: *trách nhiệm của người làm cha làm mẹ*

LUYỆN DỊCH

Should Children be Allowed to Own and Use Cell Phones? Are there any Negative Impacts from Using Cell Phones for Both Children and Adults?

(beep)

It is difficult to imagine a time when we did not have cell phones. Many of us rely on our phone throughout the day in order to stay in contact with our business, friends and families. Whether we like the cell phone or not, it has become an essential part of our society and there is little chance of its use being curtailed in the near future.

(beep)

Even children have begun to carry their own cell phones, not only for emergency and family use but to stay in touch with their friends through the use of text messaging. What are the positive and negative points of allowing a child to carry a cell phone?

(beep)

There's no doubt that when it's necessary, a cell phone becomes an important tool for a child to use in the event of an emergency. We live in a very difficult and sometimes dangerous world. Having a means of contact with your child at all times through the use of a cell phone could be a matter of their personal safety.

(beep)

Children have used cell phones to contact their parents or officials in the event of a threatening situation and have even used the photo ability of the cell phone to ward off or identify predators. As children grow older, it is also often a good idea to give them a certain degree of relative freedom. Responsible cell phone ownership could provide this for your child.

(beep)

On the other hand, owning a cell phone can have a lot of negative impact on a child as well. These phones can be a large distraction to them, both within the walls of the school system and outside.

(beep)

It becomes very easy for the child to receive text messages and pictures that the parents may not approve of. Along with that, there are also some health concerns, although unconfirmed, about the dangers of having concentrated cellular waves so close to a developing body on a regular basis.

(beep)

One option that may meld the two together is to have a cell phone for the child that is limited in its capability to send and receive calls. It would only be able to call out to emergency numbers and can only send and receive two pre-established numbers. This would give the parents some peace of mind, knowing that their child has a means to contact them in case of an emergency.

(beep)

There has been documented data that the radiation from the use of a cell phone can cause damage to people. Especially in the case of children, their minds and bodies, to include their brains, are in the development stages and possibility more susceptible to damage from harmful radiation rays.

(beep)

This isn't limited to children as adults are constantly exposed to the radiation from the use of cell phones. Have you ever felt the heat on your head after use of your cell phone? Maybe you haven't noticed it due to being too busy or not aware of the negative effects of using a cell phone.

(beep)

I have experienced it and am fully aware of the impact a cell phone can have on people's health. The latest cell phones may be more insulated and you may not feel the heat very much. That doesn't diminish the point that radiation is being emitted from the cell phone and it could harm you physically.

(beep)

Another area of study about where you keep your cell phone has shown that it is unhealthy for people to carry it in the front pocket of your pants. The radiation factor places people's health, especially men, in potential danger. It may have some detrimental effects to the reproduction system of people.

(beep)

Just imagine you would be getting x-ray pictures of your body taken, which is not healthy. The same effect is having a radiation producing object too close to your body. The reality of today is that cell phones are an integral part of our daily lives. We need them for so many reasons that there is no going back to the phone booths on the street corner.

(beep)

In many countries, the lack of public phone booths makes it a requirement for people to purchase and use a cell phone. In New Zealand, where I was living for 10 years, the number of public phone booths has slowly decreased and they don't even take coins.

(beep)

The inconvenience of having to get a phone card just to use the phone also pushes people to get a cell phone. The lower cost of owning a cell phone has also increased the use and parents see it as a very affordable way of communicating their children.

(beep)

In Japan, I witnessed children having far more expensive cell phones than I had. Personally, I didn't see the importance of having all the bells and whistles, the latest camera, internet access and so on, from a cell phone.

(beep)

A parent must decide the paramount reason for children to have the cell phone. Did you ever consider why your child has a cell phone? It may be different here in Vietnam than other countries and quite possibly less children have a cell phone than other countries.

(beep)

In New Zealand, many children in grade school and high school, ages 11 and older, take their cell phone to school. The apparent reason for this is so children can contact their parents in case of emergencies.

(beep)

But the reality is that they use it a lot for texting while in school and in many cases have an expensive one that takes pictures and records video. As I stated earlier, the children can be distracted from their studies if they are more focused on receiving and sending emails to and from their fellow students in the same school.

(beep)

And with the latest I-phones and new gadgets constantly coming on the market, the phone companies and phone makers are influencing the purchases of the consumers to constantly upgrade. This has been the same trend in personal computers.

(beep)

A question to ask is "How important is it to own a cell phone and even more so, is it important for a child to use one often."

(beep)

From a sociological point of view, the use of cell phones, and in some respect personal computers, has altered the way we interact as a society. Children have been shown to lack the ability to focus for long periods of time with an ever decreasing attention span.

(beep)

Some of the reasons have been linked to the rapidity of the computer, everything being short and sharp, children being exposed to TV, where messages are subliminally sent via the show or commercial, and now quite possibly the use of cell phones where people expect immediate responses.

(beep)

A lack of patience can develop and the expectation that an immediate response will occur is the result of the latest electronic gadgets on the market. Have you ever been to a social event, be it a meeting a friend for a coffee, playing tennis or any other sport, where the cell phone has interrupted the conversation? Also, have you had a long conversation with a young person?

(beep)

It may not be the case in Vietnam, but in many developed countries around the world, many children and young adults are unable to maintain a long, interesting conversation and often respond with short replies and have very little imagination or opinion about recent news or the latest world events.

(beep)

The use of the cell phone has also impacted on the language used today. In California, they were proposing that teachers learn "text speak" or text language so that they could understand what the students were writing and using to communicate. The shortened use of words and numbers has created a dilemma for teaching institutions in how they approach the use of text speak in the education area.

(beep)

Have you ever thought about whether you can do without your cell phone? Have you ever turned it off for the day and not used it? Do you really think your child needs a cell phone? These are just some food for thought questions for you to ponder.

(beep)

There are several lines of reasoning that may help you to come to a decision of your own. First of all, if you have children this needs to be a personal issue, one that you will decide for the benefit of your children and yourself. You will also have to make sure that the cell phones are used within the guidelines that are established for them in the school system. That's part of being a parent, the responsibility of making decisions for your child within certain guidelines.

(beep)

Please, also consider the health ramifications from using a cell phone, as both an adult and child. And from a society point of view, we are able to maintain a high level of conversation intelligence with the younger generations being exposed to so many forms of technology that have been shown to effect the ability of people to communicate with each other.

(beep)

I'd like to thank you for listening today and I hope that you have enjoyed this topic and that it has given you some ideas about the importance and need for the use of the cell phone. Enjoy your day.

TEXT 3

THÁI ĐỘ CÓ TÍNH CHẤT ĐẠO ĐỨC ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRƯỚC KHI DỊCH

Những yếu tố ngôn ngữ sau đây người phiên dịch cần biết trước khi luyện dịch bài này.

đạo đức môi trường: *environmental ethics*

quan hệ tương tác, hài hòa: *interactive and harmonious relations/relationships*

mối nguy hại không thể lường trước được: *unprecedented danger*

hài hòa (hoạt động đồng bộ) không phải chỉ là ... mà còn là ...: *harmonious activities are not only ... but also ...*

sự cạnh tranh quá mức: *over-competition*

vin vào cố ... để ... (làm điều gì): *to resort to smth to do smth.*

Chính vì (sự lo lắng đến ...).... mà (chúng ta cống hiến...): *It is (our great concern of ...).... that(we dedicate ourselves to ...)*

việc làm này đòi hỏi ...: *this involves ...*

LUYỆN DỊCH

Quan hệ tương tác, hài hòa giữa môi trường thiên nhiên và con người đã và đang được khẳng định. Không giữ được mối quan hệ tương tác và hài hòa trong mối quan hệ này sẽ dẫn đến những mối nguy hại không thể lường trước được.

(beep)

Con người và thiên nhiên đang cùng tồn tại trong môi trường thiên nhiên; vì vậy con người phải bảo vệ môi trường thiên nhiên, và phải khôi phục nó nếu nó bị xâm hại.

(beep)

Hài hòa không chỉ là nhu cầu trong quan hệ giữa các nước, các dân tộc mà còn là quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Hoạt động đồng bộ phải được coi là những hành động chống lại sự đối kháng, sự thay thế cho những cạnh tranh quá mức vì sự cạnh tranh mang tính đối kháng sẽ dẫn đến lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên và trở thành một chướng ngại vật trên con đường phát triển.

(beep)

Con người không nên vin vào cơ phát triển và tăng trưởng kinh tế để xâm phạm đến sự hài hòa trong mối quan hệ này. Đó là một trong những quan niệm chủ yếu của chúng ta về thái độ có tính chất đạo đức đối với môi trường.

(beep)

Xuất phát từ quan niệm này chúng ta thấy có hai mối quan hệ cơ bản được nhấn mạnh, một là quan hệ giữa con người của hiện tại và của tương lai, hai là quan hệ giữa loài người và thiên nhiên. Chính vì lo lắng đến tương lai của loài người, đến thế hệ con cháu mà chúng ta đang cố gắng bảo vệ và khai thác hợp lý các tài nguyên thiên nhiên. Điều đó thể hiện đạo đức của thế hệ chúng ta hôm nay đối với thế hệ mai sau.

(beep)

Việc làm này đòi hỏi có sự kết hợp của mỗi con người, mỗi vùng, mỗi quốc gia và cả cộng đồng thế giới vì trái đất là ngôi nhà chung của chúng ta. Bảo vệ tốt ở nơi này nhưng suy giảm ở nơi khác có thể dẫn đến ảnh hưởng chung về môi trường toàn cầu.

(beep)

Hơn nữa, khi khai thác tài nguyên thiên nhiên, mỗi quốc gia cần phải lưu ý đến ảnh hưởng có thể trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường không những của nước mình mà còn cả của các quốc gia lân cận. Đó cũng là một vấn đề đạo đức.

(beep)

TEXT 4

PHIM TÀI LIỆU TRUYỀN HÌNH

TRƯỚC KHI DỊCH

Những yếu tố ngôn ngữ sau đây người phiên dịch cần biết trước khi luyện dịch bài này.

phim tài liệu truyền hình: *television documentary film*

phim nhựa: *motion pictures*

trạm phát thanh: *radio station*

phóng viên thường trú: *a reporter on location*

chủ đề nhạy cảm: *a sensitive subject*

Học thuyết Công bằng: *Fairness Doctrine*

có trách nhiệm dành một thời gian bình đẳng cho việc phát sóng những quan điểm đối lập: *an obligation to give equal time on the air for the expression of opposing viewpoints.*

Công ty Nhôm của Mỹ: *The Aluminum Company of America*

LUYỆN DỊCH

Phim tài liệu truyền hình lại có xuất xứ từ phát thanh chứ không phải từ phim nhựa do đó nó tiềm ẩn sự khác nhau cơ bản giữa phim tài liệu truyền thống và phim tài liệu truyền hình. Trạm phát thanh đầu tiên được xây dựng vào năm 1926 sau đó là hàng loạt các trạm khác trên toàn nước Mỹ ra đời.

(beep)

Phát thanh chủ yếu là phương tiện giải trí và quảng cáo, kèm thêm những bản tin như một chương trình phụ. Những nhà quảng cáo và công ty quảng cáo là những người thực sự điều khiển những hệ thống này. Họ rất nhạy bén trong việc đưa vào chương trình những chủ đề đang được tranh luận làm tăng cường khả năng quảng cáo sản phẩm của khách hàng của họ.

(beep)

Lúc đó các bản tin chẳng có gì hơn là một phóng viên thường trú ở một địa phương nào đó miêu tả sự việc xảy ra ở đấy. Những bản tin phát ra vào thập kỷ 1920 và 1930 hầu như không phân tích, phê phán hoặc đưa ra ý kiến cá nhân. Họ tránh đưa ra những ý kiến tranh luận hoặc những nỗ lực thay đổi xã hội, chính trị và kinh tế.

(beep)

Sự tránh né tìm kiếm chủ đề nhạy cảm hoặc tránh đứng về một phía trong các vấn đề chung được chính phủ Mỹ chính đồn. Một loạt các đạo luật được thông qua có liên quan đến cái mà người ta vẫn gọi là Học thuyết Công bằng.

(beep)

Học thuyết Công bằng bảo đảm người phát sóng có quyền tự do ngôn luận, nghĩa là họ được phép thể hiện sự đánh giá của riêng mình trong khi biên tập, nhưng ngược lại, vẫn phải có trách nhiệm dành một thời gian bình đẳng cho việc phát sóng những quan điểm đối lập.

(beep)

Phim tài liệu truyền hình như chúng ta biết ra đời vào năm 1951 bắt đầu bằng một loạt phim của CBS: See It Now do Edward R. Murrow và Fred Friendly sản xuất. Đó là phát triển tự nhiên từ những sê-ri phim tư liệu phát thanh trước đây như Hear It Now cũng do Murrow và Friendly sản xuất.

(beep)

Chẳng bao lâu Murrow và Friendly đã quen với thính giả đông đảo của họ, do đó họ đã dựng được một số chương trình quan trọng hơn với sự tài trợ về tài chính của Alcoa, Công ty Nhôm của Mỹ.

(beep)

Ngay sau đó, nhiều loại hình phim tài liệu truyền thống khác được phát triển, dần dần tiến đến phim truyền hình.

(beep)

----- *The End* -----

NOTE

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT PHIÊN DỊCH

Anh - Việt, Việt - Anh

Nguyễn Quốc Hùng, MA

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu, Hà Nội

ĐT: (024)39434044

Chi nhánh: 145 Pasteur, P.6, Q.3, Tp.HCM

E-mail: chinhanhnxbthanhnien@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

Lê Thanh Hà

Biên tập: Tạ Quang Huy

Trình bày: Tinh Hoa

Bìa: Quốc Bình

Sửa bản in: Ngọc Thiện

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT

NHÀ SÁCH PASTEUR

16 Duy Tân, P.15, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

In 500 cuốn, khổ 18x26cm, tại công ty TNHH TM DV Quảng Cáo Trung Tín

Địa chỉ: số 62 Tân Thành, phường Tân Thành, Q. Tân Phú, TP.HCM

Số ĐKXB: 1773-2021/CXBIPH/34-67/TN cấp ngày 20/05/2021

QĐXB: 304/QĐ-TN cấp ngày 8/06/2021

Mã ISBN: 978-604-334-338-0

In xong và nộp lưu chiểu tháng 08 năm 2021